CÔNG TY TNHH DMR VINA

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở "NHÀ MÁY SẢN XUẤT DMR VINA – GIAI ĐOẠN I"

ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN: KCN HÒA MẠC, THỊ XÃ DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

Hà Nam, năm 2022

CÔNG TY TNHH DMR VINA

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở "NHÀ MÁY SẢN XUẤT DMR VINA – GIAI ĐOẠN I"

ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN: KCN HÒA MẠC, THỊ XÃ DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH DMR VINA	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN EJC TẠI HÀ NAM**
MSDN: 0700809357-CTTNHH CÔNG TY TNHH DMR VINA TX. DUY TIÊN - T. HÀ NAM	MSCN: 2400589707-012 - CNCTCP CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN EJC TẠI HÀ NAM TP. PHỦ LÝ - T. HÀ NAM
PHÓ GIÁM ĐỐC	**GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH**
PARK IL MOON	*Bùi Đức Trọng*

Hà Nam, năm 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT iii
DANH MỤC BẢNG iv
DANH MỤC HÌNH VẼ v
CHƯƠNG 1 THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ 1
1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ 1
1.2. TÊN CƠ SỞ 1
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ 1
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở 1
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 1
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở 6
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ 6
1.4.1. Danh mục máy móc sử dụng trong giai đoạn hoạt động 6
1.4.2. Nhu cầu về nguyên, vật liệu trong giai đoạn hoạt động của cơ sở 7
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu trong giai đoạn hoạt động của cơ sở 8
1.4.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất 9
1.4.5. Nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn hoạt động của cơ sở 9
1.4.6. Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn hoạt động của cơ sở 10
1.4.7. Nguồn cung cấp điện, nước 10
1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ 11
1.5.1. Vị trí địa lý 11
1.5.2. Tiến độ thực hiện 12
1.5.3. Tổng mức đầu tư 13
1.5.4. Tổ chức quản lý và thực hiện 13
1.5.5. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của cơ sở 13
1.5.6. Các hạng mục công trình của cơ sở 14
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 15
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG 15
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 15
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 18
3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI 18
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa 18

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải 18
3.1.3. Xử lý nước thải 20
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI 22
3.2.1. Đối với bụi và khí thải phát sinh do hoạt động giao thông 22
3.2.2. Đối với bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất 23
3.2.3. Giảm thiểu mùi hôi từ kho rác 24
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN 24
3.3.1. Yêu cầu về quản lý chất thải 24
3.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 27
3.3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTNH 27
3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG 28
3.5. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG 28
3.5.1. Phòng ngừa sự cố cháy nổ 28
3.5.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa tai nạn lao động 30
3.5.3. Biện pháp an toàn vệ sinh thực phẩm 31
3.6. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC 31
3.6.1. Giảm thiểu tác động do bức xạ nhiệt 31
3.6.2. Giảm thiểu tác động do gia tăng mật độ giao thông trong khu vực 31
3.6.3. Giảm thiểu tác động tiêu cực do tập trung công nhân 31
3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI BÁO CÁO ĐTM ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT 32
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 33
4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI 33
4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI 33
4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG 33
CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 34
5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI 34
5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI KHÔNG KHÍ MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG 35
CHƯƠNG VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 39
6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI 39
6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT 39
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 39
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 39
CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ 40
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN CƠ SỞ 41

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	:	Bộ tài nguyên môi trường
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
BYT	:	Bộ y tế
BQL	:	Ban quản lý
CP	:	Chính phủ
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
ĐTM	:	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
HTXLNT	:	Hệ thống xử lý nước thải
HTXLKT	:	Hệ thống xử lý khí thải
KCN	:	Khu công nghiệp
KDC	:	Khu dân cư
NĐ	:	Nghị định
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QĐ	:	Quyết định
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
STT	:	Số thứ tự
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TT	:	Thông tư

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Danh mục máy móc thiết bị chính của sơ sở 6
Bảng 1.2. Tổng hợp nguyên, vật liệu phục vụ cho hoạt động của cơ sở 7
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu trong giai đoạn hoạt động của cơ sở 8
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất 9
Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở 10
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở 10
Bảng 1.7. Tọa độ khu đất của cơ sở 11
Bảng 1.8. Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở 14
Bảng 1.9. Các hạng mục công trình của cơ sở 14
Bảng 2.1. Kết quả phân tích nước thải tại KCN Hòa Mạc 15
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của quạt công nghiệp lắp đặt tại cơ sở 23
Bảng 3.2. Thiết bị phòng cháy chữa cháy của cơ sở 29
Bảng 3.3. Tổng hợp những nội dung thay đổi của dự án so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt 32
Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của tiếng ồn và độ rung 33
Bảng 5.1. Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ từ năm 2021 đến nay 34
Bảng 5.2. Tổng hợp kết quả quan trắc không khí môi trường lao động định kỳ năm 2021 35
Bảng 5.3. Tổng hợp kết quả quan trắc không khí môi trường lao động định kỳ năm 2022 37

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Quy trình sản xuất, gia công của cơ sở 2
Hình 1.2. Sơ đồ công đoạn trộn 2
Hình 1.3. Hình ảnh minh hoạt cho thiết bị trộn 3
Hình 1.4. Sơ đồ công đoạn cán 4
Hình 1.5. Hình ảnh minh họa thiết bị cán 4
Hình 1.6. Nguyên lý hoạt động của bộ phận kẹp thủy lực 5
Hình 1.7. Vị trí của cơ sở 11
Hình 1.8. Sơ đồ tổ chức quản lý của nhà máy 13
Hình 3.1. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước mưa của cơ sở 18
Hình 3.2. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải của cơ sở 19
Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại cải tiến 3 ngăn 20
Hình 3.4. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại cải tiến 20
Hình 3.5. Sơ đồ nguyên lý của hệ thống thông gió tự nhiên 23

CHƯƠNG 1
THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ

1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ

- Chủ cơ sở: Công ty TNHH DMR Vina.
- Địa chỉ văn phòng: Đường D1, Khu E, KCN Hòa Mạc, TX. Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông KIM JUNHO Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0226 358 4265 E-mail: dmr4235@gmail.com

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700809357, đăng ký lần đầu ngày 25/07/2018, thay đổi lần thứ 3 ngày 13/10/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 7659445709, cấp lần đầu ngày 20/07/2018, thay đổi lần thứ nhất ngày 21/12/2018.

1.2. TÊN CƠ SỞ

- Tên cơ sở "Nhà máy sản xuất DMR Vina - Giai đoạn 1" (Sau đây gọi tắt là Cơ sở).
- Địa điểm cơ sở: KCN Hòa Mạc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
- Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM: Quyết định số 1642/QĐ-BQL ngày 25/12/2018 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam.
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Nhóm C.

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Giai đoạn I: 110.000.000 sản phẩm/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình sản xuất của cơ sở được thể hiện trong sơ đồ sau:

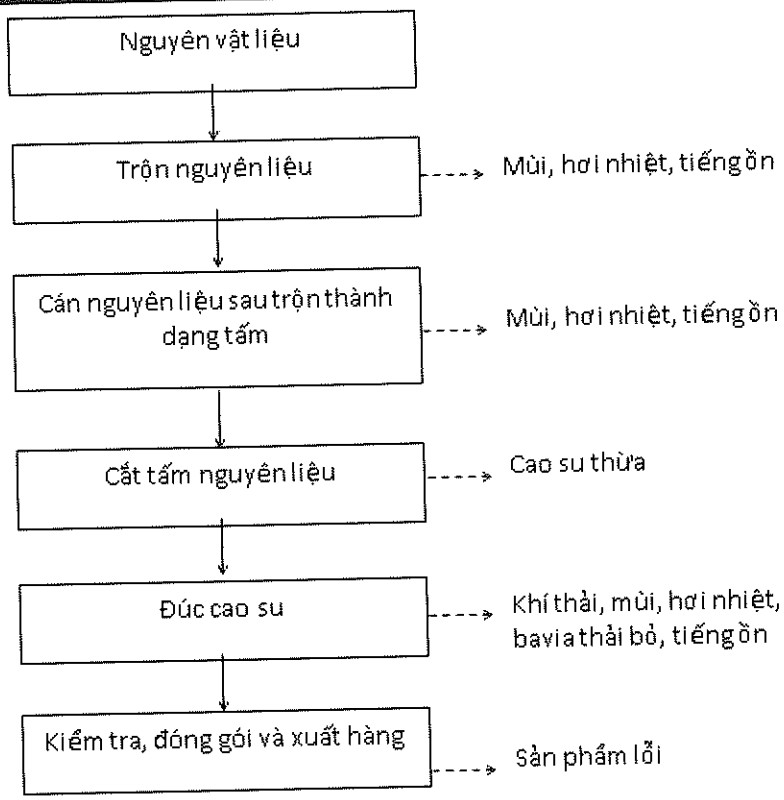

Hình 1.1. Quy trình sản xuất, gia công của cơ sở

❖ ***Thuyết minh quy trình sản xuất***

- *Công đoạn trộn nguyên liệu:*

Nguyên liệu sản xuất là cao su tổng hợp EPDM, NBR dạng tấm, màu đen. Nguyên vật liệu được nhập về từ Tổng công ty tại Hàn Quốc và lưu trữ tại kho nguyên liệu của nhà máy để bảo quản. Bước đầu, cao su dạng tấm được đưa vào sơ luyện (trộn) tại thiết bị Kneader. Quy trình trộn được diễn giải theo sơ đồ sau:

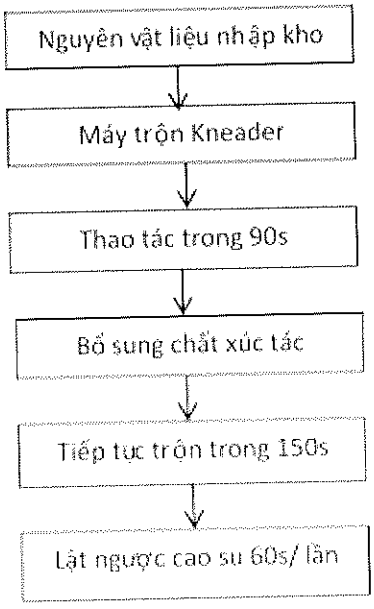

Hình 1.1. Sơ đồ công đoạn trộn

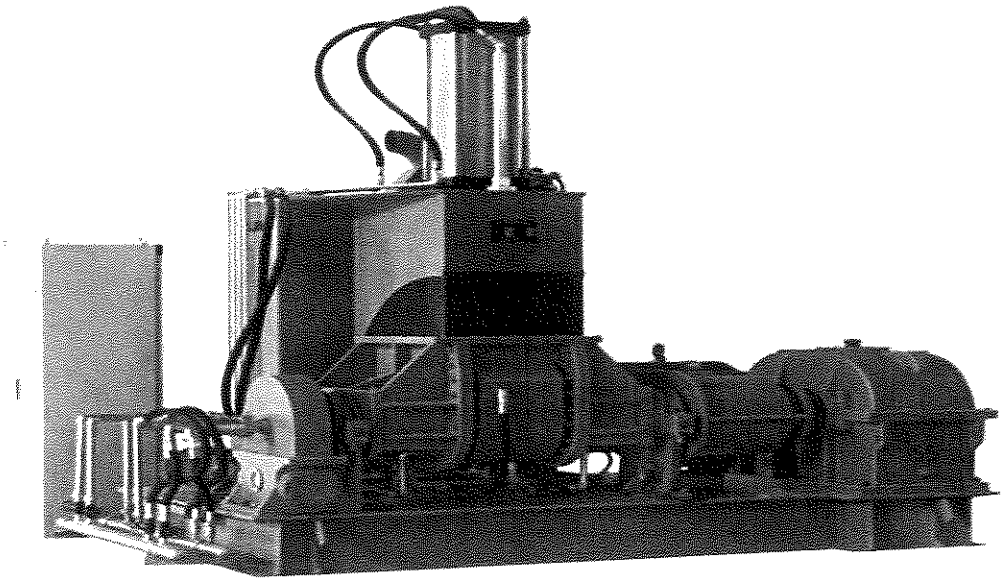

Hình 1.2. Hình ảnh minh hoạt cho thiết bị trộn

Nguyên vật liệu sau khi được cân đo trọng lượng bằng máy tính theo tỷ lệ sẵn có sẽ được đưa vào nhào trộn tại thiết bị trộn kín Kneader. Quá trình trộn diễn ra tại buồng trộn khép kín trong khoảng thời gian đầu là 90s. Sau đó, tại cửa đưa nguyên liệu từ phía sau của thiết bị Kneader, bổ sung chất xúc tác (gồm chất lưu hóa, chất xúc tiến, trợ xúc tiến,..) đã được phân chia tỷ lệ theo hướng dẫn đối với từng loại sản phẩm khác nhau. Tiếp tục nhào trộn cao su trong thời gian 150s để cao su ngấm đều các chất phụ gia. Tại quá trình này, cứ 60s thiết bị trộn tự động lật ngược cao su 1 lần. Nhiệt độ tối ưu tại thiết bị trộn là 50^0C – 80^0C. Kết thúc quá trình này, thu được hỗn hợp cao su ở dạng mềm dẻo. Tại công đoạn này, không có khả năng phát sinh bụi, khí thải, CTR do thiết bị trộn hoàn toàn khép kín.

- *Công đoạn cán:*

Cao su sau quá trình hỗn luyện tiếp tục được đưa vào thiết bị Mixing Roller (máy cán dạng con lăn) nhằm cán mỏng cao su thành 1 tờ dài, có độ dày mong muốn, đồng nhất và không đổi theo mô tả sau:

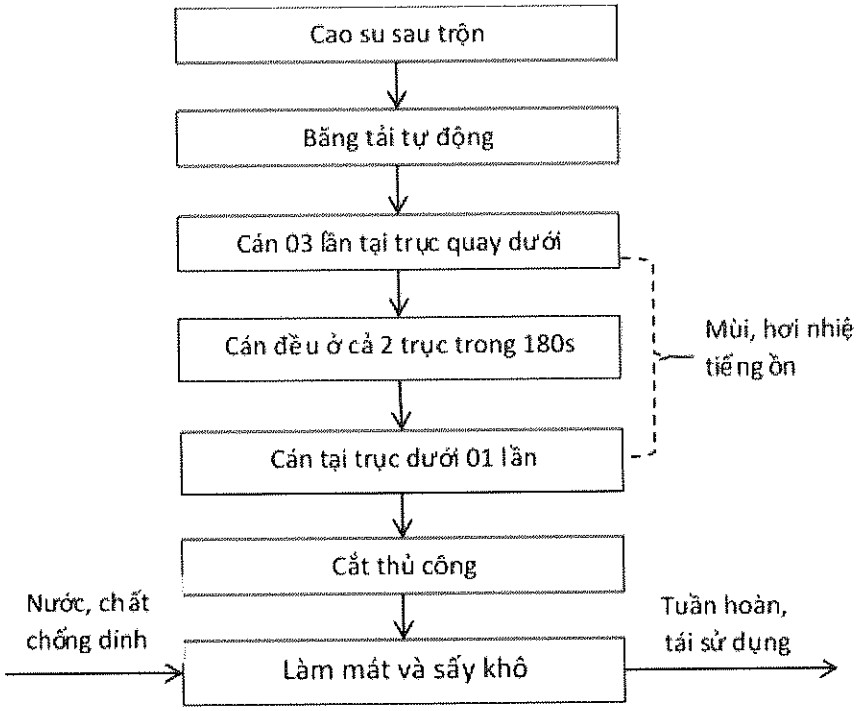

Hình 1.3. Sơ đồ công đoạn cán

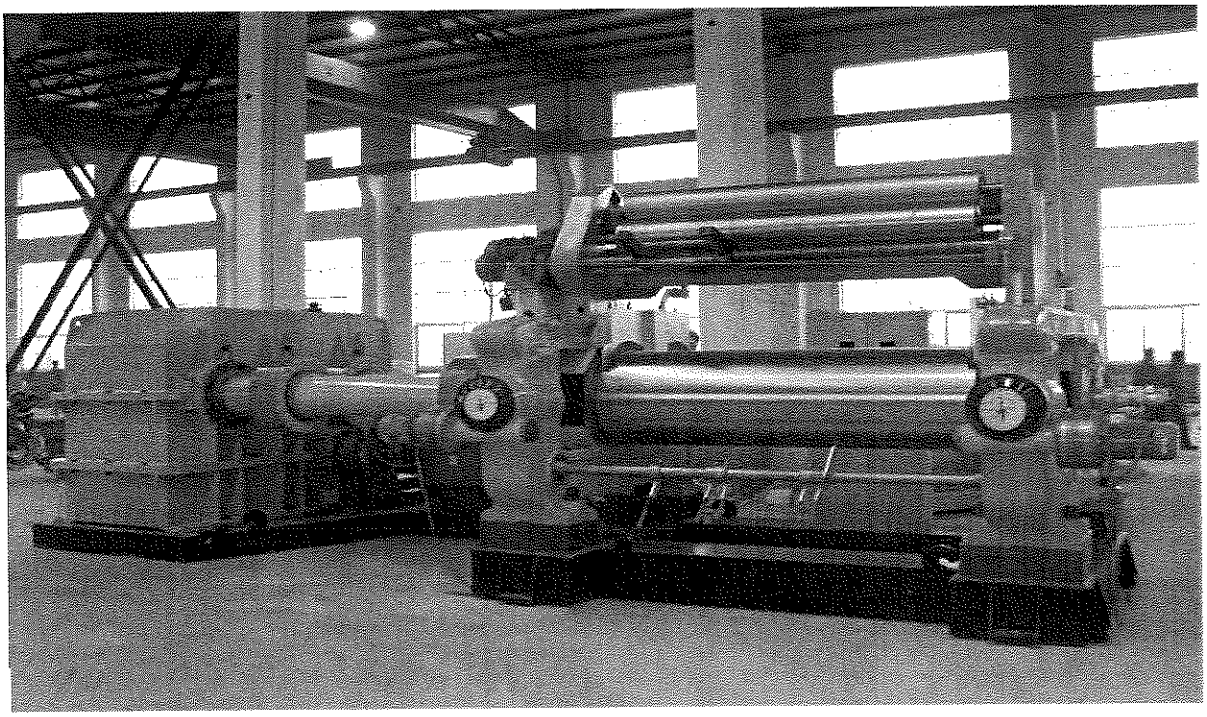

Hình 1.4. Hình ảnh minh họa thiết bị cán

Cao su sau khi trộn đều với các chất phụ gia được đổ tự động từ buồng trộn của thiết bị trộn (Kneader) ra phễu đựng nguyên liệu trên băng tải nối liền với thiết bị cán con lăn (Mixing Roller). Thiết bị cán gồm 02 trục lăn trên và dưới. Ban đầu, băng tải tự động đổ hỗn hợp cao su xuống trục lăn phía dưới, cán đều theo vòng quay trục 03 lần. Sau đó, công nhân thao tác thủ công đưa tấm cao su lên trục quay phía trên, để cao su chạy đều 01 vòng tròn từ trục trên xuống trục dưới liên tục trong thời gian 180s. Tiếp tục bằng thao tác thủ

công, đưa cao su xuống chạy tại trục quay phía dưới thêm 01 lần. Cuối cùng, cắt cao su thành từng tấm rời khác nhau, đưa vào hạ nhiệt tại thiết bị làm lạnh (Deeping Tank). Nước cung cấp trong thùng là nước sạch, được bổ sung chất phụ gia Zine Stearic (CAS 557-05-1) với tỷ lệ nước:chất phụ gia là 10:1, có tác dụng như chất bôi trơn và ngăn các tấm cao su không dính lại với nhau. Cuối cùng, cao su được phơi trên giá, sấy khô bằng quạt sấy công nghiệp và đưa vào phòng lưu trữ, bảo quản cho công đoạn tiếp theo.

- *Công đoạn cắt*

Các tấm cao su sau khi sấy khô và tách rời được đưa vào máy cắt tự động, cắt thành dạng tấm theo kích cỡ dài rộng khác nhau tùy theo yêu cầu của khuôn đúc đối với từng loại sản phẩm. Quá trình cắt sẽ phát sinh những mảnh vụ cao su thừa. Các mảnh vụn này sẽ được thu gom ngay tại chỗ và đưa quay trở lại quá trình trộn nguyên liệu ban đầu để tái sản xuất.

- *Công đoạn đúc*

Kết thúc giai đoạn cán định hình là giai đoạn lưu hóa cao su. Lưu hóa là quá trình quyết định tính chất vật liệu cao su từ trạng thái mềm sang trạng thái rắn, có sự đàn hồi và bền, dai. Các tấm cao su sau khi được cắt theo kích cỡ yêu cầu của khuôn đúc đối với từng loại sản phẩm sẽ được đặt vào khuôn và tiến hành lưu hóa tại thiết bị đúc thủy lực. Nguyên lý hoạt động của bộ phận đúc thủy lực được thể hiện trong hình sau:

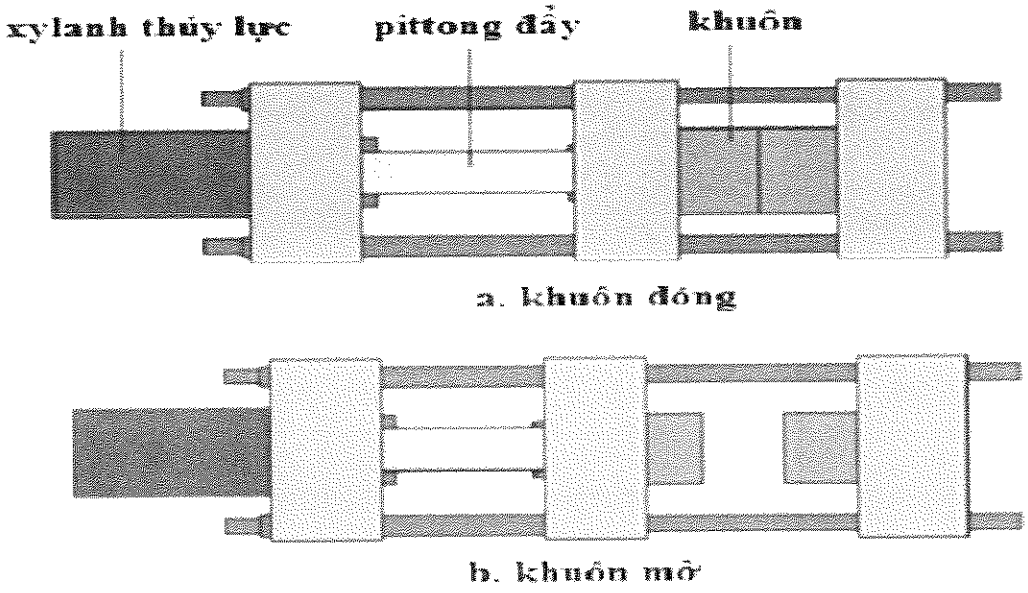

Hình 1.5. Nguyên lý hoạt động của bộ phận kẹp thủy lực

Tại Nhà máy sản xuất DMR, sử dụng các máy đúc loại 100 Ton, 200 Ton, 300 Ton với lực kẹp tương ứng với sức ép là 20 Mpa. Nhiệt độ tại khuôn đúc là 180°C, trong khi nhiệt độ nóng chảy của cao su EPDM là 150°C, cao su NBR là 100°C. Như vậy quá trình đúc làm nóng chảy cao su đầy khuôn đúc, lưu hóa và biến dạng cao su, làm nguội cho đến khi đủ độ cứng để tách rời khỏi khuôn đúc. Quá trình này có khả năng phát sinh hơi VOC với thành phần chính là styren, toluen, xylen. Bên cạnh đó, còn phát sinh cao su thừa ngoài khuôn đúc.

- *Công đoạn kiểm tra, đóng gói sản phẩm*

Sản phẩm được tách ra khỏi khuôn bằng thao tác thủ công của công nhân vận hành. Sau đó, chuyển sang giai đoạn kiểm tra chất lượng sản phẩm. Bộ phận kiểm tra sẽ tiến hành kiểm tra các tính chất ngoại quan: độ láng bóng, kích thước, lỗi sản phẩm,... Các sản phẩm đạt yêu cầu được đưa sang giai đoạn đóng gói bằng túi PE, bọc kín đảm bảo hàng không bị rách và được đóng theo từng lô hàng, chất lên xe đẩy và vận chuyển vào kho lưu trữ. Đối với các sản phẩm không đạt yêu cầu, tỉ lệ phát sinh rất nhỏ, hầu như không xảy ra bởi thiết bị sản xuất là thiết bị mới, hiện đại, được kiểm định về chất lượng, bảo dưỡng định kỳ nhằm đảm bảo hiệu suất sản xuất. Tuy nhiên, nếu có sản phẩm lỗi phát sinh, sẽ được thu gom cùng với bavia cao su thừa sau quá trình đúc và hợp đồng với đơn vị thu gom để xử lý.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của giai đoạn 1: Bộ phận cao su cho hệ thống cáp, hệ thống động cơ, hệ thống lái, hệ thống cửa, hệ thống phanh và số, hệ thống ghế, hệ thống ống dẫn, thiết bị điện tử, cốp xe và các hệ thống khác của ô tô với sản lượng 110.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 187 tấn sản phẩm/năm.

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

1.4.1. Danh mục máy móc sử dụng trong giai đoạn hoạt động

Bảng 1.1. Danh mục máy móc thiết bị chính của sơ sở

STT	Tên máy móc	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng	Năm sản xuất
1	Máy kiểm tra độ bền	1	Hàn Quốc	90%	2015
2	Máy đo độ nghiêng	1	Hàn Quốc	90%	2015
3	Máy kiểm tra ozone	1	Hàn Quốc	90%	2015
4	Máy kiểm tra độ cứng	1	Hàn Quốc	90%	2015
5	Máy chiếu	1	Hàn Quốc	90%	2015
6	Máy kiểm tra trọng lực	1	Hàn Quốc	90%	2015
7	Máy thử nghiệm	1	Hàn Quốc	90%	2016
8	Máy đo độ dày	1	Nhật Bản	90%	2015
9	Máy đo nhiệt	1	Anh	90%	2015
10	Máy cắt thứ 1	1	Hàn Quốc	90%	2018
11	Máy cắt thứ 2	1	Hàn Quốc	90%	2018
12	Máy đúc tự động 100 TON	1	Hàn Quốc	90%	2018
13	Máy đúc tự động 200 TON	5	Hàn Quốc	90%	2017
14	Máy đúc tự động 200 TON	1	Hàn Quốc	90%	2017
15	Máy đúc tự động 300 TON	5	Hàn Quốc	90%	2018
16	Máy nhào trộn (Kneader)	1	Hàn Quốc	90%	2018

STT	Tên máy móc	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng	Năm sản xuất
17	Máy trộn con lăn (Mixing Roller)	2	Hàn Quốc	90%	2018
18	Băng tải tự động (Basket Conveyor)	1	Hàn Quốc	90%	2018
19	Xe nâng hàng 3 tấn	1	Hàn Quốc	90%	2017
20	Deeping Tank (Thiết bị làm mát)	1	Hàn Quốc	90%	2017
21	Khuôn đúc sản phẩm	192	Hàn Quốc	90%	2017

1.4.2. Nhu cầu về nguyên, vật liệu trong giai đoạn hoạt động của cơ sở

Bảng 1.2. Tổng hợp nguyên, vật liệu phục vụ cho hoạt động của cơ sở

STT	Tên nguyên liệu	Kí hiệu nguyên liệu	Công thức hóa học	Khối lượng (kg/ngày)	Khối lượng (kg/tháng)	Khối lượng (kg/năm)
1	Cao su tổng hợp	NBR 55, 60, 70	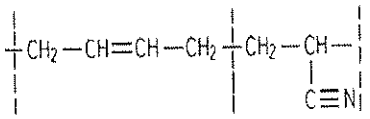	961,5	25.000	300.000
2		EPDM 40, 50, 60	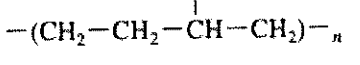	961,5	25.000	300.000
Tổng				1.923	50.000	600.000

Trong đó, thông số 40, 50, 55, 60, 70, ... thể hiện độ cứng của các loại cao su với đơn vị của độ cứng là shore A. Bên cạnh đó, EPDM là tên viết tắt của cao su Ethylene propylene dlene monomer, NBR là tên viết tắt của Nitrike butadien rubber. Cả EPDM và NBR đều là dạng cao su tổng hợp, được nhập về dưới dạng tấm. Cao su tổng hợp là chất dẻo được con người chế tạo với chức năng là chất co dãn. Cao su tổng hợp được tạo ra từ phản ứng trùng ngưng các cấu trúc đơn bao gồm isopren (2-methyl-1-1, 3- butadien), 1,3-butadien, cloropren (2-cloro-1, 3-butadien) và isobutylen (methylpropen) với một lượng nhỏ phần trăm isopren cho liên kết chuỗi. Thêm vào đó, các cấu trúc đơn này có thể trộn với các tỷ lệ mong muốn để tạo phản ứng đồng trùng hợpmà kết quả là các cấu trúc cao su tổng hợp có các đặc tính vật lý, cơ học và hóa học khác nhau. Cao su tổng hợp được kết hợp với các chất phụ gia phục vụ sản xuất cao su kỹ thuật. Cao su kỹ thuật được ứng dụng rộng rãi trong nhiều ngành như công nghiệp ô tô, ngành y tế, ngành công nghiệp đồ gia dụng,... Đối với Dự án "Nhà máy sản xuất DMR", sản phẩm đầu ra của nhà máy là các bộ phận hỗ trợ ngành công nghiệp ô tô gồm bộ phận cao su cho hệ thống cáp, hệ thống động cơ, hệ thống lái, hệ thống cửa, hệ thống phanh và số, hệ thống ghế, hệ thống ống dẫn, thiết bị điện tử, cốp xe và các hệ thống khác của ô tô.

Ngoài nguyên vật liệu chính là cao su dạng tấm, quy trình sản xuất cần bổ sung thêm các chất phụ gia hỗ trợ lưu hóa cao su. Lưu hóa cao su là phản ứng hóa học mà qua đó, cao

su chuyển từ trạng thái mạch thẳng sang trạng thái không gian 3 chiều. Sự lưu hóa làm cho cao su bền hơn và dai hơn, chịu được ở nhiệt độ cao. Quá trình lưu hóa là kỹ thuật làm tăng độ cứng của cao su bằng cách gia nhiệt cho cao su kết hợp với lưu huỳnh. Thông thường, sản phẩm được lưu hóa tại khuôn đúc, máy ép hoặc nồi áp lực.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu trong giai đoạn hoạt động của cơ sở

Nhiên liệu phục vụ cho hoạt động của cơ sở được mua từ các nhà cung ứng trong nước, bao gồm các loại sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu trong giai đoạn hoạt động của cơ sở

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Định mức tiêu hao nhiên liệu 1 ca (kWh)	Định mức tiêu hao nhiên liệu 1 ca (lít diezel)
1	Máy kiểm tra độ bền	1	-	-
2	Máy đo độ nghiêng	1	7	-
3	Máy kiểm tra ozon	1	1,4	-
4	Máy kiểm tra độ cứng	1	0,22	-
5	Máy chiếu	1	-	-
6	Máy kiểm tra trọng lực	1	1,5	-
7	Máy thử nghiệm	1	-	-
8	Máy đo dộ dày	1	-	-
9	Máy đo nhiệt	1	-	-
10	Máy cắt thử 1	1	0,75	-
11	Máy cắt thử 2	1	0,75	-
12	Máy đúc tự động 100 TON (Loại thủ công)	1	24,7	-
13	Máy đúc tự động 200 TON (Loại thủ công)	5	24,7	-
14	Máy đúc tự động 200 TON (Loại tự động)	1	39	-
15	Máy đúc tự động 300 TON (Loại tự động)	5	39	-
16	Máy nhào trộn (Kneader)	1	100	-
17	Máy cán con lăn (Mixing Roller)	2	95	-
18	Băng tải tự động (Basket Conveyor)	1	0,75	-
19	Xe nâng hàng 3 tấn	1	-	10,08
20	Thiết bị làm mát (Deeping Tank)	1	-	-
21	Khuôn đúc sản phẩm	192	-	-
Tổng			**333,77**	**1.162,8**

Bên cạnh đó, máy đúc tự động còn được cung cấp lượng dầu thủy lực là 288 lít/máy. Dầu thủy lực (hay còn gọi là Nhớt 10) là chất lỏng có tác dụng truyền tải áp lực và truyền chuyển động trong hệ thống thuỷ lực (đẩy pitong). Lượng dầu này không được tiêu thụ để vận hành máy móc, nên không làm phát sinh ra khí thải. Theo kinh nghiệm sản xuất của nhà đầu tư Công ty TNHH DMR VINA, lượng dầu này không cần thay thế định kỳ. Tuy nhiên trong quá trình sản xuất, nếu như lượng dầu hao hụt sẽ được bổ sung kịp thời để đảm bảo sự vận hành của máy đúc tự động.

1.4.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất

STT	Tên thông thường	Số CAS	Ứng dụng	Công thức hóa học	Khối lượng (kg/tháng)	Khối lượng (kg/năm)
I. Công đoạn trộn nguyên liệu (Lưu hóa cao su)						
1	TT	137-26-8	Chất xúc tiến	$C_6H_{12}N_2S_4$	30	360
2	CZ	95-33-0	Chất xúc tiến	$C_{13}H_{16}N_2S_2$	40	480
3	DM	120-78-5	Chất xúc tiến	$C_{14}H_8N_2S_4$	40	480
4	PVI	17796-82-6	Chất chống ăn mòn	$C_{14}H15NO_2SN$	10	120
5	MIDAS105	7704-34-9	Chất xúc tiến	S	60	720
6	TRA	120-54-7	Chất xúc tiến, chất kết dính	$C_{12}H_{20}N_2S_4$	20	240
7	BZ	136-23-2	Chất xúc tiến	$C_{12}H_{36}N_2S_4Zn$	30	360
8	M	149-30-4	Chất xúc tiến, chống lão hóa	$C_7H_5NS_2$	20	240
Tổng					**250**	**3.000**
II. Công đoạn làm mát tấm cao su						
1	ZN - St	557-05-1	Chất bôi trơn, chống dính	$Zn(OCOC_{17}H_{35})_2$	10	120
Tổng (I + II)					**260**	**3.120**

1.4.5. Nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn hoạt động của cơ sở

Cơ sở sử dụng điện cho các mục đích chủ yếu là sản xuất, làm việc văn phòng và chiếu sáng. Theo hoá đơn tiền điện đã sử dụng 03 tháng gần nhất của cơ sở (hoá đơn điện tử) thì nhu cầu sử dụng điện của cơ sở hiện nay như sau:

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở

STT	Nhu cầu sử dụng nước	Đơn vị	Khối lượng
1	Tháng 8/2022	kWh/tháng	129.936
2	Tháng 9/2022	kWh/tháng	139.582
3	Tháng 10/2022	kWh/tháng	162.778
Trung bình tháng		kWh/tháng	***144.099***

Nhu cầu sử dụng điện của nhà máy hiện nay trung bình khoảng 144.099 kw/tháng. Hiện nay, nhà máy đang hoạt động đạt 100% công suất đã đăng ký giai đoạn I.

1.4.6. Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn hoạt động của cơ sở

Theo hoá đơn tiền nước sạch đã sử dụng 03 tháng gần nhất của cơ sở (hoá đơn điện tử) thì nhu cầu sử dụng nước sạch của cơ sở như sau:

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

STT	Nhu cầu sử dụng nước	Đơn vị	Khối lượng
1	Tháng 08/2022	m^3/tháng	144
2	Tháng 09/2022	m^3/tháng	128
3	Tháng 10/2022	m^3/tháng	178
Trung bình tháng		***m^3/tháng***	***150***

Nhu cầu sử dụng nước thường xuyên của cơ sở hiện nay (hoạt động ổn định với 100% công suất đăng ký) trung bình khoảng 150m^3/tháng, tương đương 5,77m^3/ngày, trong đó: lượng nước sử dụng cho sinh hoạt trung bình khoảng 4,5 m^3/ng.đ (phục vụ vệ sinh và rửa chân tay của 100 công nhân, tương đương nhu cầu sử dụng hiện tại khoảng 45 lít/người/ngày; giai đoạn hiện tại nhà máy không nấu ăn cho cán bộ, công nhân viên mà mua suất ăn từ đơn vị cung cấp); sử dụng tưới cây, rửa đường khoảng 0,6 m^3/ngày; cấp bổ sung cho thiết bị làm mát Deeping Tank trung bình khoảng 0,67 m^3/ngày.

Nhu cầu sử dụng nước PCCC: Theo TCVN 2622: 1995, lưu lượng nước cấp cho một đám cháy đảm bảo ≥10l/s và số lượng đám cháy đồng thời cần được tính toán ≥3. Như vậy giả sử đám cháy xảy ra trong vòng 180 phút thì mới có xe chữa cháy thì lưu lượng nước cần thiết để dập đám cháy là 10 l /s x 180 phút x 60 s x 3 = 324.000 lít tương đương với 324m^3.

1.4.7. Nguồn cung cấp điện, nước

1.4.7.1. Nguồn cung cấp điện

Nguồn điện của cơ sở được lấy từ đường dây 35kV-3P của KCN Hòa Mạc. Từ điểm cấp nguồn, có tuyến cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA 3C-95sq đi trong ống ngầm HDPE. Cơ sở đầu tư xây dựng trạm biến áp riêng với công suất 1000KVA đáp ứng nhu cầu điện sản xuất và sinh hoạt của cơ sở.

1.4.7.2. Nguồn cung cấp nước

Nước sử dụng cho các hoạt động sản xuất của cơ sở và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên là nguồn nước sạch của Công ty TNHH Nước sạch và Môi trường Duy Tiên được lưu trữ tại bể nước sạch xây ngầm với dung tích 400m^3.

1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

1.5.1. Vị trí địa lý

Cơ sở được thực hiện tại KCN Hòa Mạc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam với diện tích đất xây dựng giai đoạn 1 là 3.980m^2 trên tổng diện tích là 7.861m^2.

Tọa độ giới hạn khu đất được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 1.7. Tọa độ khu đất của cơ sở

STT	Tên điểm	X(m)	Y(m)
1	E12	2283989.462	525564.587
2	E13	2283989.462	525719.276
3	E10	2283939.121	525719.645
4	E14	2283938.027	525565.356

Sơ đồ vị trí khu đất như sau:

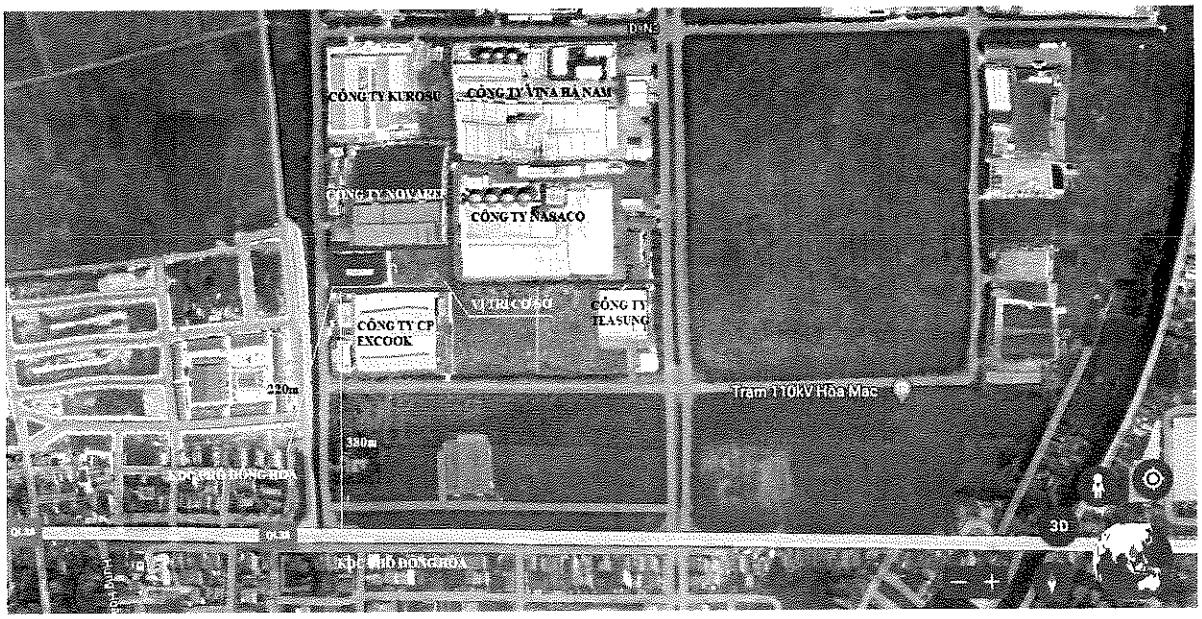

Hình 1.7. Vị trí của cơ sở

a. *Ranh giới khu đất của cơ sở*

Cơ sở có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Novaref.
- Phía Nam giáp Công ty Cổ phần Excook.
- Phía Đông giáp Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam.
- Phía Tây giáp đường nội bộ D1 của Khu công nghiệp.

b. *Các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội và các đối tượng khác có khả năng bị tác động bởi cơ sở*

- *Các đối tượng tự nhiên:*

- Hệ thống giao thông: Khu vực xung quanh cơ sở có điều kiện giao thông thuận lợi để cung cấp nguyên liệu và vận chuyển sản phẩm.

+ Cách khoảng 380m về phía Nam là quốc lộ QL38.

+ Cách khoảng 6km về phía Tây là đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình.

+ Ngoài ra, đường nội bộ trong KCN đã cơ bản hoàn chỉnh nên việc vận chuyển tương đối thuận lợi. Các tuyến giao thông nội bộ được thiết kế xây dựng theo dạng bàn cờ với các trục chính theo hướng Đông Nam – Tây Bắc. Các tuyến đường xương cá vuông góc với các tuyến trục chính tạo rộng 24m giúp giao thông thuận tiện.

- Hệ thống sông suối, ao hồ và các nguồn nước khác:

+ Cách cơ sở khoảng 800m về phía Tây Nam là sông Châu Giang.

+ Cách cơ sở khoảng 920m về phía Đông là sông Cầu Giát.

+ Trên địa bàn xung quanh cơ sở, nước mặt còn tồn tại trong các ao hồ, kênh mương với độ sâu dao động từ 0,5m – 2m. Ao hồ nằm rải rác trong khu dân cư, làng xóm, kênh rạch chủ yếu nằm tại các cánh đồng. Nguồn cung cấp nước cho ao, hồ, kênh rạch chủ yếu từ nước mưa và nước sông bơm vào.

+ Khu vực KCN Hòa Mạc chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ thủy văn sông Cầu Giát.

+ Nước thải phát sinh tại cơ sở sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ thoát vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Hòa Mạc, nguồn tiếp nhận nước thải của KCN Hòa Mạc là sông Cầu Giát.

- Khu vực không có vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển và các khu dự trữ thiên nhiên khác.

- *Các đối tượng kinh tế - xã hội:*

- Do nằm trong phạm vi KCN Hòa Mạc đang hoạt động nên xung quanh, liền kề cơ sở có nhiều các cơ sở sản xuất công nghiệp đang hoạt động, cụ thể là:

+ Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Novaref tiếp giáp phía Bắc: Sản xuất bê tông chịu lửa.

+ Công ty Cổ phần Excook tiếp giáp phía Nam: Chế biến thực phẩm.

+ Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam tiếp giáp phía Đông: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.

+ Công ty TNHH Kurosu Hà Nam cách 150m về phía Bắc : Sản xuất, gia công vải dệt thoi, dệt kim.

+ Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi Vina - Hà Nam cách 150 về phía Đông Bắc: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản.

+ Công ty TNHH TaeSung Hitech Vina cách 270m về phía Đông Nam: Sản xuất sản phẩm từ plastic.

+ V..v..

- Khu dân cư gần nhất: KDC phố Đông Hòa - Phường Hòa Mạc - Thị Xã Duy Tiên - Hà Nam cách 220m về phía Nam, Tây Nam cơ sở.

- Trong khu vực dự án không có các công trình văn hóa, tôn giáo hay các di tích lịch sử...

1.5.2. Tiến độ thực hiện

- Giai đoạn 1: Nhà máy đã hoàn thành xây dựng và chính thức đi vào hoạt động sản xuất từ ngày 01/12/2018.

1.5.3. Tổng mức đầu tư

- Tổng mức đầu tư của cơ sở là 2.700.000 USD tương đương 62.802.000.000 triệu đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi hai tỷ tám trăm linh hai triệu đồng*).
- Chi phí xây dựng các Công trình BVMT: 720.000.000 VNĐ (nằm trong tổng mức đầu tư).

1.5.4. Tổ chức quản lý và thực hiện

Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của cơ sở thể hiện như sau:

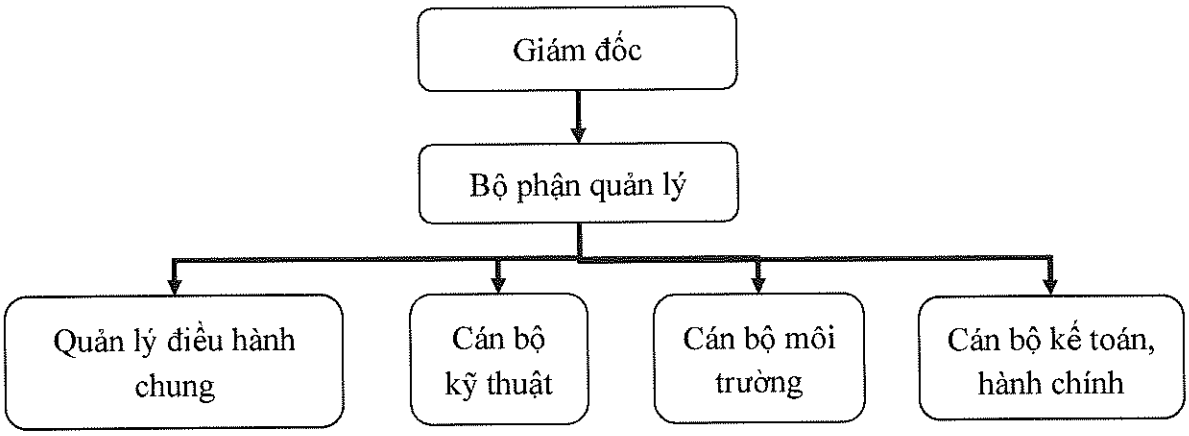

Hình 1.8. Sơ đồ tổ chức quản lý của nhà máy

- ***Nhu cầu sử dụng lao động***

- Công ty ưu tiên sử dụng toàn bộ lao động địa phương. Người lao động sẽ được hưởng các chế độ theo Luật lao động và theo quy định của Nhà nước: Được đóng BHXH, BH Y tế, công đoàn và tham gia các tổ chức xã hội khác.
- Người lao động sẽ được trang bị đầy đủ các thiết bị phòng hộ lao động cần thiết khi làm việc, Công ty sẽ tạo điều kiện và môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.
- Tổng số lao động của cơ sở là 100 người.
- Chế độ làm việc: 8 giờ/ca, 1 ca/ngày, 26 ngày/tháng và 310 ngày/năm. Nhân viên và người lao động được ký hợp đồng lao động theo quy định của Luật lao động và các chế độ khác theo quy định của Nhà nước.

- ***Bộ phận chuyên trách môi trường***

- Quản lý môi trường: 01 người, trình độ Đại học chính quy.

1.5.5. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của cơ sở

Cơ sở được thực hiện trên tổng diện tích đất là 7.861m^2 tại KCN Hòa Mạc, phường Hòa Mạc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Công ty TNHH DMR Vina đã kí hợp đồng thuê đất số 25/HĐTLĐ/KCN-HM ngày 08/08/2018 với Công ty TNHH Quản lý khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc tại hợp đồng (*Hợp đồng được đính kèm phụ lục của báo cáo*).

Hiện tại, chủ cơ sở đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất giai đoạn I. Các hạng mục công trình đã hoàn thiện giai đoạn I gồm nhà xưởng sản xuất số 01 cùng các hạng mục công trình phụ trợ khác với diện tích là 3.980m^2, chiếm 50,62% tổng diện tích của khu đất. Cơ cấu sử dụng đất được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 1.8. Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở

STT	Cơ cấu sử dụng đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
A. Giai đoạn 1			
1	Diện tích đất xây dựng công trình	2.662	35,86
2	Diện tích sân đường, giao thông nội bộ	816	10,38
3	Diện tích cây xanh	502	6,38
Tổng		**3.980**	**50,62**
B. Giai đoạn 2			
1	Diện tích đất dự trữ cho giai đoạn 2	3.881	49,38
Tổng (A+B)		**7.861**	**100**

1.5.6. Các hạng mục công trình của cơ sở

Tổng diện tích lô đất của cơ sở là 7.861m^2. Hiện tại, cơ sở đã đầu tư hoàn thiện và đưa vào sử dụng các hạng mục công trình phục vụ sản xuất giai đoạn I trên diện tích 3.980m^2 theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định số 1642/QĐ-BQLC ngày 25/12/2018.

Cụ thể, hiện trạng các hạng mục công trình của cơ sở như sau:

Bảng 1.9. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục	Tầng	DT xây dựng (m^2)	DT sàn (m^2)
1	Nhà xưởng	2	2.396,0	2.375,0
-	Tầng 1: cốt +0,00			2.327,0
-	Tầng 2: cốt +4,500			408,0
2	Nhà bảo vệ	1	21,0	16,8
3	Nhà xe	1	190,0	144,8
4	Bãi xe ô tô			
5	Kho rác	1	36,0	36,0
6	Nhà bơm	1	19,0	19,0
7	Phụ trợ	1	45,0	45,0
Tổng			**2.662,0**	**2.961,6**

CHƯƠNG II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Cơ sở hoạt động tại KCN Hòa Mạc, phường Hòa Mạc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh Hà Nam. Cụ thể như sau:

- Phù hợp với Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 11/8/2009 của UBND tỉnh Hà Nam về việc thành lập KCN Hòa Mạc, tỉnh Hà Nam. KCN Hòa Mạc được định hướng là KCN đa ngành, bao gồm: công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm; công nghiệp may mặc, sản xuất hàng tiêu dùng cao cấp; công nghiệp cơ khí lắp ráp, điện tử; công nghiệp vật liệu xây dựng.
- Phù hợp với Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp – thương mại tỉnh Hà Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Theo kết quả quan trắc môi trường định kỳ của cơ sở như trình bày tại chương V dưới đây cho thấy:

- Chất lượng môi trường làm việc tốt, không gây ảnh hưởng tiêu cực tới sức khỏe của công nhân làm việc tại cơ sở, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của các quy chuẩn hiện hành.

Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là hệ thống thu gom nước thải chung và HTXLNT tập trung với công suất 1.500m^3/ng.đ của KCN Hòa Mạc. Chất lượng nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, hệ số K_q=0,9, K_f=1,2 trước khi xả ra sông Cầu Giát.

Kết quả phân tích chất lượng nước thải định kỳ quý III/2022 của KCN Hòa Mạc được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 2.1. Kết quả phân tích nước thải tại KCN Hòa Mạc

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc		QCVN 40:2011/ BTNMT	
			NT01	NT02	Cột A	Cột B
1	Nhiệt độ	0C	29,6	29,9	**40**	**40**
2	pH	-	7,31	7,97	**6-9**	**5,5-9**
3	Độ màu	P_t-C_o	81	20	**50**	**150**
4	BOD_5 (20^0C)	mg/l	52,7	3,3	**30**	**50**
5	COD	mg/l	96,3	8,9	**75**	**150**
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	9,7	KPH (LOD=4)	**50**	**100**
7	Amoni (NH_4^+ tính	mg/l	13,8	3,6	**5**	**10**

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc		QCVN 40:2011/ BTNMT	
			NT01	NT02	Cột A	Cột B
	theo N)					
8	Tổng Nitơ	mg/l	49,5	19,2	**20**	**40**
9	Tổng Phốt pho	mg/l	2,71	1,58	**4**	**6**
10	Sunfua (S^{2-})	mg/l	0,06	KPH (LOD=0,05)	**0,2**	**0,5**
11	Clorua (Cl^-)	mg/l	75,72	36,74	**500**	**1.000**
12	Florua (F^-)	mg/l	0,61	0,32	**5**	**10**
13	Crom III (Cr^{3+})	mg/l	KPH (LOD=0,012)	KPH (LOD=0,012)	**0,2**	**1**
14	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	KPH (LOD=0,0003)	**0,005**	**0,01**
15	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	KPH (LOD=0,015)	KPH (LOD=0,015)	**0,05**	**0,1**
16	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	**0,1**	**0,5**
17	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	**0,05**	**0,1**
18	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	**0,05**	**0,1**
19	Đồng (Cu)	mg/l	0,04	0,19	**2**	**2**
20	Kẽm (Zn)	mg/l	0,05	0,03	**3**	**3**
21	Mangan (Mn)	mg/l	0,34	0,02	**0,5**	**1**
22	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	**0,2**	**0,5**
23	Sắt (Fe)	mg/l	0,04	0,03	**1**	**5**
24	Tổng xianua (CN-)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	**0,07**	**0,1**
25	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	0,48	0,34	**5**	**10**
26	Tổng Phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	**0,1**	**0,5**
27	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,02)	0,36	**1**	**2**
28	Coliform	MPN/100ml	4.900	23	**3.000**	**5.000**

(Nguồn: Báo cáo giám sát chất lượng môi trường Công ty TNHH Quản lý khai thác KCN Hòa Mạc – Quý III năm 2022)

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT01: Nước thải tại hố gom trước khi nào HTXL (X: 2284882; Y: 0603530).

+ NT02: Nước thải tại cống xả nước thải sau hệ thống xử lý ra hồ điều hòa (X: 2284880; Y: 0604371).

- Tiêu chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- (-) Không quy định.
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Nhận xét:

Theo kết quả phân tích tại bảng trên cho thấy: Chất lượng nước thải sau xử lý của HTXLNT tập trung KCN Hòa Mạc đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A. Như vậy có thể thấy rằng HTXLNT tập trung của KCN Hòa Mạc hiện đang vận hành tốt và ổn định, và hoàn toàn có khả năng tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở sau khi được xử lý sơ bộ theo yêu của KCN.

CHƯƠNG III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

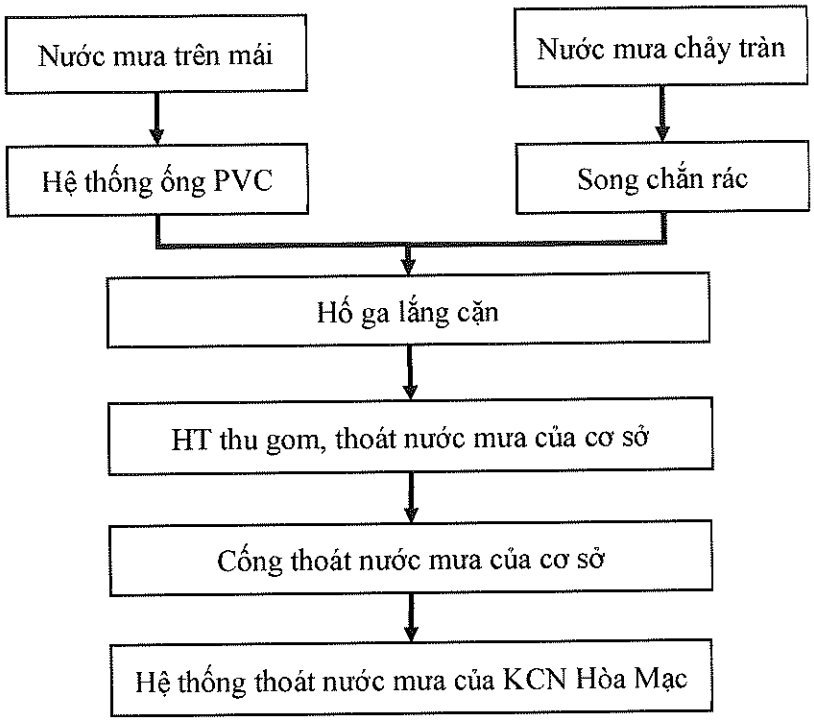

Hình 3.1. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước mưa của cơ sở

Hệ thống thoát nước mưa mái của công trình được thiết kế tự chảy về các ống đứng PVC D90 và đổ vào hệ thống thoát nước bề mặt.

Mạng lưới thu gom, thoát nước mặt của cơ sở thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn tại khu vực cơ sở, sau đó đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN theo phương thức tự chảy. Cống thu gom bằng BTCT D400, độ dốc 0,5%, tổng chiều dài 177m. Trên hệ thống thu gom nước bố trí 10 hố ga kích thước 1000*1000mm.

Đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN Hòa Mạc tại 01 điểm. Vị trí đấu nối nằm trên vỉa hè tuyến đường D1. Ống thoát nước từ hố ga cuối đến điểm đấu nối vào hố ga của hệ thống thoát nước mưa KCN bằng HDPE D600 dài 9m, độ dốc 0,17%.

Bản vẽ tổng mặt bằng thoát nước mưa được đính kèm tại phần phụ lục của Báo cáo.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Sơ đồ mạng lưới thu gom nước thải của cơ sở như sau:

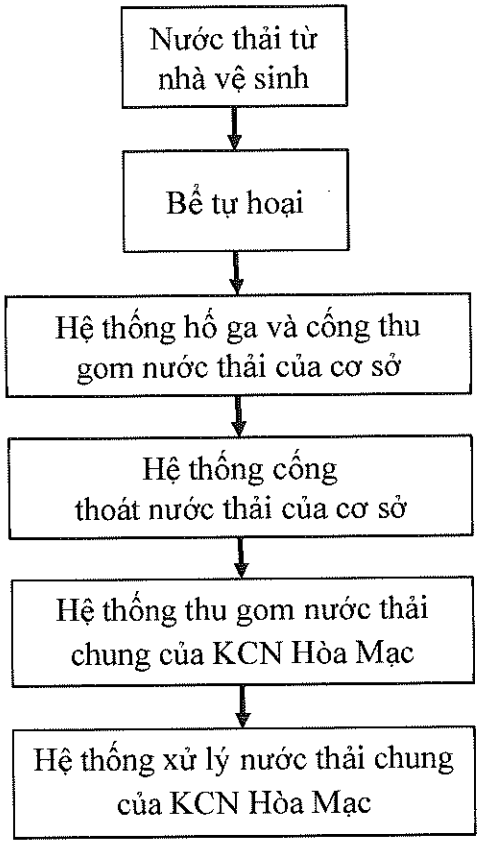

Hình 3.2. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải của cơ sở

3.1.2.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom thoát nước mưa. Sử dụng đường ống HDPE D200 thu gom toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở sau khi xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại, sau đó thoát vào hệ thống thu gom, thoát nước thải chung của KCN Hòa Mạc tại 01 vị trí. Tổng chiều dài đường ống thu gom nước thải là 60m, độ dốc 0,3%. Trên đường ống bố trí 5 hố ga kích thước 1000*1000mm.

3.1.2.2.2. Mạng lưới thoát nước thải

Ống thoát nước từ hố ga cuối đến điểm đấu nối vào hố ga của hệ thống thoát nước thải KCN Hòa Mạc bằng HDPE D110 dài 9m, độ dốc 0,3%.

3.1.2.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý

- Số điểm và vị trí đấu nối: 01 điểm đấu nối tại hố ga thoát nước thải của KCN Hòa Mạc trên vỉa hè đường D1, đường ống thoát nước thải của cơ sở khi đấu nối vào hệ thống chung của KCN là ống HDPE D110.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước thải chung của KCN Hòa Mạc.
- Việc thiết kế xây dựng điểm đấu nối nước thải từ khu đất của cơ sở vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN tuân thủ theo đúng Bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công đấu nối thoát nước thải theo quy định của KCN Hòa Mạc.

Bản vẽ tổng mặt bằng thoát nước thải được đính kèm tại phần phụ lục của Báo cáo.

3.1.3. Xử lý nước thải

Cơ sở đã xây dựng 03 bể tự hoại cải tiến 3 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh trong cơ sở trước khi đưa về xử lý tại HTXLNT tập trung của KCN Hòa Mạc. Theo bố trí mặt bằng, các bể tự hoại được phân bổ như sau:

+ 02 bể tại Nhà xưởng (01 bể 15m^3, kích thước DxRxH = 6,22x2x1,8m; 01 bể 10m^3, kích thước DxRxH = 4,22x2x1,8m).

+ 01 bể tại Nhà bảo vệ (2m^3, kích thước DxRxH = 2,5x1,4x1,42mm).

Cơ sở đã được Công ty TNHH quản lý Khai thác KCN Hòa Mạc chấp nhận việc xả nước thải sinh hoạt qua xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại cải tiến 3 ngăn vào hệ thống thu gom chung của KCN Hòa Mạc tại công văn số 001MT DMR-2019 ngày 29/4/2019 của Công ty TNHH DMR Vina V/v xin chấp thuận xả nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN (*Công văn được đính kèm tại phần phụ lục của báo cáo*).

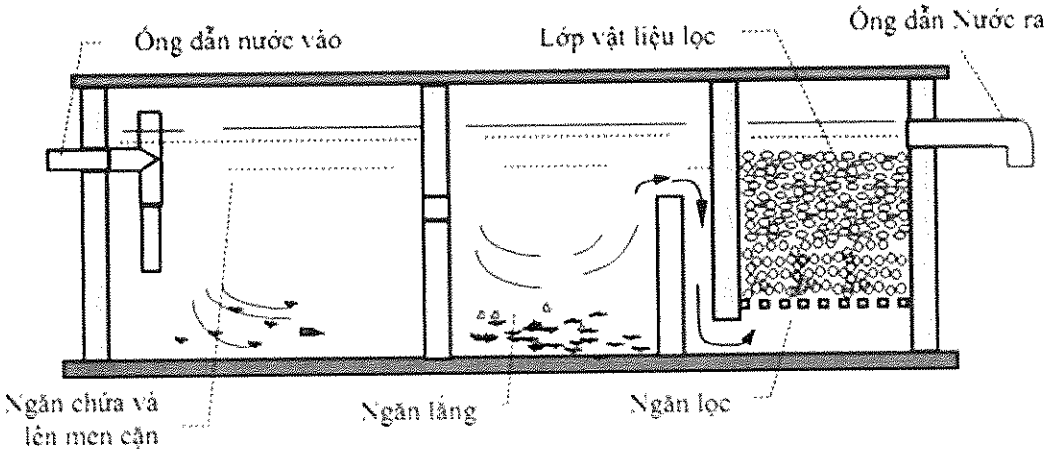

Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại cải tiến 3 ngăn

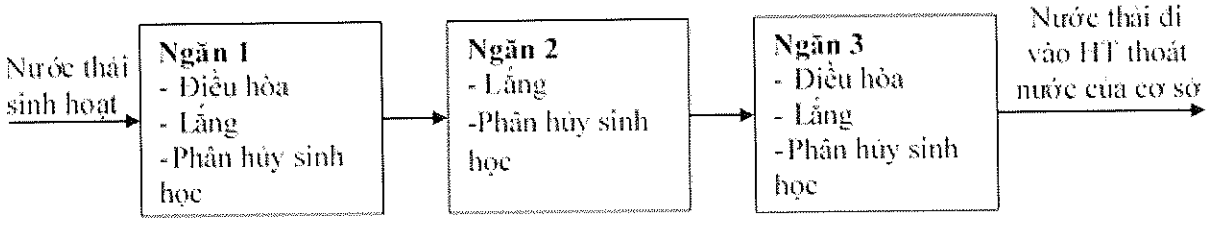

Hình 3.4. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại cải tiến

Bể tự hoại cải tiến có 2 chức năng đồng thời: Lắng và phân huỷ yếm khí cặn lắng. Ở mỗi ngăn có những chức năng riêng biệt. Nước thải sau khi qua bể lắng 1 sẽ tiếp tục qua bể lắng 2 rồi qua bể lắng 3. Bể xử lý được thiết kế với cấu tạo như hình trên. Nước trong bể được bố trí chảy qua lớp bùn kị khí (trong điều kiện động) để các chất hữu cơ được tiếp xúc nhiều hơn với các loại vi sinh vật trong lớp bùn. Nước thải trước khi xả ra môi trường được đưa qua lớp vật liệu lọc bằng cát, sỏi. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ, một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan.

Theo nguồn: Bể tự hoại và bể tự hoại cải tiến - PGS.TS Nguyễn Việt Anh - Nhà xuất bản XâyDựng - Hà Nội 2007 thì để bể tự hoại cải tiến đạt hiệu quả xử lý tối đa thì thời gian lưu nước trong bể cần khoảng 48 giờ (2 ngày).

Bản vẽ hoàn công các bể tự hoại được đính kèm tại phần phụ lục của Báo cáo.

Tính toán khả năng đáp ứng của các bể tự hoại đã xây dựng

+ Tổng dung tích của bể tự hoại V (m^3) được tính bằng tổng dung tích ướt (dung tích hữu cơ) của bể tự hoại $V_ư$, cộng với dung tích phần lưu không tính từ mặt nước lên tấm đan nắp bể V_k.

$$V = V_ư + V_k$$

+ Dung tích ướt của bể tự hoại bao gồm 4 vùng phân biệt, tính từ dưới lên trên:

o Vùng tích lũy bùn cặn đã phân hủy V_t;

o Vùng cặn tươi, đang tham gia quá trình phân hủy V_b;

o Vùng tách cặn (vùng lắng) V_n;

o Vùng tích lũy váng – chất nổi V_v.

$$V_ư = V_t + V_b + V_n + V_v$$

+ Dung tích vùng lắng – tách cặn V_n: được xác định theo loại nước thải, thời gian lưu nước t_n và lượng nước thải chảy vào bể Q, có tính đến giá trị lưu lượng tức thời của dòng nước thải.

+ Dung tích cần thiết vùng tách cặn của bể tự hoại V_n (m^3) bằng:

$$V_n = Q \times t$$

Trong đó:

Q: lưu lượng nước thải (m^3/ngày.đêm); Q = 4,5 m^3/ngày (Theo TCXDVN 33-2006, lượng nước cấp cho sinh hoạt đối với loại hình của cơ sở là 45 lít/người/ca, số lượng lao động của cơ sở là 100 người);

t: Thời gian lưu nước (ngày); t = 1/2

+ Với Q = 4,5, t = 1/2 thay vào công thức ta có $V_n = 4,5 \times 1/2 = 2,25$ (m^3)

+ Dung tích vùng phân hủy cặn tươi: $V_b(m^3) = (0,5 \times N \times t_b) / 1000$

Trong đó:

N: Số người mà bể phục vụ; N = 100 người;

t_b: Thời gian cần thiết để phân hủy cặn theo nhiệt độ. Thời gian cần thiết để phân hủy cặn theo nhiệt độ với nhiệt độ nước thải là 20^0C, t_b = 20 ngày;

+ Với N = 100, t_b = 20, thay vào công thức ta có:

$$V_b = (0,5 \times 100 \times 20) /1000 = 1 \ (m^3)$$

+ Vùng lưu giữ bùn đã phân hủy V_t (m^3): Sau khi cặn phân hủy, phần còn lại lắng xuống dưới đáy bể và tích tụ ở đó thành lớp bùn. Dung tích bùn này phụ thuộc tải lượng đầu vào của nước thải, theo số lượng người sử dụng, thành phần và tính chất của nước thải, nhiệt độ và thời gian lưu, được tính như sau:

$$V_t = (r \times N \times T)/1000$$

Trong đó:

r: Lượng cặn đã phân hủy tích lũy của 1 người trong 1 năm, r = 50 lít/người.năm;

T: Khoảng thời gian giữa 2 lần hút cặn (năm), lấy T = 0,5 năm;

N: Số người mà bể phục vụ; N = 100 người

+ Với N = 100, r = 50; T = 0,5 thay vào công thức ta có:

$$V_t = (50 \times 100 \times 0,5)/1000 = 2,5\ (m^3)$$

+ Dung tích phần váng nổi V_v thường được lấy bằng $(0,4 - 0,5)V_t$, với $V_t = 2,5\ m^3$ ta có $V_v = 0,4 \times 2,5 = 1\ (m^3)$

+ Với $V_n = 2,25m^3$, $V_b = 1m^3$, $V_t = 2,5m^3$, $V_v = 1m^3$ thay vào công thức ta có:

$$V_{ư} = V_t + V_b + V_n + V_v = 6,75\ (m^3)$$

+ Dung tích phần lưu không trên mặt nước của bể tự hoại V_k được lấy bằng 20% dung tích ướt. Phần lưu không giữa các ngăn của bể tự hoại phải được thông với nhau và có ống thông hơi. Dung tích ướt của bể tự hoại:

$$V_k = 10\% \times V_{ư} = 20\% \times 6,75 = 1,25\ (m^3)$$

+ Tổng dung tích bể tự hoại $V = V_{ư} + V_k = 6,75 + 1,35 = 8,1\ (m^3)$

Như vậy, với tổng thể tích các bể tự hoại đã xây dựng của dự án là $27m^3$ hoàn toàn đảm bảo để xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án trong giai đoạn hoạt động ổn định.

3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

3.2.1. Đối với bụi và khí thải phát sinh do hoạt động giao thông

Ô nhiễm bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm và các phương tiện giao thông mang tính phân tán, khó tập trung để xử lý, cơ sở đã và đang áp dụng các biện pháp như sau:

- Cô lập nguồn phát sinh, có dải ngăn cách hoặc tường bao giữa các bộ phận bốc dỡ với các bộ phận khác nhằm hạn chế ảnh hưởng của bụi sang các khu vực khác.
- Lập kế hoạch điều động các xe ô tô chuyên chở nguyên liệu, sản phẩm ra vào cơ sở một cách hợp lý.
- Không chở quá tải trọng của xe, thường xuyên bảo dưỡng, kiểm định định kỳ, sử dụng đúng loại nhiên liệu cho xe chuyên chở.
- Quy định tốc độ của các loại xe trong phạm vi cơ sở không quá 5km/h, yêu cầu khi dừng xe phải tắt máy.
- Các phương tiện giao thông (xe máy, ô tô) phải để tại các khu vực để xe theo quy định, không được lưu thông trong cơ sở.
- Toàn bộ diện tích đường nội bộ của cơ sở đã được bê tông hóa và thường xuyên được dọn vệ sinh, tưới ẩm.
- Đảm bảo diện tích cây xanh theo quy hoạch đã được phê duyệt, lựa chọn loại cây trồng phù hợp điều kiện thổ nhưỡng và có khả năng che chắn bụi tốt.

3.2.2. Đối với bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất

Khu vực nhà xưởng được thiết kế thông thoáng, sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp. Các khu vực có nguồn nhiệt cao được tăng cường điều kiện thông thoáng nhằm giảm nhiệt môi trường lao động. Sử dụng hệ thống làm mát không khí để cấp không khí mát vào khu vực có nhiệt độ cao. Không khí được trao đổi liên tục, thông thoáng nhờ hệ thống thông gió tự nhiên qua hệ thống cửa mái.

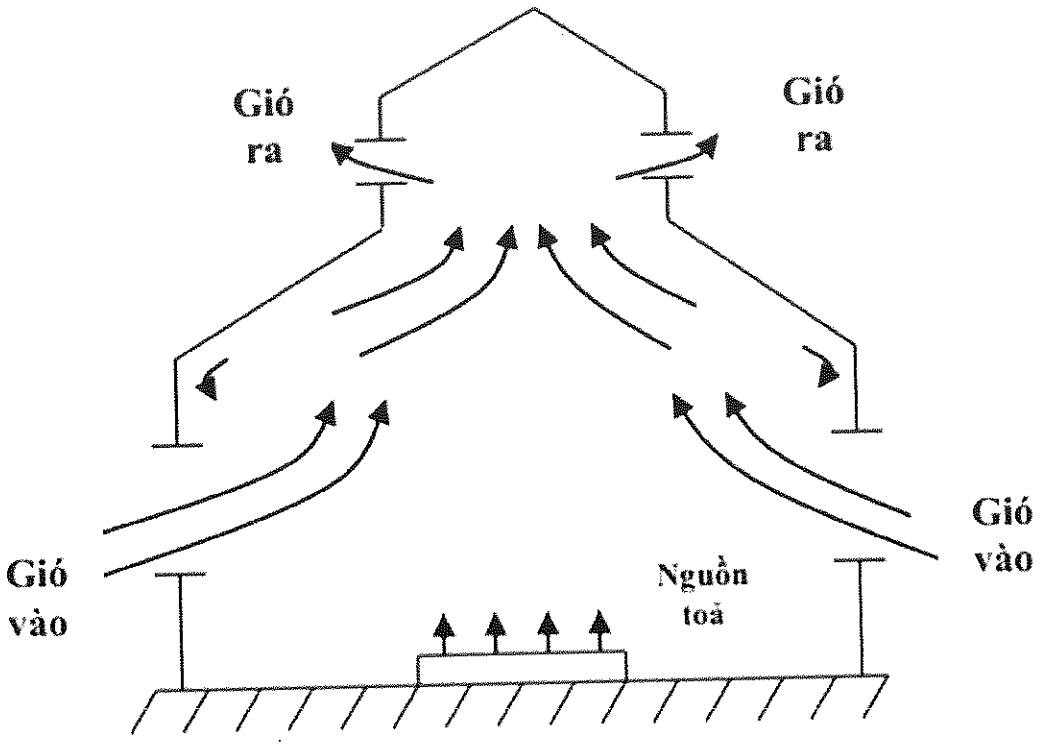

Hình 3.5. Sơ đồ nguyên lý của hệ thống thông gió tự nhiên

Nhà máy đã đầu tư các quạt hút gió 3 pha tại khu vực nhà xưởng sản xuất để đảm bảo độ thông thoáng cho toàn bộ khu vực nhà xưởng. Quạt hút gió được ứng dụng rộng rãi trong môi trường công nghiệp với tác dụng chính là hút gió, khói bụi và các chất lơ lửng trong không khí từ quá trình sản xuất, giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe cán bộ công nhân viên làm việc trong nhà xưởng.

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của quạt công nghiệp lắp đặt tại cơ sở

Tên thiết bị	Số lượng (chiếc)	Vị trí lắp đặt	Thông số kỹ thuật cơ bản
Quạt thông gió	6	Tường nhà xưởng	- Đường kính cánh: 500mm - Lưu lượng gió: 12.000 m^3/h - Kích thước quạt: 1m x 1m
Quả cầu thông gió	5	Mái nhà xưởng	- Phần chân: kích thước 600 mm x 600 mm - Phần quả quay: đường kính Φ600 - Vật liệu chế tạo: Inox - Lưu lượng gió : 28.000m^3/h

Ngoài ra, khi xây dựng, nhà máy cũng đã bố trí các khu vực nhất định để trồng cây xanh, điều hòa môi trường không khí khu vực.

3.2.3. Giảm thiểu mùi hôi từ kho rác

Các biện pháp sau đây được áp dụng để ngăn ngừa, giảm thiểu và kiểm soát mùi hôi trong quá trình lưu giữ tạm thời chất thải rắn tại cơ sở:

- Bố trí đầy đủ các thùng chứa rác thải có nắp đậy theo quy định.
- Rác được vận chuyển từ các khu vực trong cơ sở đến kho lưu giữ tạm thời phải được lưu giữ cẩn thận trong các thùng chứa có nắp đậy, tránh vương vãi ra bên ngoài, không để rác quá đầy, đảm bảo nắp thùng rác luôn trong trạng thái đậy kín, tránh phán tán mùi hôi ra bên ngoài.
- Yêu cầu đơn vị thu gom rác thải sinh hoạt định kỳ 1 lần/ngày tới thu gom rác thải vận chuyển đi xử lý.

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN

3.3.1. Yêu cầu về quản lý chất thải

3.3.1.1. Yêu cầu chung

Yêu cầu chung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường theo khoản 1 Điều 72 Luật BVMT, được quy định như sau:

- Chất thải phải được quản lý trong toàn bộ quá trình phát sinh, giảm thiểu, phân loại, thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy.
- Chủ nguồn thải chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm tái sử dụng, tái chế, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải hoặc chuyển giao cho cơ sở có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp để xử lý.
- Chủ nguồn thải chất thải công nghiệp phải kiểm soát có trách nhiệm phân định chất thải là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường thông qua hoạt động lấy, phân tích mẫu do cơ sở có chức năng, đủ năng lực thực hiện theo quy định của pháp luật Chất thải công nghiệp sau khi phân định phải được quản lý theo quy định của pháp luật.
- Chất thải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quản lý như sản phẩm, hàng hóa và được phép sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất.
- Tổ chức, cá nhân vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý có trách nhiệm vận chuyển chất thải đến cơ sở có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp hoặc chuyển giao cho tổ chức, cá nhân vận chuyển khác để vận chuyển đến cơ sở có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp.
- Việc quản lý chất thải phóng xạ được thực hiện theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

3.3.1.2. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại theo nguyên tắc như sau (*Khoản 1 Điều 75 Luật BVMT*):

+ Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế.

+ Chất thải thực phẩm.

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Phải chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại vào các bao bì để chuyển giao như sau (*Khoản 3 Điều 75 Luật BVMT*):

+ Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

+ Chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; chất thải thực phẩm có thể được sử dụng làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.

- Chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại, thực hiện quản lý như sau (*Khoản 4 Điều 75 Luật BVMT*):

+ Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.

+ Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng; tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

+ Chất thải thực phẩm không được tận dụng làm phân bón hữu cơ/làm thức ăn chăn nuôi, phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

3.3.1.3. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

+ Phân loại, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường (*Điều 81 Luật BVMT*):

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại thành các nhóm sau đây:

+ Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất.

+ Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật được sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng.

+ Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường không được phân loại phải được xử lý.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường có lẫn chất thải nguy hại không thực hiện việc phân loại hoặc không thể phân loại được thì được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được lưu giữ riêng theo loại đã được phân loại; không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải rắn công nghiệp thông thường; không làm phát tán bụi, rò rỉ nước thải ra môi trường; lưu giữ bằng các thiết bị, dụng cụ, khu vực lưu giữ phù hợp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Việc vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu sau đây:

+ Chất thải phải được chứa, đựng trong các thiết bị, dụng cụ bảo đảm không rơi vãi, rò rỉ, phát tán ra môi trường trong quá trình vận chuyển.

+ Chất thải phải được vận chuyển theo loại sau khi đã được phân loại theo quy định.

***Xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường** (Điều 82 Luật BVMT):*

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, cơ quan, tổ chức có phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường hoặc chuyển giao cho các đối tượng sau đây:

+ Cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất, sản xuất vật liệu xây dựng hoặc san lấp mặt bằng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

+ Cơ sở sản xuất có chức năng đồng xử lý chất thải phù hợp.

+ Cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có chức năng phù hợp.

+ Cơ sở vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường đã có hợp đồng chuyển giao với đối tượng quy định tại các điểm trên.

3.3.1.4. Quản lý chất thải nguy hại

Khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại (*Điều 83, Luật BVMT*):

- Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có trách nhiệm sau đây:

+ Khai báo khối lượng, loại chất thải nguy hại trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường hoặc nội dung đăng ký môi trường.

+ Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ riêng và không để lẫn với chất thải không nguy hại, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường.

+ Tự tái sử dụng, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng theo quy định của pháp luật hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho cơ sở có giấy phép môi trường phù hợp để xử lý.

- Việc lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

+ Phải được lưu giữ riêng theo loại đã được phân loại.

+ Không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường.

+ Không làm phát tán bụi, rò rỉ chất thải lỏng ra môi trường.

+ Chỉ được lưu giữ trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định của pháp luật.

- Chất thải nguy hại khi vận chuyển phải được lưu chứa và vận chuyển bằng thiết bị, phương tiện chuyển động phù hợp đến cơ sở xử lý chất thải. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải lắp đặt thiết bị định vị; hoạt động theo tuyến đường và thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Đối tượng được phép vận chuyển chất thải nguy hại bao gồm:

+ Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có phương tiện, thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Cơ sở được cấp giấy phép môi trường có chức năng xử lý chất thải nguy hại phù hợp với loại chất thải cần vận chuyển.

3.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.2.1. Lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,5 kg/ngày. Cơ sở đã bố trí 03 thùng chứa chất thải sinh hoạt loại 20 lít, thùng kín, có nắp đậy đúng quy cách, tại khu vực nhà ăn và văn phòng; và 01 thùng chứa chất thải sinh hoạt loại 100 lít, kích thước: 52*46*80cm, chất liệu: nhựa HDPE, độ dày 3mm, thùng kín, có nắp đậy đúng quy cách, tại kho chứa rác sinh hoạt. Kho chứa rác thải sinh hoạt có diện tích 8,25m^2 (1,68*5m), được xây kín, tách riêng với các khu vực xung quanh, kho có 01 cửa ra vào.

- Đối với CTR sản xuất thông thường:

+ Các mảnh cao su bán thành phẩm thừa phát sinh khoảng 20kg/ngày, được công nhân thu gom tại chỗ, lưu trữ tại 05 thùng chứa bằng nhựa, kích thước 60*40*20cm, đặt tại khu vực sản xuất và được tái sử dụng cho quá trình sản xuất ngay trong ngày.

+ Các loại chất thải thông thường khác gồm: Cao su EPDM, NBR không dính báo: 397kg/ngày; Cao su Silicon 28kg/ngày; Cao su EPDM, NBR dính báo 18kg/ngày; Túi nilon + bìa carton 2kg/ngày. Các loại chất thải này được đựng trong các bao tải dứa đặt tại kho chứa chất thải công nghiệp thông thường và định kỳ được thu gom bởi đơn vị thu mua phế liệu. Kho chứa rác thải công nghiệp thông thường có diện tích 12,4m^2 (6,2*5m), được xây kín, tách riêng với các khu vực xung quanh, kho có 01 cửa ra vào.

Hồ sơ bản vẽ hoàn công kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng được đính kèm tại phần phụ lục của Báo cáo.

3.3.2.2. Xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải phát sinh tại cơ sở sau khi được thu gom sẽ được thuê đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Cơ sở đã ký hợp đồng số 186/2019/HĐXL ngày 20/11/2019 về việc thu gom vận chuyển lưu giữ xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại và thu mua phế liệu tái chế với Công ty Cổ phần Môi trường Công nghệ cao Hòa Bình.

Hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải được đính kèm tại phần phụ lục của Báo cáo.

3.3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTNH

3.3.3.1. Lưu giữ chất thải nguy hại

Kho chứa CTNH có diện tích 8,25m^2 (1,68*5m). Kho được quây kín, tách riêng với các khu vực xung quanh, có cửa ra vào riêng, nền bê tông phẳng nhẵn, hướng dốc về phía rãnh thu nước. Kho có một cửa ra vào, có treo biển cảnh báo, bên trong kho được phân thành các ô lưu chứa các loại chất thải nguy hại khác nhau theo quy định và có bố trí các thùng đựng chất thải nguy hại có nắp đậy và có dán nhãn cảnh báo theo loại chất thải lưu chứa theo đúng quy định.

Theo chứng từ CTNH từ tháng 1/2021 đến tháng 9 năm 2021, lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 875kg (trong đó: Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại 615kg, bóng đèn huỳnh quang 75kg, bao bì mềm thải 185kg), tương đương 97kg/tháng.

Cơ sở đã bố trí 04 thùng nhựa dung tích 100 lít, có nắp đậy, để lưu giữ tạm thời từng loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.

Hồ sơ bản vẽ hoàn công kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng được đính kèm tại phần phụ lục của Báo cáo.

3.3.3.2. Xử lý chất thải nguy hại

Chất thải phát sinh tại nhà máy sau khi được thu gom sẽ được thuê đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Cơ sở đã ký hợp đồng số 186/2019/HĐXL ngày 20/11/2019 về việc thu gom vận chuyển lưu giữ xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại và thu mua phế liệu tái chế với Công ty Cổ phần Môi trường Công nghệ cao Hòa Bình.

Hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải được đính kèm tại phần phụ lục của Báo cáo.

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

Để giảm thiểu tiếng ồn từ máy móc, thiết bị, cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Không sử dụng các máy móc cũ do có mức ồn rất lớn.
- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực nhà xưởng và trong kho.
- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, định kỳ kiểm tra kỹ thuật.
- Thực hiện đầy đủ chế độ bôi trơn dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động... đồng thời có chế độ bảo hộ riêng cho những công nhân thường xuyên làm việc ở những nơi có độ ồn cao.

Để hạn chế tối đa độ rung, cơ sở đã thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp sau như:

- Biện pháp kết cấu: Cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động,...
- Biện pháp dùng kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su,.. được lắp giữa máy và bệ máy đồng thời định kỳ kiểm tra hoặc thay thế.
- Thực hiện đầy đủ chế độ bôi trơn dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động.

3.5. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.5.1. Phòng ngừa sự cố cháy nổ

❖ ***Biện pháp phòng cháy***

- Lập phương án PCCC và gửi cơ quan có chức năng thẩm duyệt theo quy định.
- Công nhân trực tiếp sản xuất phải quản lý chặt chẽ các nguồn nhiệt, các thiết bị máy móc khi hoạt động có thể sinh lửa, nhiệt, các chất sinh lửa, nhiệt. Khi sử dụng phải có các biện pháp an toàn.
- Công nhân trực tiếp sản xuất phải thao tác vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra các bộ phận sinh nhiệt, thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị máy móc.
- Bảo quản, sắp xếp các loại hàng hóa, vật tư thiết bị, hóa chất, nguyên vật liệu theo

đúng quy định và theo từng loại riêng biệt. Không sắp xếp chung các loại vật tư thiết bị nguyên liệu, hàng hóa mà khi tiếp xúc với nhau có thể tạo phản ứng gây cháy, nổ.

- Những nơi mà trong quá trình sản xuất sinh ra khí, hơi và bụi dễ cháy nổ thì phải lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên hoặc cưỡng bức, hoặc cho thêm các phụ gia trơ hạn chế nồng độ lượng chất nguy hiểm cháy, nổ xuống dưới giới hạn cháy nổ.
- Không sử dụng nguồn nhiệt, lửa trần trực tiếp ở nơi có nguy hiểm về cháy nổ.
- Định kỳ tổ chức tập huấn kiến thức PCCC cho cán bộ công nhân viên và kiểm tra đôn đốc mọi người thực hiện nghiêm túc an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.
- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy bên ngoài.
- Tổ chức phối hợp với cơ quan chức năng về PCCC phổ biến kiến thức, huấn luyện thực hành định kỳ hàng năm cho các cán bộ công nhân viên tại nhà máy về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khi có sự cố xảy ra.
- Cấm hút thuốc, sử dụng các vật dụng phát ra lửa tại các khu vực dễ cháy nổ, đảm bảo cách ly an toàn.
- Đối với các loại nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.
- Thường xuyên kiểm ra phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời những sơ hở thiếu sót về PCCC.
- Áp dụng biện pháp nối đất thiết bị kết hợp với tự động cắt nguồn cung cấp bằng thiết bị bảo vệ đối với các bộ phận có tính dẫn điện để hở của thiết bị điện, khung kim loại của bảng điện và bảng điều khiển, vỏ kim loại của các máy điện di động và cầm tay theo quy định tại TCVN 9358:2012- Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp – Yêu cầu chung.
- Định kỳ hàng năm tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp đất của hệ thống nối đất cho các thiết bị điện theo quy định tại TCVN 9358:2012 – Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp – Yêu cầu chung và theo quy định tại Quy phạm trang bị điện – Phần I. Quy định chung, ký hiệu TCN – 11-18-2006.
- Cơ sở đã lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà; hệ thống chữa cháy, báo cháy tự động; đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát hiểm; trang bị phương tiện PCCC tại chỗ và giao thông phục vụ chữa cháy; nối và đường thoát hiểm.

Bảng 3.2. Thiết bị phòng cháy chữa cháy của cơ sở

STT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
Hệ thống báo cháy				
1	Đầu báo cháy khói	Cái	20	Hàn Quốc
2	Chuông báo cháy	Cái	6	Hàn Quốc
3	Nút báo cháy	Cái	6	Hàn Quốc
4	Đèn chỉ dẫn lối thoát exit	Cái	10	Hàn Quốc
5	Đèn chiếu sáng sự cố	Cái	40	Hàn Quốc

STT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
Hệ thống chữa cháy				
1	Bình chữa cháy MFZL4 – ABC	Bình	10	Trung Quốc
2	Bình chữa cháy CO2 (MT3)	Cái	10	Trung Quốc
3	Bình chữa cháy T35	Cái	10	Trung Quốc
4	Cuộn vòi chữa cháy D65 dài 20m	Cuộn	4	Hàn Quốc
5	Cuộn vòi chữa cháy D50	Cuộn	4	Hàn Quốc
6	Nội quy tiêu lệnh PCCC	Bộ	5	Việt Nam

❖ ***Biện pháp chữa cháy***

- Khi phát hiện có sự cố cháy nổ phải báo ngay cho toàn cơ sở biết bằng hệ thống đèn báo.
- Cắt điện tại khu vực cháy.
- Triển khai các biện pháp chữa cháy bằng các dụng cụ, thiết bị có tại cơ sở.
- Thông báo cho cơ quan PCCC đến chữa cháy.

❖ ***Biện pháp chống sét***

- Nhà xưởng của cơ sở đã được lắp đặt hệ thống chống sét ở các khu vực cao và dễ bị sét đánh. Hệ thống chống sét được lắp đặt bằng dây dẫn nối với hệ thống tiếp địa chung. Hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ, được cải tiến theo công nghệ mới nhằm đạt độ an toàn cao cho nhà máy.
- Định kỳ hàng năm tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp đất của hệ thống chống sét cho nhà xưởng, văn phòng làm việc theo quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9358:2012 Chống sét cho công trình xây dựng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

3.5.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa tai nạn lao động

Cơ sở thực hiện các biện pháp để đảm bảo an toàn lao động sau:

- Xây dựng nội quy, quy trình an toàn lao động theo đúng quy định của Nhà nước.
- Trang bị đầy đủ và nhắc nhở công nhân sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu trang, nút bịt tai chống ồn, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ....
- Trang bị các thiết bị sơ cứu cần thiết, được đặt trong khu vực làm việc của công nhân và phòng bảo vệ.
- Thường xuyên kiểm tra dây chuyền sản xuất để kịp thời khắc phục sự cố.
- Tổ chức bộ máy làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo đúng quy định tại các Điều 36, 37, 38 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động.
- Quy định an toàn sử dụng điện:

+ Các thiết bị điện phải thực hiện tiếp đất

+ Để tiếp đất cho các thiết bị sử dụng cọc hoặc trụ tiếp đất để tạo các hố tiếp đất cần thiết với điện trở Rtđ <10Ω.

+ Có các cầu dao an toàn đối với các thiết bị.

- Bố trí khu vực đỗ xe chờ không ảnh hưởng đến giao thông và hoạt động vận chuyển sản phẩm, nguyên liệu của cơ sở.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.
- Lập phương án phù hợp khi có sự cố tai nạn xảy ra, thực hiện diễn tập và bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ phụ trách 1 năm/lần.

3.5.3. Biện pháp an toàn vệ sinh thực phẩm

- Công ty đã lựa chọn đơn vị có uy tín để ký hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp.
- Công ty cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà nước về an toàn thực phẩm: Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 06 năm 2010 và các Nghị định, Thông Tư về an toàn thực phẩm. Đồng thời, chịu trách nhiệm liên đới nếu sự cố mất an toàn thực phẩm xảy ra.

3.6. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC

3.6.1. Giảm thiểu tác động do bức xạ nhiệt

Áp dụng các biện pháp thông thoáng nhà xưởng, sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp.

Khu vực nhà xưởng được thiết kế thông thoáng, sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp. Các khu vực có nguồn nhiệt cao được tăng cường điều kiện thông thoáng nhằm giảm nhiệt môi trường lao động. Sử dụng hệ thống làm mát không khí để cấp không khí mát vào khu vực có nhiệt độ cao. Không khí được trao đổi liên tục, thông thoáng nhờ hệ thống thông gió tự nhiên qua hệ thống cửa mái.

Cơ sở đã đầu tư các quạt hút gió 3 pha tại khu vực nhà xưởng sản xuất để đảm bảo độ thông thoáng cho toàn bộ khu vực nhà xưởng. Quạt hút gió được ứng dụng rộng rãi trong môi trường công nghiệp với tác dụng chính là hút gió, khói bụi và các chất lơ lửng trong không khí từ quá trình sản xuất, giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe cán bộ công nhân viên làm việc trong nhà xưởng.

Ngoài ra, khi xây dựng, cơ sở cũng đã bố trí các khu vực nhất định để trồng cây xanh, điều hòa môi trường không khí khu vực.

3.6.2. Giảm thiểu tác động do gia tăng mật độ giao thông trong khu vực

Chủ cơ sở bố trí lịch vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ sản xuất cũng như phân phối sản phẩm phù hợp, tránh tình trạng tập trung xe chuyên chở với mật độ lớn, tránh vận chuyển vào các giờ cao điểm. Ngoài ra, để tránh tai nạn giao thông các phương tiện vận chuyển, chủ cơ sở cũng yêu cầu các lái xe cần tuân thủ tuyệt đối quy định về tốc độ khi lưu hành trên các tuyến đường, đặc biệt là đi qua các khu dân cư.

3.6.3. Giảm thiểu tác động tiêu cực do tập trung công nhân

- Tiến hành phối hợp với Trung tâm y tế địa phương để có biện pháp phòng chống các loại dịch bệnh thường gặp như sốt rét, cảm sốt thông thường, tiêu chảy, dịch cúm A/H1N1, dịch sốt xuất huyết...
- Thường xuyên tiến hành kiểm tra, hướng dẫn cách phòng chống một số loại dịch bệnh thông thường cho cán bộ công nhân viên cơ sở.
- Kết hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức các chương trình: Giáo dục tuyên truyền ý thức công dân đối với cán bộ công nhân viên cơ sở.

- Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý địa phương có liên quan thực hiện công tác quản lý công nhân nhập cư lưu trú tại địa bàn (thực hiện khai báo tạm vắng tạm trú với địa phương theo đúng quy định của pháp luật).

3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI BÁO CÁO ĐTM ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

Bảng 3.3. Tổng hợp những nội dung thay đổi của dự án so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt

STT	Tên công trình/ Phương án xử lý	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Ghi chú
1	Phương án xử lý nước thải sinh hoạt	Đầu tư HTXLNT sinh hoạt công suất 10m^3/ng.đ.	Thuê Công ty TNHH Quản lý Khai thác KCN Hòa Mạc xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại nhà máy.	Nội dung đã được BQLCKCN tỉnh Hà Nam chấp thuận tại VB số 615/BQL-MT ngày 21/5/2019 V/v điều chỉnh một số nội dung trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.
2	Phương án xử lý khí thải công đoạn đúc và cán sản phẩm	Đầu tư HTXLKT công đoạn đúc và cán sản phẩm.	Không đầu tư HTXLKT	
3	Bể tự hoại	02 bể 10m^3/bể. Tổng thể tích 20m^3.	03 bể: 01 bể 15m^3 + 01 bể 10m^3 + 01 bể 2m^3. Tổng thể tích 27m^3.	Số lượng và tổng thể tích các bể tự hoại tăng lên, đảm bảo đáp ứng nhu cầu thu gom và xử lý sơ bộ toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở.
4	Diện tích khu lưu giữ chất thải	+ 01 kho chất thải thông thường 16m^2. + 01 kho CTNH 20m^2.	+ 01 kho chất thải thông thường 12,4m^2. + 01 kho CTNH 8,25m^2. + 01 kho chất thải sinh hoạt 8,25m^2.	Diện tích các kho chứa chất thải giảm nhưng vẫn đảm bảo khả năng lưu chứa tạm thời các loại chất thải. Bổ sung 01 kho chứa rác thải sinh hoạt để thuận tiện trong việc quản lý từng loại chất thải.

Các nội dung thay đổi như trình bày tại bảng trên không thuộc đối tượng thay đổi phải thực hiện đánh giá tác động môi trường/ báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xem xét, chấp thuận trong quá trình cấp GPMT theo điểm a và điểm b khoản 4 điều 39 Luật BVMT 2020. Chủ cơ sở xin chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu những thay đổi trên gây ra các tác động tiêu cực đến môi trường.

CHƯƠNG IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do cơ sở đã thuê Công ty TNHH Quản lý Khai thác KCN Hòa Mạc xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở).

4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý).

4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn 1: Tiếng ồn do phương tiện giao thông.

+ Nguồn 2: Tiếng ồn do hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất.

+ Nguồn 3: Độ rung do sự va đập của các bộ phận cơ học của máy, truyền xuống sàn và lan truyền trong kết cấu nền đất.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của tiếng ồn và độ rung

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 26:2010/BTNMT	QCVN 27:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	70	-
2	Độ rung	dB	-	70

CHƯƠNG V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

Bảng 5.1. Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ từ năm 2021 đến nay

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả (NT)							QCVN 14:2008/BTNMT
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Đợt 5	Đợt 6	Đợt 7	Cột B
1	pH	-	5,65	5,70	6,1	6,5	6,7	6,74	6,8	**5 - 9**
2	TDS	mg/l	575	450	455	460	485	385	350	**1.000**
3	Lưu lượng	m^3/24h	1,5	2,3	2,0	3,5	-	-	-	-
4	BOD_5	mg/l	33	**57**	28	27	28,5	18,5	18,5	**50**
5	COD	mg/l	71	107,8	67	60,8	63,5	27,4	41,2	-
6	TSS	mg/l	87	89	83	75	36	12 (LOQ=15)	33	**100**
7	Amoni	mg/l	7,1	**25,9**	7,0	6,7	5,5	0,6 (LOQ=0,6)	1,8	**10**
8	Coliform	MPN/100ml	**7.200**	**7.400**	4.300	3.600	4.600	4.300	4.600	**5.000**
9	Tổng Nitơ	mg/l	18,1	33,5	15,8	15,4	9,2	5,3 (LOQ=9)	<9	-
10	Tổng Photpho	mg/l	3,65	2,31	2,06	2,30	2,13	0,26	0,358	-
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	2,5	0,7 (LOQ=0,9)	0,7 (LOQ=0,9)	0,7 (LOQ=0,9)	1,2	1,1	1,2	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải sinh hoạt của nhà máy tại hố ga sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Hòa Mạc.
- Quy chuẩn so sánh: TC KCN Hòa Mạc.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử.
- Ngày lấy mẫu:

+ Đợt 1: Ngày 16/3/2021;
+ Đợt 2: Ngày 26/5/2021;
+ Đợt 3: Ngày 24/8/2021;
+ Đợt 4: Ngày 15/11/2021;
+ Đợt 5: Ngày 18/3/2022;
+ Đợt 6: Ngày 31/5/2022;
+ Đợt 7: Ngày 31/8/2022.

Nhận xét:

Kết quả phân tích cho thấy chất lượng nước thải sinh hoạt của cơ sở sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại có nồng độ các chất hữu cơ và coliform cao, cần được xử lý triệt để trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI KHÔNG KHÍ MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Bảng 5.2. Tổng hợp kết quả quan trắc không khí môi trường lao động định kỳ năm 2021

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả								QCVN 13:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
			Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		Đợt 4		
			KLV.01	KLV.02	KLV.01	KLV.02	KLV.01	KLV.02	KLV.01	KLV.02	
1	Độ ẩm	%	72,1	73,1	-	-	-	-	-	-	40-80[a]
2	Nhiệt độ	^{0}C	24,6	23,4	29,8	30,1	29,3	29,7	29,8	29,5	16-34[a]

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả								QCVN 13:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
			Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		Đợt 4		
			KLV.01	KLV.02	KLV.01	KLV.02	KLV.01	KLV.02	KLV.01	KLV.02	
3	Tốc độ gió	m/s	<0,6	<0,6	<0,6	<0,6	<0,6	<0,6	<0,6	<0,6	**0,1-1,5[a]**
4	Tiếng ồn	dBA	72,7	75,8	70,2	75,4	71,5	76,2	71,0	77,4	**85[b]**
5	TSP	mg/m^3	0,374	0,438	0,348	0,363	0,205	0,224	0,192	0,217	**8[c]**
6	CO	mg/m^3	5,29 (LOQ=15)	5,535 (LOQ=15)	5,095 (LOQ=15)	5,21 (LOQ=15)	5,33 (LOQ=15)	5,26 (LOQ=15)	5,121 (LOQ=15	5,181 (LOQ=15	**40**
7	Độ rung	m/s2	0,43	0,56	0,40	0,51	0,41	0,53	0,45	0,60	**1,4[d]**
8	SO_2	mg/m^3	0,188	0,198	0,127	0,131	0,155	0,153	0,129	0,141	**10**
9	NO_2	mg/m^3	0,157	0,164	0,115	0,119	0,147	0,142	0,119	0,133	**10**
10	H_2S	mg/m^3	0,016	0,020	0,017	0,018	0,026	0,027	0,024	0,028	**15**
11	Toluen	mg/m^3	0,004	0,004	0,005	0,005	0,004	0,004	0,002 (LOQ=0,003)	0,002 (LOQ=0,003)	**300**
12	Xylen	mg/m^3	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	0,002 (LOQ=0,003)	0,001 (LOQ=0,003)	0,003 (LOQ=0,003)	0,003 (LOQ=0,003)	**300**
13	Styren	mg/m^3	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	**420[e]**

Bảng 5.3. Tổng hợp kết quả quan trắc không khí môi trường lao động định kỳ năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả						QCVN 13:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
			Đợt 5		Đợt 6		Đợt 7		
			KLV.01	KLV.02	KLV.01	KLV.02	KLV.01	KLV.02	
1	Độ ẩm	%	-	-	-	-	-	-	**40-80[a]**
2	Nhiệt độ	^{0}C	28,5	28,3	27,7	27,8	27,4	27,6	**16-34[a]**
3	Tốc độ gió	m/s	<0,6	<0,6	<0,6	<0,6	<0,6	<0,6	**0,1-1,5[a]**
4	Tiếng ồn	dBA	66,6	70,2	66,2	66,0	66,3	65,6	**85[b]**
5	TSP	mg/m^3	0,235	0,246	0,230	0,243	0,226	0,238	**8[c]**
6	CO	mg/m^3	5,247	5,220	5,256	5,241	5,281	5,240	**40**
7	Độ rung	m/s2	0,45	0,50	0,50	0,50	0,40	0,45	**1,4[d]**
8	SO_2	mg/m^3	0,148	0,142	0,148	0,140	0,144	0,150	**10**
9	NO_2	mg/m^3	0,138	0,134	0,141	0,131	0,137	0,142	**10**
10	H_2S	mg/m^3	0,026	0,024	0,024	0,022	0,025	0,023	**15**
11	Toluen	mg/m^3	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	**300**
12	Xylen	mg/m^3	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	**300**
13	Styren	mg/m^3	KPH	KPH	<0,045	<0,045	KPH	KPH	**420e**

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
+ KLV.01: Tại vị trí khu vực đúc sản phẩm.
+ KLV.02: Tại vị trí khu vực nghiền trộn.
- Quy chuẩn so sánh:
+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

+ (a) QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu.
+ (b) QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
+ (c) QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
+ (d) QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi.
+ (e) TCVSLĐ 3733/2002/QĐ-BYT – Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và thông số vệ sinh lao động.

- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phường pháp.
- MDL/LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử.
- Ngày lấy mẫu:

+ Đợt 1: Ngày 16/3/2021;
+ Đợt 2: Ngày 26/5/2021;
+ Đợt 3: Ngày 24/8/2021;
+ Đợt 4: Ngày 15/11/2021;
+ Đợt 5: Ngày 18/3/2022;
+ Đợt 6: Ngày 31/5/2022;
+ Đợt 7: Ngày 31/8/2022.

Nhận xét:

Kết quả phân tích và đo đạc không khí môi trường lao động của cơ sở cho thấy tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của các quy chuẩn hiện hành, đảm bảo chất lượng môi trường làm việc tốt, không gây ảnh hưởng tiêu cực tới sức khỏe của công nhân làm việc tại cơ sở.

CHƯƠNG VI
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại điểm d khoản 1 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Quan trắc nước thải: Nước thải của cơ sở sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sẽ được đấu nối vào HTXLNT tập trung của KCN Hòa Mạc (không trực tiếp xả ra môi trường), và được xử lý đạt Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả thải ra môi trường. Do đó, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2, Điều 111, Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.
- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Cơ sở không phát sinh khí thải phải xử lý.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

- Quan trắc nước thải: Nước thải của cơ sở sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sẽ được đấu nối vào HTXLNT tập trung của KCN Hòa Mạc (không trực tiếp xả ra môi trường), và được xử lý đạt Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả thải ra môi trường. Do đó, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 1, Điều 111, Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.
- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Cơ sở không phát sinh khí thải phải xử lý.

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Cơ sở bắt đầu hoạt động từ tháng 01/12/2018. Tính từ thời điểm hoạt động đến nay chưa có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở.

CHƯƠNG VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN CƠ SỞ

- Chủ cơ sở cam kết các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường này là hoàn toàn chính xác và trung thực.

- Chủ cơ sở cam kết bố trí đầy đủ nguồn lực để duy trì vận hành ổn định các công trình bảo vệ môi trường hiện trạng; đồng thời thực hiện nghiêm túc các biện pháp, kế hoạch bảo vệ môi trường đã được đưa ra trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường này.

- Chủ cơ sở xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HÀ NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 0700809357

Đăng ký lần đầu: ngày 25 tháng 07 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 13 tháng 10 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DMR VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DMR VINA CO., LTD

Tên công ty viết tắt: DMR VINA

2. Địa chỉ trụ sở chính

Đường D1, khu E, khu công nghiệp Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 12.793.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười hai tỷ bảy trăm chín mươi ba triệu đồng

Tương đương Năm trăm năm mươi nghìn Đô la Mỹ

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: DMR CO., LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: *120111-0354689*

Ngày cấp: *03/09/2004* Nơi cấp: *Văn phòng đăng ký, tòa án quận Incheon, Hàn Quốc*

Địa chỉ trụ sở chính: *19, Namdongseo-ro 144 beon-gil, Namdong-gu, Incheon, Hàn Quốc*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: KIM JUNHO Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *30/09/1991* Dân tộc: Quốc tịch: *Hàn Quốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *M91782508*

Ngày cấp: *03/03/2015* Nơi cấp: *Bộ Ngoại giao Hàn Quốc*

Địa chỉ thường trú: *19, Namdongseo-ro 144 beon-gil, Namdong-gu, Incheon, Hàn Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *Đường D1, khu E, KCN Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH TỈNH HÀ NAM

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 1101 quyển số 01 SCT/BS

Ngày 26 tháng 10 năm 2022

Phạm Thị Thu Hà

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM PHÒNG TƯ PHÁP TX. DUY TIÊN-T. HÀ NAM

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHẠM MẠNH THẮNG

POWER OF ATTORNEY
GIẤY UỶ QUYỀN
No/Số 02-2022/UQ

THIS POWER OF ATTORNEY is given on the day ..... 2022.
Giấy Ủy Quyền này được lập ngày 15. tháng 10. năm 2022.

The Principal: **DMR VINA CO., LTD**
Bên ủy quyền: ***CÔNG TY TNHH DMR VINA***
Enterprise code: 0700809357
Mã số doanh nghiệp: 0700809357
Head office address: Road D1,Area E, Hoa Mac Industrial Zone, Trac Van commune, Duy Tien Town, Ha Nam province, Vietnam
Địa chỉ trụ sở: Đường D1, Khu E, Khu công nghiệp Hòa Mạc, xã Trác Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, Việt Nam
Legal Representative: **KIM JUN HO**
Đại diện theo pháp luật: **KIM JUN HO**
Position: Director
Chức vụ: *Giám Đốc*
DOB/ *Ngày sinh:* 30/09/1991
Passport/ *Hộ chiếu*: M91782508
Nationality/ *Quốc tịch:* Korean/ *Hàn Quốc*
(Herein refer to as the "**Principal**" or the "**Company**")
*(Sau đây gọi là "**Bên Ủy Quyền**" hoặc "**Công Ty**")*

The Attorney: **PARK IL MOON**
Bên được ủy quyền: **PARK IL MOON**
Position: Vice Director
Chức vụ: *Phó Giám Đốc*

DOB/ *Ngày sinh:* 15/01/1968
Passport/ *Hộ chiếu*: M67436709
Nationality/ *Quốc tịch:* Korean/ *Hàn Quốc*
(Herein refer to as the "**Attorney**" or **Park Il Moon**)
*(Sau đây gọi là "**Bên Được Ủy Quyền**" hoặc* **Park Il Moon***)*

By this Power of Attorney, the Company hereby grant full power and authority to Mr **Park Il Moon**, to be attorney for and on behalf of the Company, to do and perform all or any of the following acts and things for and in the name of the Company that are legal, in compliance with laws and consistent with good corporate management practice that is to say:
Bằng Giấy Ủy Quyền này, Công Ty tại đây uỷ quyền toàn bộ cho ông **Park Il Moon**, *là người được ủy quyền thay mặt và đại diện cho Công Ty thực hiện tất cả, bất kỳ hành vi hay công việc cho và nhân danh Công ty và vì lợi ích của Công ty một cách hợp pháp, tuân thủ pháp luật và không trái với thông lệ quản lý công ty tốt, cụ thể là:*

1. To manage the daily operations of the Company and sign and affix Company's seal on any documents, notifications, and letters as may be necessary in any dealings with State authorities of Vietnam and any third parties (including but not limited to any management authority related to labor, social insurance, business registration and investment issues) in the normal course of business of the Company in accordance with laws of Vietnam,

Quản lý các hoạt động hàng ngày của Công ty và ký kết và đóng dấu Công ty lên bất kỳ tài liệu, thông báo, thư từ trao đổi nào cần thiết trong các giao dịch với cơ quan Nhà nước của Việt Nam và các bên thứ ba (bao gồm nhưng không giới hạn ở các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến các vấn đề về lao động, bảo hiểm xã hội, đăng ký kinh doanh và đầu tư) trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. To sign and affix Company's seal on any documents, notifications, and letters as may be necessary in any taxation, banking and accounting dealings with the relevant State authorities of Vietnam and banks.

Ký kết và đóng dấu Công ty lên bất kỳ tài liệu, thông báo, thư từ trao đổi nào cần thiết trong các giao dịch về thuế, ngân hàng và kế toán với các cơ quan Nhà nước của Việt Nam và các ngân hàng có liên quan.

3. To deliver and obtain any certificates, notices, documents issued by State authorities of Vietnam to the Company.

Chuyển giao và nhận các xác nhận, thông báo, tài liệu do Cơ quan nhà nước Việt Nam cấp cho Công ty.

4. To act on behalf of Company and sign and affix Company's seal on and all documents related to bidding, negotiating, sales and purchase contracts, service supply contracts, and actions related the Company's business (except for goods purchase contracts which are needed to follow Article 4 hereunder and some labour issues);

Thay mặt Công Ty tham gia, ký kết và đóng dấu trên tất cả các tài liệu liên quan đến đấu thầu, đàm phán, hợp đồng mua bán hàng, hợp đồng cung cấp dịch vụ và các công việc khác liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (trừ hoạt động mua sắm phải tuân theo điều kiện nêu tại Điều 5 của Giấy Ủy quyền này);

5. To sign and affix Company's seal on all contracts, deeds and documents related to the goods purchase of the Company where the total contract(s) value equivalent payable for each transaction or to each seller must not exceed USD 50,000 (outbound transactions).

Ký tên và đóng dấu trên tất cả các hợp đồng, văn bản, tài liệu liên quan đến hoạt động mua sắm của Công Ty có tổng giá trị quy đổi phải trả tối đa cho mỗi giao dịch hoặc mỗi người bán không quá 50.000 USD (giao dịch mua sắm với các đối tác ngoài Công Ty).

6. Issuing and amending the internal regulations of the company in accordance with state law

Ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ công ty phù hợp với pháp luật nhà nước

7. Human resources decision recruitment, dismissal employee, increase salary, bonus accordance with the regulations of the company; Signature in labor contract and all document related

Các quyết định về nhân sự: tuyển dụng, sa thải, tăng lương, thưởng cho nhân viên phù hợp với quy định của công ty. Ký hợp đồng lao động và tất cả các tài liệu, quyết định liên quan

8. Make decision, signature all document relate to fix asset, tools, goods.....each transaction not exceed USD 50,000.

Quyết định thanh lý, xử lý tài sản (tài sản cố định, công cụ dụng cụ, hàng tồn kho...) giá trị không quá 50.000 USD.

This Power of Attorney is signed on the date listed above. This Power of Attorney takes effect from the date of signing. Unless revoked by the Company. This power of attorney is effective upon replacement by another power of attorney.

Giấy Ủy Quyền này được ký vào ngày đã ghi ở trên. Giấy Ủy Quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trừ khi bị thu hồi bởi Công Ty.Giấy uỷ quyền này có hiệu lực khi có giấy uỷ quyền khác thay thế.

For and on behalf of the Principal
DMR VINA COMPANY LIMITED
Thay mặt và đại diện cho Bên ủy quyền
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DMR VINA

KIM JUN HO
Director/ Giám Đốc

Attorney/ *Người được ủy quyền*

PARK IL MOON

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 7659445709

Chứng nhận lần đầu: Ngày 20 tháng 07 năm 2018

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 21 tháng 12 năm 2018

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7659445709, cấp ngày 20/7/2018, nơi cấp: Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH DMR VINA;

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ NAM

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT DMR VINA, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7659445709, cấp ngày 20/7/2018, nơi cấp: Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam, được đăng ký điều chỉnh mục tiêu, quy mô và tiến độ dự án.

Nhà đầu tư:

DMR Co., Ltd; Địa chỉ: 19, Namdongseo-ro 144 beon-gil, Namdong-gu, Incheon, Hàn Quốc; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 120111-0354689, cấp ngày 03/09/2004, nơi cấp: Văn phòng đăng ký, Tòa án quận Incheon, Hàn Quốc;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Ki Hak; Chức vụ: Giám đốc đại diện; Sinh ngày: 25/04/1964; Quốc tịch: Hàn Quốc; Hộ chiếu số: M03992928, cấp ngày: 10/09/2013, nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc; Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: #211-1003, Meonwogeum-ro 126, Yeonsu-gu, Incheon, Hàn Quốc.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án: Công ty TNHH DMR VINA; Địa chỉ: Đường D1, khu E, KCN Hòa Mạc, xã Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700809357, cấp ngày 25/7/2018, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư.

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT DMR VINA.

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất, gia công các bộ phận cao su cho hệ thống cáp, hệ thống động cơ, hệ thống lái, hệ thống cửa, hệ thống phanh và số, hệ thống ghế, hệ thống ống dẫn, thiết bị điện tử, cốp xe và các hệ thống khác của ô tô.

3. Quy mô dự án *(giai đoạn I)*: 110.000.000 sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

5. Diện tích đất sử dụng: 7.861 m^2 *(Bảy nghìn tám trăm sáu mươi mốt mét vuông)*, được chia làm 02 giai đoạn như sau:

- Giai đoạn I: 3.980 m^2;
- Giai đoạn II: 3.881 m^2.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 2.700.000 USD *(Hai triệu bảy trăm nghìn Đô la Mỹ)* tương đương với 62.802.000.000 VNĐ *(Sáu mươi hai tỷ tám trăm linh hai triệu đồng Việt Nam)*, được chia làm 02 giai đoạn như sau:

- Giai đoạn I: 1.764.000 USD;
- Giai đoạn II: 936.000 USD.

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 550.000 USD (*Năm trăm năm mươi nghìn Đô la Mỹ*) tương đương với 12.793.000.000 VNĐ *(Mười hai tỷ bảy trăm chín mươi ba triệu Đồng Việt Nam)*, chiếm tỷ lệ 20,4% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau: DMR Co., Ltd góp 550.000 USD (*Năm trăm năm mươi nghìn Đô la Mỹ*) tương đương với 12.793.000.000 VNĐ *(Mười hai tỷ bảy trăm chín mươi ba triệu Đồng Việt Nam)* bằng tiền mặt, chiếm 100% tổng giá trị vốn góp.

Tiến độ góp vốn: Đến tháng 12/2018.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 03/07/2058.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Giai đoạn I: Đến tháng 01/2019;
- Giai đoạn II: Đến tháng 05/2020.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định 91/2014 /NĐ-CP ngày 01/10/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về Thuế; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế;

- Điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án được hưởng các ưu đãi đầu tư khi nhà đầu tư thực hiện đúng các nội dung cam kết và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

- Điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án được hưởng các ưu đãi đầu tư khi nhà đầu tư thực hiện đúng các nội dung cam kết và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này.

3. Các biện pháp hỗ trợ đầu tư:

Được hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề đối với lao động địa phương theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

Được hỗ trợ, tạo điều kiện giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến dự án trong thời gian nhanh nhất; hỗ trợ tuyển dụng lao động phục vụ cho dự án và các hỗ trợ khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án tại Hà Nam

Điều 3: Các điều kiện đối với hoạt động của dự án.

Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường; các nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy tại Hà Nam.

Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam sẽ điều chỉnh các ưu đãi đầu tư, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nếu Nhà đầu tư không thực hiện đúng các cam kết, các nội dung tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong quá trình đầu tư, sản xuất kinh doanh tại Hà Nam.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7659445709, cấp ngày 20/7/2018, nơi cấp: Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này gồm 03 *(Ba)* trang và được lập thành 02 *(Hai)* bản gốc, nhà đầu tư được cấp một bản, một bản lưu tại Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam./.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1247 quyển số: 01 SCT/BS
Ngày 10 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG BAN

Trần Xuân Dưỡng

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG TƯ PHÁP
TX. DUY TIÊN - T. HÀ NAM

TRƯỞNG PHÒNG

LÊ MẠNH HÀ

2018/QLĐT/DC 1 DMR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

BẢN SAO

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT GẮN VỚI KẾT CẤU HẠ TẦNG

TẠI KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC, TỈNH HÀ NAM, VIỆT NAM

SỐ: 25/HĐTLĐ/KCN-HM, NGÀY 08/08/2018

KÝ GIỮA

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ KHAI THÁC KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC và **DMR VINA CO.,LTD**

THÁNG 8 – 2018

HÒA PHÁT
BẤT ĐỘNG SẢN

Số: 25/HĐTLĐ/KCN-HM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT GẮN VỚI KẾT CẤU HẠ TẦNG

- Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013 và Nghị định của chính phủ số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai;
- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính Phủ về việc qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;
- Căn cứ Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014 và Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/09/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật kinh doanh bất động sản;
- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Căn cứ Biên bản Ghi nhớ số: 28/BBGN/KCN-HM, ngày 14/06/2018 ký giữa Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc và DMR Co.,Ltd;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 7659445709 ngày 20/07/2018 của Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam.

Hôm nay, ngày 08... tháng ..8... năm **2018** tại văn phòng Công ty Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc, chúng tôi gồm có:

I – BÊN CHO THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT (dưới đây gọi tắt là **" Bên A"**)

Tên doanh nghiệp:

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ KHAI THÁC KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Hòa Mạc, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0700260130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp đăng ký lần đầu ngày 19/05/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/03/2013
- Tài khoản: 1382194490301 4
  tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Trung tâm giao dịch hội sở.
- Mã số thuế: 0700260130
- Địa chỉ liên hệ: 39 Nguyễn Đình Chiểu – Quận Hai Bà Trưng – TP. Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24)-39763889 Fax: (84-24)-39763890
- Đại diện: Ông Hoàng Quang Việt Chức vụ: Chủ tịch Công ty
  Giấy chứng minh nhân dân số: 010178366 cấp ngày 12/9/2008 tại Công an Hà Nội

II – BÊN THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT (dưới đây gọi tắt là **"Bên B"**)

Tên doanh nghiệp:

CÔNG TY TNHH DMR VINA

- Địa chỉ trụ sở chính: Đường D1, khu E, khu công nghiệp Hòa Mạc, xã Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp số 0700809357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp đăng ký lần đầu ngày 25/7/2018.
- Tài khoản: ..... tại Ngân hàng .....
- Mã số thuế : 0700809357
- Điện thoại : ..... Fax: .....
- Người đại diện: **Ông Kim Junho** Chức vụ: Giám Đốc

Hộ chiếu số: M91782508 do Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp ngày 03/03/2015.

Hai bên cùng nhau thoả thuận, thống nhất và ký kết thực hiện Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng [sau đây gọi là **"Hợp đồng"**] với các điều khoản và điều kiện sau đây:

Điều 1: QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT GẮN VỚI KẾT CẤU HẠ TẦNG

Bên A đồng ý cho Bên B thuê và Bên B đồng ý thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng của Bên A [sau đây gọi là **"Thuê lại đất"**] tại Khu công nghiệp Hòa Mạc, tỉnh Hà Nam, Việt Nam với vị trí và diện tích như sau:

1.1 Địa điểm : đường D1, Khu E, Khu công nghiệp Hòa Mạc, xã Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, cụ thể:

+ Phía Đông giáp Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam;

+ Phía Tây giáp đường nội bộ D1 của Khu công nghiệp;

+ Phía Nam giáp lô đất cho thuê của Khu công nghiệp;

+ Phía Bắc giáp Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Novaref.

1.2 Diện tích: **7.861 m²** *(Bằng chữ: Bảy nghìn, tám trăm sáu mươi mốt mét vuông đất)*

Vị trí, diện tích, kích thước chính xác lô đất được xác định khi hai Bên Bàn giao thực tế tại hiện trường, [sau đây gọi là **"Lô đất"**].

Điều 2: THỜI HẠN THUÊ LẠI ĐẤT

2.1 Thời gian thuê lại đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này được tính từ ngày Bên A bàn giao Lô đất đã san nền cho Bên B đến hết ngày 03/7/2058.

2.2 Tiến độ sử dụng đất (đăng ký):

Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Đến tháng 12/2018 (kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

Điều 3: MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

3.1 Bên B thuê lại đất của Bên A để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà máy sản xuất DMR Vina với mục tiêu sản xuất, gia công các bộ phận cao su cho hệ thống cáp, hệ thống động cơ, hệ thống lái, hệ thống cửa, hệ thống phanh và số, hệ thống ghế, hệ thống ống dẫn, thiết bị điện tử, cốp xe và các hệ thống khác của ô tô; Sản xuất các bộ phận plastic cho hệ thống lái, hệ thống cảm biến, hệ thống cáp của ô tô theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7659445709 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp ngày 20/07/2018.

3.2 Trường hợp Bên B có nhu cầu thay đổi, bổ sung mục đích sử dụng của Lô đất, Bên B phải thoả thuận lại với Bên A trước khi trình Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam.

Điều 4: GIÁ THUÊ ĐẤT, PHÍ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1 **Tiền thuê đất đã có cơ sở hạ tầng** (chưa bao gồm tiền thuê đất thô theo quy định tại khoản 4.4, điều 4, Hợp đồng này)

Tổng số tiền thuê đất đã có cơ sở hạ tầng bao gồm thuế giá trị gia tăng Bên B sẽ phải thanh toán cho Bên A là: **10.264.416.254 đồng** *(Bằng chữ: Mười tỷ, hai trăm sáu mươi bốn triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, hai trăm năm mươi bốn đồng)* [sau đây gọi là **"Tiền Thuê Cơ Sở Hạ Tầng"**], tương đương **449.649,2 USD**

4.2 **Phí Quản lý và Bảo dưỡng cơ sở hạ tầng:**

4.2.1 Đơn giá: **11.407,5 đồng/m^2/năm,** tương đương **0,5 USD/m^2/năm**

Đơn giá trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) theo qui định của Nhà nước

4.2.2 Phí quản lý và Bảo dưỡng cơ sở hạ tầng hàng năm: 7.861 m^2 x 11.407,5 đồng/m^2/năm = **89.674.358 đồng** *(Bằng chữ: Tám mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm năm mươi tám đồng)* [sau đây gọi là **"Phí Quản Lý và Bảo Dưỡng Hàng Năm"**], tương đương **3.930,5 USD**

4.2.3 Phí Quản Lý và Bảo Dưỡng Hàng Năm được tính từ ngày Bên A bàn giao Lô đất cho Bên B

4.2.4 Trường hợp có sự thay đổi về mức Phí Quản Lý và Bảo Dưỡng Hàng Năm, Bên A có trách nhiệm thông báo trước 03 tháng cho Bên B bằng văn bản

4.3 Tiền Thuê Cơ Sở Hạ Tầng và tiền Phí Quản Lý và Bảo Dưỡng Hàng Năm quy định tại Hợp Đồng này được quy đổi theo tỷ giá 22.815 VND/USD (gọi tắt là "Tỷ Giá Tham Chiếu")

Trường hợp trung bình tỷ giá mua vào bán ra tiền USD/VND (gọi tắt là "Tỷ Giá") do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày thực tế thanh toán tăng/giảm quá 100VNĐ so với mức Tỷ Giá Tham Chiếu thì Tiền Thuê Cơ Sở Hạ Tầng và tiền Phí Quản Lý và Bảo Dưỡng Hàng Năm qui định Hợp Đồng này sẽ được tự động điều chỉnh tương ứng so với mức tăng/giảm so với Tỷ Giá Tham Chiếu đối với số tiền đến hạn thanh toán. Theo đó, Tiền Thuê Cơ Sở Hạ Tầng và Tiền Phí Quản Lý và Bảo Dưỡng Hàng Năm mà Bên B phải thanh toán thực tế cho Bên A tại thời điểm thanh toán sẽ được xác định bằng Tiền Thuê Cơ Sở Hạ Tầng và tiền Phí Quản Lý và Bảo Dưỡng Hàng Năm đến hạn theo qui định tại Hợp đồng này nhân với tỷ lệ % giữa Tỷ Giá vào ngày thực tế thanh toán trên Tỷ Giá Tham Chiếu.

4.4 Tiền thuê đất thô (là tiền thuê đất hàng năm áp dụng đối với Lô Đất theo mức giá thuê đất quy định của UBND tỉnh Hà Nam)

- Bên B có trách nhiệm thanh toán Tiền thuê đất thô hàng năm cho Bên A đối với diện tích Lô Đất thuê theo mức giá quy định của UBND tỉnh Hà Nam tại thời điểm thanh toán hàng năm (gọi tắt là **"Tiền Thuê Đất Thô"**).
- Bên B được miễn Tiền Thuê Đất Thô trong thời hạn ưu đãi đầu tư theo quy định của UBND tỉnh Hà Nam áp dụng cho Khu công nghiệp Hòa Mạc.

4.5 Các phí dịch vụ khác

4.5.1 Nước sạch:

- Giá nước sạch theo quy định của đơn vị cung cấp dịch vụ tùy từng thời điểm. Đơn giá đang áp dụng hiện tại là **11.000 đồng/m^3** (chưa bao gồm thuế VAT).
- Bên B có trách nhiệm ký hợp đồng và thanh toán tiền sử dụng nước sạch cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

4.5.2 Phí xử lý nước thải:

- Phí xử lý nước thải: theo quy định của đơn vị cung cấp dịch vụ tùy từng thời điểm. Đơn giá đang áp dụng hiện tại là **10.000 đồng/m^3** (chưa bao gồm thuế VAT).
- Khối lượng nước thải được xác định bằng 80% khối lượng nước sạch sử dụng đầu vào của của Bên B. Khối lượng nước sạch của Bên B làm cơ sở tính phí xử lý nước thải sẽ được xác định trên cơ sở hóa đơn tiền nước do đơn vị cung cấp dịch vụ cấp cho Bên B.
- Bên B có trách nhiệm xử lý sơ bộ nước thải (bao gồm nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt) trong khu vực nhà máy của Bên B. Nước thải sau xử lý sơ bộ tại Nhà máy của Bên B trước khi thải ra hệ thống thoát nước thải chung của Khu công nghiệp phải đạt các chỉ tiêu quy định của Bên A áp dụng chung cho Khu công nghiệp. Chỉ tiết các thông số và nồng độ các chất thành phần áp dụng đối với nước thải của Bên B trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp sẽ được quy định cụ thể trong Hợp đồng kinh tế về xử lý nước thải được hai bên ký kết

làm cơ sở cho việc thực hiện.

4.5.3 Chất thải

- Bên A chịu trách nhiệm thu gom và vận chuyển chất thải không nguy hại được thải ra từ sản xuất và sinh hoạt của Bên B (sau đây gọi tắt là **"Chất thải"**). Đơn giá đang áp dụng hiện tại là **250.000 đồng/m^3** (chưa bao gồm thuế VAT).
- Bên B có trách nhiệm ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ về việc thu gom và xử lý Chất thải với Bên A trước khi khởi công xây dựng dự án.

4.6 Phương thức thanh toán

4.6.1 Thanh toán Tiền Thuê Cơ Sở Hạ Tầng

- **Thanh toán đợt 1:** Vào thời điểm ngày hai bên ký Hợp đồng, toàn bộ tiền đặt cọc của Bên B, số tiền là: **512.937.325 đồng** (*Bằng chữ: Năm trăm mười hai triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi lăm đồng)* tương đương **22.233,95 USD** sẽ được chuyển thành giá trị Tiền Thuê Cơ Sở Hạ Tầng của Hợp đồng này. Các bên sẽ tiến hành ký kết các thủ tục để xác nhận bằng văn bản chuyển số tiền đặt cọc thành giá trị Tiền Thuê Cơ Sở Hạ Tầng.
- **Thanh toán đợt 2:** Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên B thanh toán tiếp cho Bên A khoản Tiền Thuê Cơ Sở Hạ Tầng, số tiền là: **4.622.105.680 đồng** *(Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, một trăm linh năm nghìn, sáu trăm tám mươi đồng)* tương đương **202.590,65 USD**.
- **Thanh toán đợt 3:** Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày Bên A bàn giao Lô đất cho Bên B, Bên B thanh toán dứt điểm cho Bên A số Tiền Thuê Cơ Sở Hạ Tầng còn lại của Hợp đồng, tương đương **5.129.373.249 đồng** *(Bằng chữ: Năm tỷ, một trăm hai mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi chín đồng)* tương đương **224.824,6 USD**.

4.6.2 Thanh toán Tiền Thuê Đất Thô

Bên B nộp Tiền Thuê Đất Thô cho Bên A theo định kỳ hàng năm, trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.

4.6.3 Thanh toán Phí Quản lý và Bảo Dưỡng Hàng Năm

Bên B thanh toán cho Bên A Phí Quản Lý và Bảo Dưỡng Hàng Năm cộng với tiền thuế giá trị gia tăng VAT trong vòng mười lăm (15) ngày đầu tháng một hàng năm. Riêng năm đầu tiên, Bên B thanh toán Phí Quản Lý và Bảo Dưỡng Hàng Năm cho Bên A trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày Bên A hoàn thành việc bàn giao Lô đất cho Bên B.

4.7 Hình thức thanh toán:

Bên B thanh toán theo hình thức chuyển tiền vào tài khoản của Bên A tại:

- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Trung tâm giao dịch Hội sở

- Địa chỉ: 191 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Số tài khoản: 13821944903014
- Người thụ hưởng: **Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc**

Điều 5: BÀN GIAO ĐẤT

5.1 Bên A bàn giao Lô Đất và Bên B nhận bàn giao Lô Đất trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành việc Thanh toán đợt 2 theo quy định tại khoản 4.6, điều 4 của Hợp đồng này.

5.2 Diện tích, kích thước và vị trí mốc giới của Lô đất mà Bên A bàn giao cho Bên B tại hiện trường sẽ được lập thành Biên bản bàn giao có xác nhận của hai bên làm cơ sở cho việc thanh quyết toán giá trị tiền thuê đất chính thức của hợp đồng. Biên bản bàn giao này là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng này.

5.3 Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày đến hạn nhận bàn giao đất theo quy định tại khoản 5.1 điều này mà Bên B chưa tiến hành nhận bàn giao đất, thì coi như Bên A đã bàn giao và Bên B đồng ý nhận bàn giao đất vào ngày bàn giao theo quy định của Hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên B có trách nhiệm thanh toán Tiền Cơ Sở Hạ Tầng đợt 3 cho Bên A theo đúng quy định tại khoản a, điều 4.6 của Hợp đồng này.

Điều 6: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

6.1 Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên A

a) Bàn giao đất: Bên A có trách nhiệm bàn giao Lô đất cho Bên B theo đúng thời gian qui định tại Điều 5 của Hợp đồng này;

b) Cấp điện: Bên A có trách nhiệm cấp điện trung thế tại trục đường giao thông nội bộ Khu công nghiệp (Trên vỉa hè đường D1, phía đối diện với Lô đất của Bên B). Bên B có trách nhiệm ký Hợp đồng và thanh toán tiền điện hàng tháng theo đơn giá quy định của Điện lực Hà Nam;

c) Cấp nước: Bên A có trách nhiệm đảm bảo nước sạch được cung cấp đến điểm đấu nối ngoài tường rào của Bên B. Bên B có trách nhiệm ký Hợp đồng và thanh toán tiền nước tiêu thụ hàng tháng với đơn vị cung cấp dịch vụ. (Đơn vị cung cấp dịch vụ hiện tại là Công ty TNHH nước sạch và môi trường Duy Tiên);

d) Thoát nước: Bên A có trách nhiệm xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải ngoài hàng rào của Bên B;

e) Xử lý nước thải: Bên A có trách nhiệm đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung trong Khu công nghiệp để xử lý nước thải của Bên B;

f) Giao thông: Bên A có trách nhiệm hoàn thiện hệ thống giao thông nội bộ trong khu công nghiệp Hòa Mạc và có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng thường xuyên nhằm đảm bảo cho hệ thống được sử dụng bình thường;

g) Viễn thông: Bên A có trách nhiệm cung cấp hệ thống điện thoại, internet tốc độ cao đến điểm đấu nối ngoài hàng rào của Bên B. Bên B ký Hợp đồng và thanh toán tiền dịch vụ viễn thông với đơn vị cung cấp dịch vụ;

h) Cấp hoá đơn giá trị gia tăng (VAT) Tiền Thuê Cơ Sở Hạ Tầng cho Bên B.

i) Cấp hoá đơn giá trị gia tăng (VAT) tiền Phí Quản Lý và Bảo Dưỡng Hàng Năm cho Bên B sau khi Bên B thanh toán cho Bên A tiền Phí Quản Lý và Bảo Dưỡng Hàng Năm. Riêng năm đầu tiên, Bên A cấp hoá đơn tiền phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng cho Bên B ngay sau khi hoàn thành việc bàn giao đất.

k) Bên A có trách nhiệm hỗ trợ Bên B hoàn thiện thủ tục xin cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" trong thời gian sớm nhất.

6.2 Các quyền của Bên A

a) Yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ Tiền Thuê Cơ Sở Hạ Tầng, Tiền Thuê Đất Thô và Phí Quản Lý và Bảo Dưỡng Hàng Năm theo đúng thời hạn qui định tại Điều 4 của Hợp đồng này;

b) Trường hợp Bên B không nhận bàn giao đất đúng thời gian qui định tại Điều 5 của Hợp đồng này mà không có sự thoả thuận trước với Bên A bằng văn bản, thì Bên A có quyền được hưởng toàn bộ số tiền Bên B đã thanh toán.

c) Trong toàn bộ thời hạn thuê theo Hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, yêu cầu và nhắc nhở Bên B tuân thủ các qui định về quản lý đầu tư, xây dựng, đất đai trong Khu công nghiệp, bảo vệ, giữ gìn đất đai;

d) Yêu cầu Bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu Bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì Bên A có quyền đơn phương đình chỉ Hợp đồng và yêu cầu Bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại.

e) Yêu cầu Bên B trả lại Lô đất khi thời hạn cho thuê đã hết.

f) Đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê đất này trong trường hợp việc sản xuất của Bên B gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Điều 7: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

7.1 Nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B

a) Nhận bàn giao Lô đất từ Bên A theo đúng thời gian quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này;

b) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn Tiền Thuê Cơ Sở Hạ Tầng, Phí Quản Lý và Bảo Dưỡng Hàng Năm và Tiền Thuê Đất Thô theo quy định của Hợp đồng cho Bên A;

Trong trường hợp Bên B thanh toán không đúng theo qui định của Hợp đồng thì Bên B sẽ bị phạt và chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A được xác định bằng mức lãi suất là 0,07% một ngày tính trên số tiền chậm thanh toán, nhưng thời hạn chậm thanh toán tối đa không vượt quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán. Bên B có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán cho Bên A trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A;

Trường hợp hết thời hạn thanh toán theo qui định của Hợp đồng này mà Bên B không thanh toán cho Bên A, thì Bên A có quyền ngừng hoạt động xây dựng, sản xuất kinh doanh và thu hồi lô đất đã cho Bên B thuê. Đồng thời Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng được hưởng toàn bộ số tiền Bên B đã thanh toán;

c) Thanh toán các loại thuế, phí liên quan đến sử dụng Lô đất theo quy định của Nhà nước Việt Nam tại từng thời điểm

d) Sử dụng đất đúng mục đích; đúng thời hạn thuê; tuân thủ pháp luật Việt Nam, của Giấy chứng nhận đầu tư và của Quy định về Quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Hòa Mạc;

e) Bên B có trách nhiệm làm các thủ tục xin cấp phép xây dựng theo quy định của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam trước khi xây dựng công trình;

Sau khi được Ban Quản lý các Khu công nghiệp Hà Nam chấp thuận cho phép xây dựng công trình, Bên B phải gửi một (01) bộ Hồ sơ thiết kế cơ sở kèm văn bản chấp thuận của Ban quản lý các Khu công nghiệp Hà Nam cho Bên A để kiểm tra và theo dõi trong quá trình xây dựng. Nếu Bên B không thực hiện đúng yêu cầu này thì Bên B không được phép khởi công xây dựng công trình tại Khu công nghiệp;

f) Trong quá trình thi công xây dựng nhà máy và tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh trên lô đất thuê, Bên B phải đảm bảo an toàn cho các công trình hạ tầng cơ sở chung của Khu công nghiệp, nếu làm hư hỏng phải chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường thiệt hại;

g) Trong quá trình hoạt động không được gây tổn hại đến quyền lợi, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất xung quanh và tự chịu trách nhiệm về hoạt động đầu tư, xây dựng và sản xuất kinh doanh của đơn vị mình trước cơ quan quản lý Nhà nước và Pháp luật Việt Nam;

h) Tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy và các tiêu chuẩn về Môi trường của Việt Nam.

i) Bên B chịu trách nhiệm xử lý khí thải và bụi công nghiệp đảm bảo đạt các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường do Nhà nước Việt nam quy định và chịu trách nhiệm về những thiệt hại do khí thải làm ô nhiễm gây ra;

j) Hệ thống nước mưa và nước thải của Bên B phải được xây dựng riêng biệt và được đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Khu công nghiệp. Bên B có

trách nhiệm xử lý sơ bộ nước thải theo quy định tại mục b, khoản 4.4, điều 4 Hợp đồng này.

k) Bên B không được khai thác nước ngầm trên diện tích đất thuê;

l) Bên B có trách nhiệm ký Hợp đồng và thanh toán đầy đủ các phí tiện ích cho các đơn vị cung cấp dịch vụ: phí sử dụng nước, phí xử lý nước thải, tiền điện và các phí dịch vụ viễn thông;

m) Bên B có trách nhiệm đăng ký chủ nguồn thải, chất thải nguy hại khi phát sinh với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định về bảo vệ môi trường.

n) Bên B có quyền cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất nhưng phải thoả thuận trước với Bên A bằng văn bản;

o) Trả lại Lô đất sau khi hết thời hạn thuê.

7.2 Các quyền của Bên B

a) Yêu cầu Bên A bàn giao Lô đất gắn với kết cấu hạ tầng theo đúng quy định tại Điều 5 của Bản Hợp đồng này.

b) Được sử dụng Lô đất thuê gắn với kết cấu hạ tầng ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận;

Điều 8: CHUYỂN GIAO, THAY ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

8.1 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B được thực hiện các quyền lợi về đất của doanh nghiệp thuê lại đất trong khu công nghiệp theo các quy định hiện hành của pháp luật về đất đai đối với khu đất đã thuê;

8.2 Trường hợp Bên B bị phân chia, sát nhập hoặc chuyển nhượng tài sản xây dựng trên lô đất thuê cho tổ chức, cá nhân khác, tạo nên pháp nhân mới thì chủ đầu tư mới phải thoả thuận và làm thủ tục thuê lại đất với Bên A, trên cơ sở kế thừa mọi quyền lợi và nghĩa vụ của Bên B tại Hợp đồng này;

8.3 Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, nếu Bên B muốn trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê lại trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên A bằng văn bản trước ít nhất là 06 tháng. Bên A trả lời Bên B trong thời hạn 03 tháng kể từ khi nhận được đề nghị của Bên B. Thời điểm kết thúc Hợp đồng tính đến lúc Bên B bàn giao mặt bằng hoàn trả đất cho Bên A;

8.4 Hợp đồng thuê lại đất hết hiệu lực thực hiện trong các trường hợp sau:

a) - Hết thời hạn thuê đất theo qui định tại Điều 2 của Hợp đồng này;

b) - Một trong hai bên vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hợp đồng ảnh hưởng đến quyền lợi của bên kia mà không thể giải quyết bằng thương lượng;

c) - Bên B bị giải thể trước thời hạn hoặc bị phá sản.

d) - Theo quy định tại điểm b, khoản 7.1, Điều 7 của Hợp đồng này

e) - Theo thoả thuận của các bên.

Điều 9: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

9.1 Những sự kiện dưới đây được các bên xem là sự kiện bất khả kháng xảy ra trong quá trình thực hiện Hợp đồng này:

Chiến tranh, khủng bố, khởi nghĩa, bạo loạn, biểu tình, quyết định đóng cửa nhà máy của cơ quan Nhà nước, hoả hoạn, lụt, bão, động đất, cuồng phong, lốc xoáy, hạn chế hay ngăn cấm của cơ quan Nhà nước, thay đổi luật pháp, tất cả các hành động hoặc sự kiện đó nằm ngoài khả năng kiểm soát của một bên trong Hợp đồng này.

9.2 Không bên nào bị coi là vi phạm Hợp đồng này, hoặc phải chịu trách nhiệm đối với bên kia vì lý do chậm thực hiện hoặc không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào qui định trong Hợp đồng này do một trường hợp bất khả kháng xảy ra với điều kiện là:

a) Trường hợp bất khả kháng là nguyên nhân gần nhất cản trở hoặc làm chậm trễ việc thực hiện Hợp đồng này của một trong hai bên;

b) Bên Bị ảnh hưởng phải thông báo ngay cho bên kia về việc xảy ra Trường hợp bất khả kháng nói trên và chậm nhất trong vòng 15 ngày phải gửi cho bên kia thông báo bằng văn bản trong đó nêu rõ các biện pháp khắc phục đã được áp dụng và cung cấp chi tiết sự việc xảy ra cản trở việc thực hiện Hợp đồng này.

9.3 Các bên đồng ý rằng khi Trường hợp bất khả kháng xảy ra, Bên Bị ảnh hưởng phải áp dụng tất cả các biện pháp hợp lý để hạn chế mất mát hoặc thiệt hại cho bất kỳ bên nào do sự kiện đó gây ra.

Điều 10: LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

10.1 Pháp luật Việt Nam điều chỉnh tất cả các khía cạnh của Hợp đồng này. Bất kỳ vấn đề nào chưa được thoả thuận và đưa vào Hợp đồng này sẽ được áp dụng và giải quyết theo các qui định tương ứng của pháp luật Việt nam;

10.2 Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, các bên sẽ giải quyết tranh chấp trước hết thông qua con đường hoà giải, thương lượng. Nếu tranh chấp không giải quyết được bằng con đường hoà giải, bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra Toà án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết. Phán quyết của Toà án Việt Nam là chung thẩm và có hiệu lực ràng buộc các bên phải tuân thủ, chi phí toà án do bên thua chịu.

10.3 Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào liên quan đến Hợp đồng này đều phải được đại diện có thẩm quyền của hai bên đồng ý bằng văn bản

Điều 11: CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

11.1 Bên A cam đoan rằng:

a) Những thông tin về Lô đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

b) Lô đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

c) Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

- Lô đất không có tranh chấp;

- Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

d) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc;

e) Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

11.2 Bên B cam đoan rằng:

a) Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

b) Đã xem xét kỹ, biết rõ về Lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;

c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc;

d) Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

Điều 12: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

12.1 Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

12.2 Hợp đồng thuê lại đất này được lập thành mười (10) bản tiếng Việt và bốn (04) bản tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ năm (05) bản tiếng Việt và hai (02) bản tiếng Anh. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

12.3 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký được nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1248 quyển số 01 SCT/BS
Ngày 10 tháng 11 năm 2022

ĐẠI DIỆN BÊN B	ĐẠI DIỆN BÊN A
Tên: Kim Junho	Tên: Hoàng Quang Việt
Chức vụ: Giám đốc	Chức vụ: Chủ tịch công ty

TRƯỞNG PHÒNG
LÊ MẠNH HÀ

PHỤ LỤC I

Bảng qui định các thông số và nồng độ các chất thành phần nước thải công nghiệp của các Doanh nghiệp khi thải ra hệ thống thoát nước thải chung của Khu công nghiệp Hòa Mạc.

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	Nhiệt độ	^oC	40
2	pH	-	5,5 - 9
3	Màu	Pt/Co	50
4	$BOD_5(20^oC)$	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,05
8	Thuỷ ngân	mg/l	0,005
9	Chì	mg/l	0,1
10	Cadimi	mg/l	0,05
11	Crom (VI)	mg/l	0,05
12	Crom (III)	mg/l	0,2
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,2
16	Mangan	mg/l	0,5
17	Sắt	mg/l	1
18	Tổng Xianua	mg/l	0,07
19	Tổng Phenol	mg/l	0,1
20	Tổng Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
21	Sunfua	mg/l	0,2
22	Florua	mg/l	5
23	Amoni (tính theo Nitơ)	mg/l	5
24	Tổng nitơ	mg/l	20
25	Tổng phôtpho (tính theo P)	mg/l	4
26	Clorua	mg/l	500
27	Clo dư	mg/l	1
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3
30	Tổng PCB	mg/l	0,003
31	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ a	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ ß	Bq/l	1,0

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

351335120006232

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DMR VINA

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700809357 do phòng Đăng ký kinh doanh sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 7 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 02 năm 2020

Địa chỉ: Đường D1, khu E, khu công nghiệp Hoà Mạc, xã Trác Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

CS 553546

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất

a) Thửa đất số: 80, tờ bản đồ số: 3, khu công nghiệp Hòa Mạc, phường Hòa Mạc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

b) Thửa đất số: 101, tờ bản đồ số: 2, khu công nghiệp Hòa Mạc, xã Trác Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

c) Diện tích: 7861 m^2 (bằng chữ: Bảy nghìn tám trăm sáu mươi mốt mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng: 7861 m^2,
chung: không

đ) Mục đích sử dụng : Đất khu công nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Đến hết ngày 03 tháng 7 năm 2058

g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của Công ty trách nhiệm hữu hạn quản lý khai thác khu công nghiệp Hòa Mạc

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: Nhà máy sản xuất DMR VINA

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sàn (m^2) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng	2341	2747	Sở hữu riêng	-/-	03/7/2058
Nhà xe	140	140	Sở hữu riêng	-/-	03/7/2058
Phụ trợ	45	45	Sở hữu riêng	-/-	03/7/2058
Kho rác	36	36	Sở hữu riêng	-/-	03/7/2058
Nhà bơm	19	19	Sở hữu riêng	-/-	03/7/2058
Nhà bảo vệ	17	17	Sở hữu riêng	-/-	03/7/2058

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Diện tích cụ thể: phường Hòa Mạc: 3394 m^2; xã Trác Văn: 4467 m^2

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

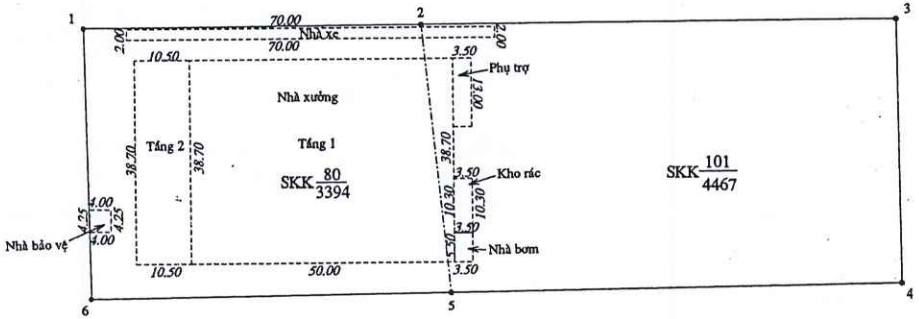

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ			
Số hiệu đỉnh thửa	Hệ tọa độ VN 2000		Chiều dài (m)
	X	Y	
1	2284108.92	603556.96	
2	2284109.22	603621.17	64.21
3	2284109.64	603711.65	90.48
4	2284059.30	603712.25	50.34
5	2284058.30	603626.35	85.91
6	2284057.50	603557.97	68.38
1	2284108.92	603556.96	51.43

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1245 quyển số: 01 SCT/BS
Ngày 10 tháng 11 năm 2022

Hà Nam, ngày 20 tháng 5 năm 2020

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HÀ NAM

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH HÀ NAM

Nguyễn Văn Hảo

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG TƯ PHÁP
TX. DUY TIÊN - T. HÀ NAM

TRƯỞNG PHÒNG

LÊ MẠNH HÀ

Số vào sổ cấp GCN: CS06232

UBND TỈNH HÀ NAM **BAN QUẢN LÝ CÁC KCN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 492/QĐ-BQL	*Hà Nam, ngày 25 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất DMR Vina – Giai đoạn 1" của Công ty TNHH DMR Vina

TRƯỞNG BAN, BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam tổ chức thực hiện thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Nhà máy sản xuất DMR Vina – Giai đoạn 1" của Công ty TNHH DMR Vina họp ngày 07/12/2018 tại Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 32/2018-CV/DMR ngày 20/12/2018 của Công ty TNHH DMR Vina;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Nhà máy sản xuất DMR Vina – Giai đoạn 1" được lập bởi Công ty TNHH DMR Vina *(sau đây gọi là Chủ dự án)* với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

1.1. Phạm vi: Xây dựng nhà máy sản xuất DMR Vina tại Đường D1, Khu E, Khu công nghiệp Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam với diện tích đất thực hiện giai đoạn 1 là 3.980 m^2 trên tổng diện tích khu đất là 7.861 m^2.

1.2. Mục tiêu: Sản xuất, gia công các bộ phận cao su cho hệ thống cáp, hệ thống động cơ, hệ thống lái, hệ thống cửa, hệ thống phanh và số, hệ thống ghế, hệ thống ống dẫn, thiết bị điện tử, cốp xe và các hệ thống khác của ô tô.

1.3. Quy mô, công suất thực hiện: 110.000.000 sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1. Thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ giai đoạn xây dựng và hoạt động của nhà máy đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định hiện hành về quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại;

2.2. Thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng theo các quy định của pháp luật; Đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động được xử lý đạt giới hạn cho phép của khu công nghiệp trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

2.3. Đầu tư, xây lắp và vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng nội dung đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép theo quy định hiện hành.

2.4. Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án phải tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

3. Các điều kiện kèm theo

3.1. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Các số liệu giám sát phải được cập nhật và báo cáo kết quả về Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.2. Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất trong quá trình triển khai dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên & Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trong quá trình thực hiện dự án.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm sau đây:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của dự án trước khi triển khai thực hiện dự án.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Báo cáo kết quả việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành

trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4.Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư xây dựng dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Môi trường thuộc Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng, Trưởng phòng quản lý Môi trường *(BQLCKCN)*, Chủ dự án, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- UBND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nam;
- Phòng TN&MT huyện Duy Tiên;
- Lưu: VT, MT.

TRƯỞNG BAN

Trần Xuân Dưỡng

CÔNG TY TNHH DMR VINA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .001MT DMR-2019	*Hà Nam, ngày 29 tháng 4 năm 2019*
V/v xin chấp thuận xả thải nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN	

Kính gửi: Công ty TNHH Quản lý khai thác KCN Hòa Mạc

- Căn cứ Hợp đồng thu gom và xử lý nước thải số 24/HĐKT/KCN-HM ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Công ty TNHH DMR VINA và Công ty TNHH Quản lý khai thác KCN Hòa Mạc.

- Căn cứ vào Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án "Nhà máy sản xuất DMR VINA – giai đoạn 1" số 1642/QĐ-BQL ngày 25 tháng 12 năm 2018.

- Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty TNHH DMR VINA

Chúng tôi xin trình bày với Quý Công ty một việc như sau:

Theo báo cáo ĐTM của dự án, nước thải của Nhà máy sản xuất DMR VINA bao gồm nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt. Hiện nay, trong quá trình hoạt động, Nhà máy không phát sinh nước thải sản xuất, chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt vào hệ thống thoát nước thải của Nhà máy.

Nước thải sinh hoạt theo phương án xử lý được trình bày trong báo cáo ĐTM được xử lý sơ bộ thông qua các bể tự hoại cải tiến 3 ngăn sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy với công suất 10m^3/ngày.đêm bao gồm cụm bể điều hòa – thiếu khí – hiếu khí – lắng – khử trùng cùng các giải pháp như thông hút bể phốt định kỳ, bổ sung chế phẩm sinh học để tăng hiệu quả xử lý. Lượng nước thải dự báo phát sinh khoảng 3,6m^3/ngày.đêm. Thực tế khi đi vào hoạt động, toàn bộ nước thải sinh hoạt của Nhà máy hiện nay được xử lý sơ bộ thông qua bể tự hoại cải tiến 3 ngăn sau đó dẫn ra hệ thống thoát nước thải chung của KCN.

Tuy nhiên, chiếu theo quy định về nồng độ các chất thành phần trong nước thải sau xử lý của KCN Hòa Mạc thì nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại của Nhà máy sẽ không đạt tiêu chuẩn xả thải của KCN do có nồng độ các chất hữu cơ cao mà chúng tôi được biết Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Hòa Mạc với công nghệ xử lý bằng vi sinh có thể xử lý hiệu quả những chất này.

Vì vậy, bằng văn bản này, Công ty TNHH DMR VINA kính đề nghị Công ty TNHH quản lý Khai thác KCN Hòa Mạc xem xét chấp nhận việc xả nước thải sinh hoạt qua xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại cải tiến 3 ngăn vào hệ thống thu gom chung của KCN Hòa Mạc.

Vì sự hợp tác lâu dài giữa hai bên, đơn vị chúng tôi rất mong nhận được sự xác nhận của Quý công ty để Công ty chúng tôi có cơ sở thực hiện các công việc tiếp theo.

Công ty chúng tôi cam kết sẽ thực hiện tốt nhất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ nguồn thải này và chấp hành đầy đủ các quy định chung.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ KHAI THÁC KCN HÒA MẠC	**CÔNG TY TNHH DMR VINA**
(Xác nhận)	
PHÓ GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Trần Hiền Cường	KIM JUNHO

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 514 quyển số 01 SCT/BS
Ngày 08 tháng 5 năm 2019

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHẠM MẠNH THẮNG

UBND TỈNH HÀ NAM
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 615 /BQL - MT
V/v điều chỉnh một số nội dung trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt

Hà Nam, ngày 21 tháng 5 năm 2019

Người ký: Ban Quản lý các khu công nghiệp
Email: bqlkcn@hanam.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Hà Nam
Thời gian ký: 21.05.2019 13:46:15 +03:00

Kính gửi: Công ty TNHH DMR Vina

Căn cứ Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 08 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 1642/QĐ-BQL ngày 25/12/2018 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Báo cáo ĐTM dự án "Nhà máy sản xuất DMR Vina" của Công ty TNHH DMR Vina;

Ngày 10/5/2019, Ban Quản lý các KCN tỉnh tiếp nhận đề nghị của Công ty TNHH DMR Vina tại Văn bản số 002MT/DMR-2019 ngày 09/5/2019 về việc xin điều chỉnh một số nội dung trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt; Sau khi xem xét hồ sơ, kiểm tra thực tế hoạt động của nhà máy, đối chiếu với các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, Ban Quản lý các KCN tỉnh có ý kiến như sau:

- Đồng ý cho Công ty TNHH DMR Vina điều chỉnh phương án xử lý nước thải sinh hoạt bằng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10m^3/ngày đêm như đã cam kết trong Báo cáo ĐTM được phê duyệt theo phương án thuê Công ty TNHH Quản lý Khai thác KCN Hòa Mạc xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại nhà máy; Yêu cầu Công ty TNHH DMR Vina phối hợp với Công ty TNHH Quản lý Khai thác KCN Hòa Mạc bổ sung Phụ lục Hợp đồng xử lý nước thải xác định "*giá trị giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm cho phép trong nước thải của Công ty trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý tập trung của KCN Hòa Mạc*" làm tiêu chuẩn để so sánh khi triển khai thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ với nước thải;

- Căn cứ kết quả quan trắc môi trường định kỳ Quý I/2019 của Công ty và kết quả kiểm tra thực tế, Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam thống nhất với đề nghị của Công ty về việc không đầu tư xây dựng hệ thống xử lý khí thải công đoạn Đúc và Cán sản phẩm như đã đề xuất trong Báo cáo ĐTM được phê duyệt; Phương án giảm thiểu môi trường không khí tại khu vực này là bổ sung sử dụng hệ thống quạt thông gió cưỡng bức để thông thoáng làm mát nhà xưởng. Trên cơ sở đó, Ban Quản lý các KCN tỉnh cho phép Công ty lược bỏ chương trình quan trắc môi trường khí thải tại "Bảng 5-3. Nội dung giám sát môi trường khí thải" trang 130 của Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt;

- Yêu cầu Công ty TNHH DMR Vina nghiêm túc thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. Trường hợp có các thay đổi điều chỉnh so với Báo cáo ĐTM, Công ty phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi khi có văn bản chấp thuận của Ban Quản lý các KCN tỉnh.

Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam thông báo để Công ty TNHH DMR Vina triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Ban (để b/c);
- Lưu: VT, MT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Phạm Bá Tùng

CÔNG AN TỈNH HÀ NAM
PHÒNG PC07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014

Số: 670/TDPCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số: 2509/2018/CV ngày 25/9/2018 của: Công ty TNHH DRM Vina.

Người đại diện là Ông: KIM JUNHO. Chức vụ: Giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ CHỨNG NHẬN

Công trình : Nhà máy sản xuất DRM Vina.

Địa điểm xây dựng: KCN Hoà Mạc – Huyện Duy Tiên – Hà Nam.

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH DRM Vina.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty cổ phần xây dựng số 10, Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Hà Nội.

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau: Bậc chịu lửa của công trình; Giới hạn chịu lửa của cấu kiện xây dựng; Giao thông, nguồn nước phục vụ công tác chữa cháy; Khoảng cách an toàn PCCC, khoang cháy; Hệ thống PCCC; Thoát nạn cho người trong điều kiện cháy; Hệ thống điện, chống sét cho công trình theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Hà Nam, ngày 15 tháng 10 năm 2018

TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Nguyễn Văn Cường

Nơi nhận:
- Công ty TNHH DRM Vina;
- Lưu: PC07(95).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công Công trình: Nhà máy sản xuất DRM.		
2	Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công Hạng mục: Phòng cháy chữa cháy Công trình: Nhà máy sản xuất DRM.		
3	Thuyết minh thiết kế hệ thống phòng cháy & chữa cháy Công trình: Nhà máy sản xuất DRM.		

BỘ CÔNG AN
CỤC CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC19
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014

Số: 9313 /KĐ-PCCC-P7

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN
KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 18 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần cơ điện và xây dựng Hà Nội về việc kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện tại văn bản số (Đơn đề nghị kiểm định), ngày 23 tháng 10 năm 2018

Căn cứ kết quả kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện tại biên bản kiểm định ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Phòng Khoa học - Công nghệ và Kiểm định phương tiện PCCC và CNCH - Cục Cảnh sát PCCC và CNCH;

CỤC CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

Phương tiện/lô phương tiện: Phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2 của Công ty Cổ phần cơ điện và xây dựng Hà Nội, địa chỉ: Số 16, Ngõ 281/20 - Vĩnh Hưng - Hoàng Mai - Hà Nội

Tại thời điểm kiểm định, số phương tiện này có các thông số kỹ thuật phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và được phép sử dụng trong công tác phòng cháy và chữa cháy./.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 181 quyển số 01 SCT/BS
Ngày 06 tháng 3 năm 2019

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRƯỞNG PHÒNG
LÊ MẠNH HÀ

Thượng tá Bùi Quang Việt

BẢNG THỐNG KÊ
PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐÃ ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

(Kèm theo Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 0313.../KĐ-PCCC-P7 ngày 20/11/2018 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH)

Số TT	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Ghi chú
1	Tủ trung tâm báo cháy 16 Zone	HCP-1008EDS	Tủ	01	Hochiki/ Canada	2018	*Cấp tem mẫu A Số: 660409138...*
2	Đầu báo cháy khói quang điện + Đế	SOC-24VN	Chiếc	50	Hochiki/ Mỹ	2018	*Cấp tem mẫu C*
3	Đầu báo cháy nhiệt kèm đế	DSC-EA	Chiếc	40	Hochiki/ Nhật Bản	2018	*Cấp tem mẫu C*
4	Đầu báo cháy khói tia chiếu (Beam)	SPC-24	Bộ	05	Hochiki/ Nhật Bản	2018	*Cấp tem mẫu C*
5	Đầu báo cháy Beam	GST I9105R	Bộ	05	Trung Quốc	2018	*Cấp tem mẫu C*
6	Chuông báo cháy khẩn cấp	NQ-618	Cái	12	Horing lih/ Đài Loan (Trung Quốc)	2018	*Cấp tem mẫu C*
7	Đèn báo cháy khẩn cấp	AH-9719	Cái	12		2018	*Cấp tem mẫu C*
8	Nút ấn báo cháy	AH-9717	Chiếc	12		2018	*Cấp tem mẫu C*
9	Đầu phun Sprinkler tự động D15 loại 68°C, K=5,6 quay lên	TY315	Chiếc	150	Tyco/ Anh	2018	*Cấp tem mẫu C*
10	Đầu phun Sprinkler tự động D15 loại 68°C, K=5,6 quay xuống	TY325	chiếc	130	Tyco/ Anh	2018	*Cấp tem mẫu C*
11	Vòi chữa cháy D50-20m-16bar	D50x20m	Cuộn	10	Trung Quốc	2018	-
12	Lăng phun chữa cháy hợp kim nhôm	D50	Cái	10	Việt Nam	2018	-
13	Vòi chữa cháy D65-20m-16bar	D65x20m	Cuộn	08	Trung Quốc	2018	-
14	Lăng phun chữa cháy hợp kim nhôm	D65	Cái	08	Việt Nam	2018	-
15	Cột nước chữa cháy ngoài nhà	D100/ D65x2	Cột	04	Việt Nam	2018	-
16	Họng chờ tiếp nước chữa cháy ngoài nhà	D100	Họng	01	Trung Quốc	2018	-
17	Máy bơm chữa cháy động cơ điện: Q = 315,36 m^3/h; H=62,71 m.c.n; 380/660V 50Hz 2900RPM	FSK 150x100/90	Máy	01	Windy/ Việt Nam	2018	*Cấp tem mẫu A Số: 660409139 Đến: 660409141*
18	Máy bơm động cơ Diesel: Q = 315,36 m^3/h; H=62,71 m.c.n; JY34 3907cc 2900RPM	JY34 FSK 150x100/90	Máy	01	Windy/ Việt Nam	2018	
19	Máy bơm bù chạy điện: Q = 5 m^3/h; H = 72 m.c.n; 380/660V 50Hz 2900RPM	KPN/3.0	Máy	01	Windy/ Việt Nam	2018	

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần cơ điện và xây dựng Hà Nội, địa chỉ: Số 16, Ngõ 281/20 - Vĩnh Hưng - Hoàng Mai - Hà Nội lô phương tiện trên dùng để lắp đặt tại: Nhà máy sản xuất DMR Vina, địa chỉ: Đường D1, Khu E, KCN Hòa Mạc, xã Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

- Chủ đầu tư và các đơn vị nhà thầu có liên quan có trách nhiệm thi công, lắp đặt, giám sát, nghiệm thu các phương tiện PCCC nêu trên trước khi đưa vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật;
- Các phương tiện PCCC nêu trên sau khi đưa vào sử dụng phải được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên theo quy định./.

CÔNG AN TỈNH HÀ NAM
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

Số: 862 /NT-PCCC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Hà Nam, ngày 24 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: Công ty TNHH DMR Vina.

Theo văn bản số 1112/CV ngày 11/12/2018 về việc nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH DMR Vina; căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Hà Nam lập ngày 18/12/2018, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của Công ty TNHH DMR Vina.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Hà Nam đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH DMR Vina đối với công trình Nhà máy sản xuất DMR Vina thuộc Công ty TNHH DMR Vina xây dựng tại khu công nghiệp Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam theo các nội dung sau:

- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler;
- Hệ thống cung cấp nước chữa cháy bên trong và bên ngoài công trình;
- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, EXIT thoát hiểm;
- Các bình chữa cháy xách tay, nội quy tiêu lệnh PCCC.

Để đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy cho Nhà máy sản xuất DMR Vina trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị Công ty TNHH DMR Vina thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;
- Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 162 quyển số: 01/SCT/BS
Ngày 06 tháng 5 năm 2019

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: PC07 (D5).

TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Nguyễn Văn Cường

TRƯỞNG PHÒNG
LÊ MẠNH HÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

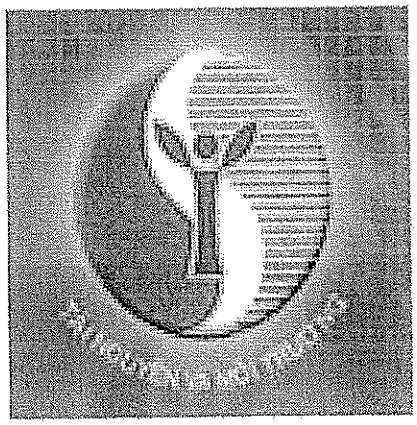

SỔ ĐĂNG KÝ

CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 35.000600.T

(Cấp lần đầu)

CHỦ NGUỒN THẢI: **CÔNG TY TNHH DMR VINA**

ĐỊA CHỈ VĂN PHÒNG: **ĐƯỜNG D1, KHU E, KCN HÒA MẠC, THỊ XÃ DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM**

Hà Nam, tháng 02 năm 2020

UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 20 tháng 02 năm 2020

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: **35.000600.T**
(Cấp lần đầu)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:
Tên: Công ty TNHH DMR VINA
Địa chỉ: Đường D1, khu E, KCN Hòa Mạc, xã Trác Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
Điện thoại: 02263.584.235
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV mã số 0700809357, đăng ký lần đầu ngày 25/7/2018. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.
Loại hình hoạt động: Sản xuất, gia công các bộ phận cao su cho hệ thống cáp, hệ thống động cơ, hệ thống lái, hệ thống cửa, hệ thống phanh và số, hệ thống ghế, hệ thống ống dẫn, thiết bị điện tử, cốp xe và các hệ thống khác của ô tô.
Tên người liên hệ:
- Ông Kim Jun Ho – Giám đốc.
- Ông Nguyễn Chí Tùng – Phiên dịch.

Điện thoại: 02263.584.235
II. Nội dung đăng ký:
Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký (01) cơ sở phát sinh CTNH có danh sách CTNH kèm theo.
III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:
1. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành
Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận:
- Như phần I;
- Lưu MT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH HÀ NAM

Đinh Xuân Thông

Mã số QLCTNH: 35.000600.T (20/02/2020)
Số trang/tổng số trang: 01/01

PHỤ LỤC

*(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 35.000600.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam **(cấp lần đầu)** ngày 20 tháng 02 năm 2020)*

1. Cơ sở phát sinh CTNH

Tên: Công ty TNHH DMR VINA

Địa chỉ: Đường D1, khu E, KCN Hòa Mạc, xã Trác Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Điện thoại: 02263.584.235

2.Danh sách chất thải nguy hại đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/Lỏng/Bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Rắn	24	160106
2	Bao bì chứa thành phần nguy hại: bao bì các chất phụ gia	Rắn	120	180103
3	Dầu bôi trơn, dầu máy thải	Lỏng	60	170204
4	Giẻ lau dính dầu	Rắn	300	180201
5	Bavia cao su thừa tại công đoạn đúc	Rắn	402.996	191202

3. Danh sách CTNH đã đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở: Không./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

베트남사회주의공화국

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

독립-자유-행복

HỢP ĐỒNG THU GOM VẬN CHUYỂN LƯU GIỮ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP, NGUY HẠI VÀ THU MUA PHẾ LIỆU TÁI CHẾ

유해물 , 산업폐기물수집, 운송, 저장및처리와재활용자재수집계약서

SỐ HĐ /계약번호 186/2019/HĐXL

-Căn cứ vào Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ban hành ngày 14/06/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua.
제 XI 회 7 차국회가 2005/6/14 일에승인하고 2006/1/1
일로부터시행효력이발효한베트남사회주의공화국의 33 / 2005 / QH11
호인민사법에근거하여.

- Căn cứ vào luật Doanh NghiệpNước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

2014/11/26 일에베트남사회주의공화국의 68/2014/QH13 호인기업법에근거하여.

-Căn cứ vào luật số 55/2014/QH13 Luật Bảo vệ Môi trường ban hành ngày 23 tháng 06 năm 2014 và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 được quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua .

베트남사회주의공화국국회가승인하여 2014/06/23 일에발행하고 2015/01/01 일로부터효력이발생한환경보호법에근거하여.

-Căn cứ vào luật Thương Mại Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005.

2005/6/14 일에베트남사회주의공화국의 36/2005/QH11 호인상법에구거하여.

-Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015, về quản lý chất thải nguy hại.

-Căn cứ Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.120.VX được cấp ngày 16 tháng 08 năm 2018.

유해폐기물관리시행면허번호 : 1-2-3-4-5-6.120.VX. / 2018/08/16

- Căn cứ đề nghị của Công ty **TNHH DMR VINA** về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp, sinh hoạt ,nguy hại và thu mua phế liệu tái chế.

유해산업폐기물수집,운반, 처리에대한 **DMR VINA** 유한책임회사의청구에근거하여

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

우리는다음과같은내용을기준으로한다

Hôm nay ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại văn phòng công ty **TNHH TNHH DMR VINA**

오늘, 2019 년 11 월 20 일, **TNHH DMR VINA** 사무실에서, 다음과같이한다

I . CHỦ NGUỒN THẢI – CÔNG TY TNHH DMR VINA

(BÊN"A")

I .폐기물배출업체: **TNHH DMR VINA**

유한책임회사 (이하"갑"이라고칭함")

Địa chỉ trụ sở chính : Đường D1, Khu E, Khu Công Nghiệp Hòa Mạc, xã Trác Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.

본점 : Ha Nam 성, Ha Nam 성, Hòa Mạc 공업단지..

Địa chỉ giao nhận chất thải : Đường D1, Khu E, Khu Công Nghiệp Hòa Mạc, xã Trác Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.

폐기물인수인계장소: Ha Nam 성, Hòa Mạc 공업단지.

Điện thoại /전화번호: 0969.375518

Mã số thuế /세금코드: 0700809357

Số Tài khoản : 077400446420002

Ngân hàng: Ngân Hàng IBK Việt Nam : Chi Nhánh Hà Nội

Người đại diện: **Ông KIM JUNHO**

대표자: **MR KIM JUNHO** Chức vụ / 직위 **Giám đốc** / 법인장

II . CHỦ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP , NGUY HẠI – CÔNGTY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ CAO HÒA BÌNH (BÊN B)

II.유해·산업폐기물처리·운반업체:HOA BINH HITEH ENVIRONMENT JSC(이하"을"이라고칭함")

Địa chỉ:Thôn Đồng Phú, Xã Đồng Tâm, Huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình

본점: Hoa Binh 성, Lac Thuy 현 Dong Tam 면, Dong Phu 촌

Điện thoại/전화번호: 02436789079

Mã số thuế /세금코드 : 5400471316

Số tài khoản: 110618556688 Tại ngân hàng Vietinbank chi nhánh Đông Hà Nội

Người đại diện : **ÔNG NGUYỄN ĐÌNH HÙNG**

대표자: **MR NGUYỄN ĐÌNH HÙNG**

Sau khi thỏa thuận hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và thu mua phế liệu với các điều khoản sau.
양사는다음과같은내용으로협의하고유해,산업폐기물수집,운반,처리계약을체결한다.

ĐIỀU1: ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

제 **1** 조 :계약대상및계약기간

1) Bên A thuê Bên B và bên B đồng ý thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại, chất thải sinh hoạt...phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu giữ chất thải của bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại của bên B.

1)갑은을과임대계약을맺고갑의생산과정에서발생하는유해·산업폐기물을갑사업장으로부터을의사업장까지수집,운반및처리하는것에동의한다

2) Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2019 đến hết ngày 20 tháng 11 năm 2020. Trước thời hạn kết thúc hợp đồng 01 tháng nếu hai bên không có vấn đề gì thay đổi thì hợp đồng sẽ tự gia hạn thêm 12 tháng .

2)본계약서는 2019 년 11 월 20 일부터 2020 년 11 월 20 일까지유효하다.

ĐIỀU2 :GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

제 2 조:폐기물인수인계및운송

1) Đặc tính chất thải: Chất thải công nghiệp, nguy hại, chất thải sinh hoạt...ở dạng rắn, lỏng, bùn

1)폐기물의특성 :산업·유해폐기물, 고체·액체·슬러지형

2) Địa điểm giao nhận chất thải: Tại nơi lưu chứa chất thải của Công ty **TNHH DMR VINA**

2) 인수인계장소: **DMR VINA** 유한책임회사의폐기물저장소.

Địa chỉ: Đường D1, Khu E, Khu Công Nghiệp Hòa Mạc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.

주소: Ha Nam 성, Hòa Mạc 공업단지.

Thời gian giao nhận: Sau khi bên A báo trước cho bên B 1/2ngày

인수인계시간 :갑은을에게최소 1/2 일전통보후진행한다

3) Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại đã đủ tiêu chuẩn hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.

3)운송수단:베트남의폐기물운반현행법규정에따라폐기물운반시위생및특수운반법을준수한다.

4) Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải công nghiệp, nguy hại, chất thải sinh hoạt...Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về khu xử lý chất thải của công ty CP Môi Trường Công Nghệ Cao Hòa Bình. Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại, chất thải sinh hoạt tại địa chỉ Thôn Đồng Phú, Xã Đồng Tâm, Huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình .

4) 폐기물처리장: 갑이을에게인계하는모든유해·산업폐기물은 Hoa Binh 성, Lac Thuy 현 Dong Tam 면, Dong Phu 촌에위치하는화빙하이테크환경주식회사의처리장소로운반되어처리한다.

ĐIỀU 3:PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

제 3 조 :지급방식

1)Theo quy định hiện hành thuế VAT đối với phí vận chuyển và xử lý chất thải là 10%.

1) 현행법에따라폐기물운반과처리비용에대한 VAT 는 10%이며, 갑은세금을납부해야한다.

1)Bên A thanh toán toàn bộ số tiền cho bên B bằng hình thức chuyển khoản,

hoặc chuyển tiền mặt vào tài khoản của bên B chậm nhất trong khoảng thời

gian 30 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải và nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ.

2) A 는 B 에게모든정산금액을은행송금방식으로지급하며,
갑은폐기물의물량검사(인수인계)확인서를발급일로부터 30 일이내송금해야한다.

3) Sau khi quá thời hạn thanh toán như ở khoản 2 kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ nếu bên A không thanh toán đầy đủ cho bên B, bên B sẽ tạm

dừng việc vận chuyển, lưu trữ và sử lý chất thải công nghiệp, sinh hoạt, nguy hại cho đến khi bên A thanh toán.

3)갑이세금계산서를받은후약속한대금지급일이지날경우을은갑이대금지급시까지폐기물수집운반및처리업무를중지한다

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A
제 4 조:갑의권한및책임

1) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo điều 4(2) của hợp đồng.

1)갑은본계약서제 4 조 2 항에따라을에게금액을지불해야한다.

2) Bên A có trách nhiệm cung cấp cho bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc suất xứ, các tài liệu về thu gom và quản lý chất thải, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu bên A có sử dụng lại chứng từ đặc biệt).

2)갑은을에게폐기물수집운반및관리서류,인수인계확인서등과같은폐기물처리관련된서류를제공해야한다. (갑이요청할경우).

3) Bên A tạo điều kiện cho bên B trong việc thu gom và vân chuyển phế liệu, chất thải công nghiệp, nguy hại, chất thải sinh hoạt trong phạm vi của bên

3)갑은유해산업폐기물을수집,운반시상하차에필요한지게차및근로자를을에게지원한다.

4) Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng vận chuyển và xử lý chất thải thu gom, vận chuyển để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

4)갑은수집운반및처리된폐기물의수량을확인하고, 검사및지불기준이되도록한다.

5) Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của bên B.

5)갑은폐기물수집운반및처리과정을확인및감독할권한은있으나,
확인및감독업무외을의작업과정에영향을미치는행동을하지않아야한다.

6) Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải đang bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

6)갑은을에게인계하지않는폐기물에대해문제가생길경우법적책임을진다.

ĐIỀU 5 :TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

제 5 조:을의책임및권한

1) Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp Đồng, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong toàn bộ quá trình trên
1)법률과계약서의규정에따라폐기물을수집운송및처리할책임이있다.

2)Bên B bố trí công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

2)을은운반시폐기물상차작업을위해근로자를배치해야한다.

3)Cùng bên A xác nhận khối lượng chất thải thu gom,vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

3)을은갑과함께지불기준이되도록수집,운반및처리될폐기물수량을확인한다.

4) Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

4) 처리과정에발생되는문제에대해서갑에게서면으로통지해야한다.

5) Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật và giao lại chứng từcho bên A đúng thời hạn.

5)유해폐기물처리법률에따라서류를정확히완료하여갑에게문제가생기지않도록한다.

6) Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm như không giới hạn ở thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài Nguyên Môi Trường.

6)자원환경부의 2015/6/30 일에 36 /2015/TT-BTNMT
호인지시에법률에따라갑이폐기물분리및포장되는것에대해이를어기는문제를발견하는경우에갑은폐기물운송을중지할권한이있다

8) Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

8)갑에인수인계및물량을확인하는자가없는경우에업무진행절차에따라을은폐기물을우선수거할권한이있다.

9) Khi chất thải đã bàn giao ra khỏi phạm vi Công ty của Bên A, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ , xử lý chất thải của Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
9)폐기물이 갑의 사업장을 벗어나는 경우, 운송중에발생되는 보관, 취급 (분실, 환경파괴)에 대한 문제는 을이 전적으로책임을진다.
10) Đảm bảo vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các qui định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam.
10)을은 베트남의폐기물처리및환경보호법에관한규정에따라폐기물운송,
보관및처리를보장한다.

11) Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A dựa theo bảng tổng hợp khối lượng chất thải.

11)폐기물 총량에 근거하여 갑측에 정확한 청구서를 발행 한다.

Điều 6: BẢO MẬT

제 6 조:기밀사항

1) Các bên có trách nhiệm bảo mật tất cả những thông tin từ đối phương trong suốt thời hạnvà sau khi hết hạn của hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

1)각측은상대회사로부터받는모든정보에대해서계약기간및계약만료이후까지비밀을지킬 책임이있으며그정보에대한기밀보장에대한모든필요한방법을지켜야한다.

2) Mỗi bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trịđộc quyền và sẽ không tiết lộ đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng không được tiết lộ bất kỳ thông tin hợp đồng cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của đối tác .

2)각측은본계약서의정보를비밀정보로보이게공개하지않고상대회사의서면허락없이자기 의직원들또는제 3 자에게공개하지않는것에대한보장을해야한다.

Điều 7: SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

제 7 조:계약개정및해지

1) Hợp đồng này và các phụ lục(nếu có)của hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên

1)본계약서또는부록은(있는경우) 양측의협의에따라 서면으로 개정할 수있다.

2) Hợp đồng này sẽ được chấm dứt trong trường hợp sau

2) 본계약서는다음과같은경우에해지된다.

a)Khi hết hạn của hợp đồng này mà các bên không có ý kiến gì khác thì hợp đồng sẽ được tự động thanh lý.

a)계약이 만료되는 시점에 양사가 다른의견이없을 경우, 계약은자동으로 해약 된다.

b)Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng bằng văn bản

b) 양측은서면을통해계약해지협의를한다.

c)Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến bên A nếu bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại điều 4- (3)

c)제 4 조(3)에따라갑이지불청구서류를받은날로부터서비스금액을지불하지않는경우을은 계약을해지할권한이있다.

ĐIỀU 8 : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

제 8 조:분쟁해결

1)Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghịvà cùng có lợi.

1)본계약서에서발생하거나관련분쟁,소송에대해서는먼저양측은서로의이익을바탕으로협 의하고해결한다

2) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết

2)양측이협의가되지않을경우베트남의심권이있는법원의판결에따른다.

ĐIỀU 9: BẤT KHẢ KHÁNG

제 9 조 :불가항력

1)Sự kiện bất khảng kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, nở đất hỏa hoạn, chiến tranh, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan thẩm quyền của Việt Nam.

1) 베트남법률에따른금지항목또는천재지변(지진, 쓰나미, 태풍,
전쟁등)의예상치못한문제가생겼을경우계약불이행은불가항력조항에따라면책된다.

2) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

2)한측이불가항력의사고로인해자신의의무를제대로완수할수없는것은상대방가계약을해지하는기준이되지않는다.단불가항사건의영향을받는측은다음과같이해야할의무가있다.

a) Thông báo ngay cho bên kia về sự bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy sự kiện bất khả kháng

a)불가항력의사고발생후 7 일내에상대회사에게통보해야한다.

b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra .

b)불가항력의사고가발생할경우, 즉시상대방에통보한다

c) Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thự hiện được các nghĩa vụ theo hợp đồng .

c) 불가항력 사태가 발생했을 계약 당사자가 계약상 의무를 이행 할 수 있을 때까지 계약 기간이 연장된다.

ĐIỀU 10: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

제 10 조:공동사항

1) Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai bên.

1)양측의계약진행상황은서로통보해야한다.
만일서로해결해야하는문제가있으면서면으로통지하고,
양측의이익을바탕으로논의.협의하여해결한다.

2) Hợp đồng được lập thành 4 bản tiếng Việt và tiếng Hàn mỗi bên giữ 2 bản và có giá trị pháp lý như nhau. Nếu có sự khác nhau giữa tiếng Việt và tiếng Hàn thì sẽ lấy tiếng việt làm chuẩn.

2) 본계약서는같은법리적효력이있는 4 부를베트남어와한국어로작성하며, 각각 2 부를보관한다 .베트남어와한국어의차이가있을경우베트남어를기준으로한다.

ĐẠI DIỆN BÊN A

갑의대표자

CÔNG TY TNHH DMP VINA

GIÁM ĐỐC

KIM JUNHO

ĐẠI DIỆNBÊN B

을의대표자

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ CAO HÒA BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Hùng

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số: 186/2019/HĐXL)

부록계약번호

(계약번호와함께동봉 : 186/2019/HĐXL)

Căn cứ Hợp đồng thu gom phế liệu tái chế, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt ký ngày 20 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty **TNHH DMR VINA** và Công ty Cổ phần Môi trường Công Nghệ Cao Hòa Bình.

2019 년 11 월 20. 일자유해폐기물, 산업폐기물및생활폐기물의수집, 운송및처리에관한계약서에의거회사 DMR VINA 와 HOA BINH HIGH TECHNOLOGY ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY.

Hôm nay, ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại Văn phòng Công Ty TNHH DMR VINA *Chúng tôi gồm:*

오늘, 2019 년 11 월 20 일, DMR VINA 사무실에서, 다음과같이한다

BÊN A: Công TY TNHH DMR VINA

갑의 : **DMR VINA** 유한책임회사

Địa chỉ trụ sở chính: Đường D1, Khu E, Khu Công Nghiệp Hòa Mạc, xã Trác Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.

본점 : Ha Nam 성, Hoa Mac 공업단지..

Địa chỉ giao nhận chất thải : Đường D1, Khu E, Khu Công Nghiệp Hòa Mạc, xã Trác Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.

폐기물인수인계장소: Ha Nam 성, Hoa Mac 공업단지.

Điện thoại /전화번호 : 0969.375518

Mã số thuế /세금코드 : 0700809357

Người đại diện / 대표자 : **Mr KIM JUNHO**

Chức vụ / 직위 : **Tổng giám đốc** / 법인장

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ CAO HÒA BÌNH

을의대표자: **HOA BINH HIGH TECHNOLOGY ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ: 주소 : Thôn Đồng Phú, Xã Đồng Tâm, Huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình /**Hoa Binh 성, Lac Thuy 현 Dong Tam 면, Dong Phu 촌**

Điện thoại: 전화 : 02436789079 Fax:02436789079

Mã số thuế: 세금코드 : 5400471316

Người đại diện: 대표 : Ông **Nguyễn Đình Hùng**

Chức vụ : 위치: Tổng Giám đốc / **회장**

Hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng theo danh mục sau:
우리는아래언급된내용을부속서에서명하는데동의합니다.

1. 1: Danh mục và đơn giá thu mua phế liệu /스크랩 매입 단가

STT	Tên phế liệu 스크랩 종류	ĐVT 단위	Đơn giá (VNĐ)단가
1	Bìa catton /박스종이	Kg	3.100
2	Nilon trắng sạch /나일론 화이트	Kg	7.500
3	Các loại nhựa 플라스틱	Kg	5.000
4	Sắt phế liệu/고철	Kg	6.000
5	Gỗ /목재	Kg	300
6	Xốp/스티로폼	Kg	5.000

※*Ghi chú:Giá trên đã bao gồm V.A.T 10% (VAT10% 포함가격)*

2: Danh Mục Xử Lý /폐기물처리단가

STT	Tên chất thải 폐기물 종류	ĐVT 단위	Mã CTNH 코드	Đơn giá (VNĐ)단가
1	Bóng đèn huỳnh quang thải /폐 형광등	Kg	16 01 06	4.500
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay thải bị nhiễm các thành phần nguy hại/장갑, 걸레 위해오염	Kg	18 02 01	4.000
3	Bao bì mềm chứa thành phần nguy hại / 유해 폐플라스틱	Kg	18 01 01	3.000

4	Bao bì kim loại chứa thành phần nguy hại/유해한오염된금속	Kg	18 01 03	4.000
5	Hộp mực in thải /폐프린트 카트리지	Kg	08 02 04	4.500
6	Dầu mỡ bôi trơn tổng hợp thải /폐유	Kg	17 02 03	3.000
7	Pin, Ắc quy chì thải /배출 프린트 ,	Kg	160112	4.000
8	Rác công nghiệp , cao su thải /산업쓰레기	Kg		1.800
9	Rác sinh hoạt/ 가정 폐기물	Kg		1.500
10	Cao su thải (hàng hủy) / 폐 고무 (파괴 품)	Kg		2.900

※*Ghi chú:Giá trên chưa bao gồm V.A.T 10% (VAT10% 별도)*

- Bên B cam kết rằng mình có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý các loại chất thải thuộc bảng nêu trên theo quy định của pháp luật.

파티 B 는파티 B 는, 수송, 저장를수집할수있으며, 위에서언급한핸들커밋

- Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 186/2019/HĐXL ký ngày 20/11/2019. Các điều kiện và điều khoản khác của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

이부속서는계약없이의필수적인부분입니다 186/2019/HĐXL 는 2019 년 11 월 20 일에서명했다. 조건및계약의다른조항은변경되지않습니다.

- Phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt và tiếng Hàn, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ hai bản gốc.

- 부록이계약이베트남어와한국어 04 복사에서만든, 같은법적가치를가지고있다. 각당사자는이원본을유지하여야한다.

ĐẠI DIỆN BÊN A

갑의대표자

MSDN: 0700809357 - CÔNG TY TNHH DMR VINA - H. DUY TIÊN - T. HÀ NAM

GIÁM ĐỐC

KIM JUNHO

ĐẠI DIỆN BÊN B

을의대표자

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ CAO HÒA BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Hùng

TỈNH HÀ NAM

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 01/2021/DMR

1. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH DMR Vina** — Mã số QLCTNH:.....

Địa chỉ văn phòng: Đường D1, Khu E, KCN Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam — ĐT : 02263.584.235

Địa chỉ cơ sở : Đường D1, Khu E, KCN Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam — ĐT: 02263.584.235.

2. Chủ xử lý chất thải nguy hại 1: **Công ty Cổ Phần Môi trường Công Nghệ cao Hòa Bình** — Mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.120.VX

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Phú, xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình — ĐT:02183.905006

Địa chỉ cơ sở : Thôn Đồng Phú, xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình — ĐT: 02183.905006

3. Chủ xử lý chất thải nguy hại 2: ..... — Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... — ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	x			18 02 01	300	TĐ-HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	75	Nghiền, HR
3	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	185	Tẩy rửa, XLNT, TC/TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý chất thải nguy hại 1: **Nguyễn Trung Thành** Ký:..... Ngày: 09/01/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý chất thải nguy hại 2: ..... Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nam, ngày 09 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY TNHH DMR VINA

GIÁM ĐỐC

KIM JUNHO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Hòa Bình, ngày 11 tháng 1 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ CAO HÒA BÌNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Việt

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐- 2☐ 2ˢ☐- 2ᵀ☐- 3☐- 3ˢ☐- 3ᵀ☐ - 4☐- 5☐

TỈNH HÀ NAM	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 02/2021/DMR
1. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH DMR Vina**	Mã số QLCTNH:.....
Địa chỉ văn phòng: Đường D1, Khu E, KCN Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam	ĐT : 02263.584.235
Địa chỉ cơ sở : Đường D1, Khu E, KCN Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam	ĐT: 02263.584.235.
2. Chủ xử lý chất thải nguy hại 1: **Công ty Cổ Phần Môi trường Công Nghệ cao Hòa Bình**	Mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.120.VX
Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Phú, xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	ĐT:02183.905006
Địa chỉ cơ sở : Thôn Đồng Phú, xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	ĐT: 02183.905006
3. Chủ xử lý chất thải nguy hại 2:	Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng:.....	ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở:	ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	x			18 02 01	30	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý chất thải nguy hại 1: **Nguyễn Đức Vinh** Ký:..... Ngày: 24/02/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý chất thải nguy hại 2: .....Ký:.....Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nam, ngày 24 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY TNHH DMR VINA

GIÁM ĐỐC

KIM JUNHO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Hòa Bình, ngày 27 tháng 2 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ CAO HÒA BÌNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Việt

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

©Liên số: 1☐- 2☐ 2ˢ☐- 2ᵀ☐- 3☐- 3ˢ☐- 3ᵀ☐ - 4☐- 5☐

TỈNH HÀ NAM

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 03/2021/DMR

1. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH DMR Vina** — Mã số QLCTNH:.....

Địa chỉ văn phòng: Đường D1, Khu E, KCN Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam — ĐT : 02263.584.235

Địa chỉ cơ sở : Đường D1, Khu E, KCN Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam — ĐT: 02263.584.235.

2. Chủ xử lý chất thải nguy hại 1: **Công ty Cổ Phần Môi trường Công Nghệ cao Hòa Bình** — Mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.120.VX

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Phú, xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình — ĐT:02183.905006

Địa chỉ cơ sở : Thôn Đồng Phú, xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình — ĐT: 02183.905006

3. Chủ xử lý chất thải nguy hại 2: ..... — .Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... — ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	x			18 02 01	285	TĐ-HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	0	Nghiền, HR
3	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	0	Tẩy rửa, XLNT, TC/TĐ-HR
	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	0	Tẩy rửa, XLNT

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý chất thải nguy hại 1: **Nguyễn Trung Thành** Ký:..... Ngày: 22/09/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý chất thải nguy hại 2: ..... Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nam, ngày 22 tháng 09 năm 2021

CÔNG TY TNHH DMR VINA

GIÁM ĐỐC

Hong Sa Hong

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Hòa Bình, ngày 27 tháng 9 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ CAO HÒA BÌNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Việt

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

©Liên số: 1☐- 2☐ 2ˢ☐- 2ᵀ☐- 3☐- 3ˢ☐- 3ᵀ☐ - 4☐- 5☐

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100100417-026**

Địa chỉ *(Address):* Số 9 đường Trần Phú, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19006769

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Duy Tiên - Số TK: 48210000435836 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 06 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu *(Serial):* **1K22TPD**

Số *(No):* **54443**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):* Công ty TNHH DMR Vina

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty TNHH DMR Vina

Mã số thuế *(Tax code):* 0700809357

Địa chỉ *(Address):* Đường D1, khu E, khu công nghiệp Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PA24DV0070537

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2022 từ ngày 26/07/2022 đến ngày 06/08/2022	kWh	52.359	-	104.238.068
	(kèm theo bảng kê số 1149965495 ngày 06 tháng 08 năm 2022)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**104.238.068**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**8.339.045**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**112.577.113**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một trăm mười hai triệu năm trăm bảy mười bảy nghìn một trăm mười ba đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM-CN
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 06/ 08/ 2022 23:05:27

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100100417-026**

Địa chỉ *(Address):* Số 9 đường Trần Phú, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19006769

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Duy Tiên - Số TK: 48210000435836 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu *(Serial):* **1K22TPD**

Số *(No):* **82498**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):* Công ty TNHH DMR Vina

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty TNHH DMR Vina

Mã số thuế *(Tax code):* 0700809357

Địa chỉ *(Address):* Đường D1, khu E, khu công nghiệp Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PA24DV0070537

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2022 từ ngày 07/08/2022 đến ngày 15/08/2022	kWh	34.081	-	66.017.535
	(kèm theo bảng kê số 1155551621 ngày 16 tháng 08 năm 2022)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**66.017.535**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**5.281.403**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**71.298.938**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bảy mươi mốt triệu hai trăm chín mươi tám nghìn chín trăm ba mươi tám đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM-CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 16/ 08/ 2022 14:47:35

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100100417-026**

Địa chỉ *(Address):* Số 9 đường Trần Phú, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19006769

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Duy Tiên - Số TK: 48210000435836 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 25 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu *(Serial):* **1K22TPD**

Số *(No):* **108904**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):* Công ty TNHH DMR Vina

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty TNHH DMR Vina

Mã số thuế *(Tax code):* 0700809357

Địa chỉ *(Address):* Đường D1, khu E, khu công nghiệp Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PA24DV0070537

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):* VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 8 năm 2022 từ ngày 16/08/2022 đến ngày 25/08/2022	kWh	43.496	-	86.489.855
	(kèm theo bảng kê số 1161774192 ngày 25 tháng 08 năm 2022)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**86.489.855**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**6.919.188**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**93.409.043**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Chín mươi ba triệu bốn trăm linh chín nghìn không trăm bốn mươi ba đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM-CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 25/ 08/ 2022 22:11:57

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100100417-026**

Địa chỉ *(Address):* Số 9 đường Trần Phú, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19006769

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Duy Tiên - Số TK: 48210000435836 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 09 năm (year) 2022

Ký hiệu *(Serial):* **1K22TPD**

Số *(No):* **108980**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):* Công ty TNHH DMR Vina

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty TNHH DMR Vina

Mã số thuế *(Tax code):* 0700809357

Địa chỉ *(Address):* Đường D1, khu E, khu công nghiệp Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PA24DV0070537

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 9 năm 2022 từ ngày 26/08/2022 đến ngày 06/09/2022	kWh	42.843	-	83.792.266
	(kèm theo bảng kê số 1162403448 ngày 07 tháng 09 năm 2022)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**83.792.266**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**6.703.381**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**90.495.647**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Chín mươi triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM-CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 07/ 09/ 2022 13:52:27

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100100417-026**

Địa chỉ *(Address):* Số 9 đường Trần Phú, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19006769

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Duy Tiên - Số TK: 48210000435836 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 15 tháng (month) 09 năm (year) 2022

Ký hiệu *(Serial):* **1K22TPD**

Số *(No):* **136716**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):* Công ty TNHH DMR Vina

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty TNHH DMR Vina

Mã số thuế *(Tax code):* 0700809357

Địa chỉ *(Address):* Đường D1, khu E, khu công nghiệp Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PA24DV0070537

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 9 năm 2022 từ ngày 07/09/2022 đến ngày 15/09/2022	kWh	45.042	-	88.098.584
	(kèm theo bảng kê số 1168247445 ngày 15 tháng 09 năm 2022)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**88.098.584**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**7.047.887**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**95.146.471**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Chín mươi lăm triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi mốt đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM-CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 15/ 09/ 2022 16:51:59

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100100417-026**

Địa chỉ *(Address):* Số 9 đường Trần Phú, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19006769

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Duy Tiên - Số TK: 48210000435836 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 26 tháng (month) 09 năm (year) 2022

Ký hiệu *(Serial):* **1K22TPD**

Số *(No):* **163309**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):* Công ty TNHH DMR Vina

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty TNHH DMR Vina

Mã số thuế *(Tax code):* 0700809357

Địa chỉ *(Address):* Đường D1, khu E, khu công nghiệp Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PA24DV0070537

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 9 năm 2022 từ ngày 16/09/2022 đến ngày 25/09/2022	kWh	51.697	-	100.147.860
	(kèm theo bảng kê số 1174114345 ngày 26 tháng 09 năm 2022)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**100.147.860**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**8.011.829**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**108.159.689**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một trăm linh tám triệu một trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM-CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 26/ 09/ 2022 13:52:31

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100100417-026**

Địa chỉ *(Address):* Số 9 đường Trần Phú, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19006769

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Duy Tiên - Số TK: 48210000435836 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 10 năm (year) 2022

Ký hiệu *(Serial):* **1K22TPD**

Số *(No):* **165926**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty TNHH DMR Vina

Mã số thuế *(Tax code):* 0700809357

Địa chỉ *(Address):* Đường D1, khu E, khu công nghiệp Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PA24DV0070537

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 10 năm 2022 từ ngày 26/09/2022 đến ngày 10/10/2022	kWh	66.814	-	129.723.754
	(kèm theo bảng kê số 1176281746 ngày 10 tháng 10 năm 2022)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**129.723.754**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**10.377.900**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**140.101.654**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một trăm bốn mươi triệu một trăm linh một nghìn sáu trăm năm mươi bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM-CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 10/ 10/ 2022 16:22:38

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100100417-026**

Địa chỉ *(Address):* Số 9 đường Trần Phú, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19006769

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Duy Tiên - Số TK: 48210000435836 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 10 năm (year) 2022

Ký hiệu *(Serial):* **1K22TPD**

Số *(No):* **217708**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty TNHH DMR Vina

Mã số thuế *(Tax code):* 0700809357

Địa chỉ *(Address):* Đường D1, khu E, khu công nghiệp Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PA24DV0070537

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):* VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 10 năm 2022 từ ngày 11/10/2022 đến ngày 20/10/2022	kWh	46.016	-	89.839.185
	(kèm theo bảng kê số 1184652508 ngày 20 tháng 10 năm 2022)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**89.839.185**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**7.187.135**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**97.026.320**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Chín mươi bảy triệu không trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM-CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 20/ 10/ 2022 16:26:03

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100100417-026**

Địa chỉ *(Address):* Số 9 đường Trần Phú, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19006769

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Duy Tiên - Số TK: 48210000435836 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 11 năm (year) 2022

Ký hiệu *(Serial):* **1K22TPD**

Số *(No):* **217989**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty TNHH DMR Vina

Mã số thuế *(Tax code):* 0700809357

Địa chỉ *(Address):* Đường D1, khu E, khu công nghiệp Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PA24DV0070537

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 10 năm 2022 từ ngày 21/10/2022 đến ngày 31/10/2022	kWh	49.948	-	96.171.520
	(kèm theo bảng kê số 1186450093 ngày 01 tháng 11 năm 2022)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**96.171.520**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**7.693.722**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**103.865.242**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một trăm linh ba triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ NAM-CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 01/ 11/ 2022 13:57:26

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 06 tháng 09 năm 2022

Ký hiệu: **1C22TDT**
Số: **18229**

Mã cơ quan thuế: **00C58287A4DD584FC68A1F827C568519D8**

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH & MÔI TRƯỜNG DUY TIÊN

Địa chỉ: **Thôn Lảnh Trì, Xã Mộc Nam, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam**
Mã số thuế: **0700252468** Số điện thoại:
Số tài khoản: **19135703562012** **Tại Techcombank - PGD Sài Đồng**
Tên khách hàng: **Công Ty TNHH DMR Vina** Mã số thuế: **0700809357**
Địa chỉ: **Đường D1, Khu E, KCN Hòa Mạc, xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, Việt Nam**
Mã khách hàng: DT10.062 Hình thức thanh toán: TM/CK Mã ĐH:
Điện thoại: Từ ngày: 01/08/2022 Đến ngày: 05/09/2022
Chỉ số đầu : Chỉ số cuối : Số hộ: 1

Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khối lượng(m3)	Đơn giá(đồng)	Thành tiền(đồng)
6.927	7.071			
		144	9.000	1.296.000
Tổng cộng:		**144**		**1.296.000**
Thuế suất GTGT(%) *(Vat rate)*: **5%**			Tiền thuế GTGT *(VAT A mount)*:	**64.800**
Phí bảo vệ môi trường với đối với nước thải sinh hoạt: **10%**				**0**
Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:				**1.360.800**

Số tiền bằng chữ: ***Một triệu ba trăm sáu mươi nghìn tám trăm đồng***

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH & MÔI TRƯỜNG DUY TIÊN
Ngày ký: 06/09/2022 09:40:32

Tra cứu hóa đơn tại website: https://tracuuhoadon.minvoice.vn/ Mã tra cứu: **4CC697FCB3CC4A4B**

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 05 tháng 10 năm 2022

Ký hiệu: **1C22TDT**
Số: 22622

Mã cơ quan thuế: 00F3ED01F683B34505B05339FFECACBF7A

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH & MÔI TRƯỜNG DUY TIÊN

Địa chỉ: **Thôn Lảnh Trì, Xã Mộc Nam, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam**
Mã số thuế: **0700252468** Số điện thoại:
Số tài khoản: **19135703562012** **Tại Techcombank - PGD Sài Đồng**
Tên khách hàng: **Công Ty TNHH DMR Vina** Mã số thuế: **0700809357**
Địa chỉ: **Đường D1, Khu E, KCN Hòa Mạc, xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, Việt Nam**
Mã khách hàng: DT10.062 Hình thức thanh toán: TM/CK Mã ĐH:
Điện thoại: Từ ngày: 05/09/2022 Đến ngày: 03/10/2022
Chỉ số đầu : Chỉ số cuối : Số hộ: 1

Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khối lượng(m3)	Đơn giá(đồng)	Thành tiền(đồng)
7.071	7.199			
		128	9.000	1.152.000
Tổng cộng:		**128**		**1.152.000**
Thuế suất GTGT(%) *(Vat rate)*: **5%**			Tiền thuế GTGT *(VAT A mount)*:	**57.600**
Phí bảo vệ môi trường với đối với nước thải sinh hoạt: **10%**				**0**
Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:				**1.209.600**

Số tiền bằng chữ: Một triệu hai trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH & MÔI TRƯỜNG DUY TIÊN
Ngày ký: 05/10/2022 09:01:39

Tra cứu hóa đơn tại website: https://tracuuhoadon.minvoice.vn/ Mã tra cứu: **DFC9BFCCA25E2F31**

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 03 tháng 11 năm 2022

Mã cơ quan thuế: 007A0FC537683643F5A810D639B73248FD

Ký hiệu: **1C22TDT**
Số: **27086**

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH & MÔI TRƯỜNG DUY TIÊN

Địa chỉ: **Thôn Lảnh Trì, Xã Mộc Nam, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam**
Mã số thuế: **0700252468** Số điện thoại:
Số tài khoản: **19135703562012** **Tại Techcombank - PGD Sài Đồng**
Tên khách hàng: **Công Ty TNHH DMR Vina** Mã số thuế: **0700809357**
Địa chỉ: **Đường D1, Khu E, KCN Hòa Mạc, xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, Việt Nam**
Mã khách hàng: DT10.062 Hình thức thanh toán: TM/CK Mã ĐH:
Điện thoại: Từ ngày: 03/10/2022 Đến ngày: 01/11/2022
Chỉ số đầu : Chỉ số cuối : Số hộ: 1

Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khối lượng(m3)	Đơn giá(đồng)	Thành tiền(đồng)
7.199	7.377			
		178	9.000	1.602.000
Tổng cộng:		**178**		**1.602.000**
Thuế suất GTGT(%) *(Vat rate)*: **5%**			Tiền thuế GTGT *(VAT A mount)*:	**80.100**
Phí bảo vệ môi trường với đối với nước thải sinh hoạt: **10%**				**0**
Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:				**1.682.100**

Số tiền bằng chữ: ***Một triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn một trăm đồng***

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH & MÔI TRƯỜNG DUY TIÊN
Ngày ký: 03/11/2022 16:34:33

Tra cứu hóa đơn tại website: https://tracuuhoadon.minvoice.vn/ Mã tra cứu: **5F63648629E38C18**

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông - VNPT Vinaphone, MST:0106869738, Điện thoại:18001260

HÒA PHÁT BẤT ĐỘNG SẢN

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 13 tháng 09 năm 2022

Ký hiệu: 1C22THM
Số: 00000180

Mã của cơ quan thuế: 00DF14686F7E8D4DAEBF5BFCB9A48DC52E

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ KHAI THÁC KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC**
Mã số thuế: **0700260130**
Địa chỉ: **Khu công nghiệp Hòa Mạc, Phường Hòa Mạc, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam**
Website: **http://www.hoaphat.com.vn/**
Số điện thoại: **024.6279 7201 Fax: 024.3976 3890**

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH DMR VINA
Mã số thuế: 0700809357
Địa chỉ: Đường D1, khu E, khu công nghiệp Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam
Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM,CK

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phí xử lý nước thải từ ngày 03/08/2022 đến ngày 05/09/2022	m3	115,2	10.000	1.152.000
		Tổng tiền hàng:			1.152.000
Thuế suất GTGT: 8%		Tổng tiền thuế GTGT:			92.160
		Tổng tiền thanh toán:			1.244.160

Số tiền viết bằng chữ: *Một triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm sáu mươi đồng.*

NGƯỜI MUA HÀNG	CƠ QUAN THUẾ	NGƯỜI BÁN HÀNG
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Ký, đóng dấu)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)*
	Signature Valid Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI CHÍNH,L=Hà Nội,C Ký ngày: 13/09/2022	Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ KHAI THÁC KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC Ký ngày: 13/09/2022

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn tại: *https://0700260130-tt78.vnpt-invoice.com.vn;* ***Mã tra cứu:*** *FC000000000000065675*

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông - VNPT Vinaphone, MST:0106869738, Điện thoại:18001260

HOA PHAT BẤT ĐỘNG SẢN

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 11 tháng 10 năm 2022

Ký hiệu: 1C22THM
Số: 00000219

Mã của cơ quan thuế: 001D491266E1954055B8796ACE1815CD10

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ KHAI THÁC KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC**
Mã số thuế: **0700260130**
Địa chỉ: **Khu công nghiệp Hòa Mạc, Phường Hòa Mạc, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam**
Website: **http://www.hoaphat.com.vn/**
Số điện thoại: **024.6279 7201 Fax: 024.3976 3890**

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH DMR VINA
Mã số thuế: 0700809357
Địa chỉ: Đường D1, khu E, khu công nghiệp Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam
Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM,CK

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phí xử lý nước thải từ ngày 06/09/2022- 03/10/2022	m3	102,4	10.000	1.024.000
				Tổng tiền hàng:	1.024.000
Thuế suất GTGT: 8%				Tổng tiền thuế GTGT:	81.920
				Tổng tiền thanh toán:	1.105.920

Số tiền viết bằng chữ: *Một triệu một trăm lẻ năm ngàn chín trăm hai mươi đồng.*

NGƯỜI MUA HÀNG	CƠ QUAN THUẾ	NGƯỜI BÁN HÀNG
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Ký, đóng dấu)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)*
	Signature Valid Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN Ký ngày: 11/10/2022	Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ KHAI THÁC KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC Ký ngày: 11/10/2022

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn tại: *https://0700260130-tt78.vnpt-invoice.com.vn;* ***Mã tra cứu:*** *FC00000000000066649*

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông - VNPT Vinaphone, MST:0106869738, Điện thoại:18001260

HÒA PHÁT BẤT ĐỘNG SẢN

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 08 tháng 11 năm 2022

Ký hiệu: 1C22THM
Số: 00000259

***Mã của cơ quan thuế:** 003F277849CA224CDFA588D599E45B1F91*

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ KHAI THÁC KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC**
Mã số thuế: **0700260130**
Địa chỉ: **Khu công nghiệp Hòa Mạc, Phường Hòa Mạc, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam**
Website: **http://www.hoaphat.com.vn/**
Số điện thoại: **024.6279 7201 Fax: 024.3976 3890**

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH DMR VINA
Mã số thuế: 0700809357
Địa chỉ: Đường D1, khu E, khu công nghiệp Hòa Mạc, Xã Trác Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam
Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM,CK

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phí xử lý nước thải từ ngày 04/10/2022- 01/11/2022	m3	142,4	10.000	1.424.000
				Tổng tiền hàng:	1.424.000
Thuế suất GTGT: 8%				Tổng tiền thuế GTGT:	113.920
				Tổng tiền thanh toán:	1.537.920

Số tiền viết bằng chữ: *Một triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm hai mươi đồng.*

NGƯỜI MUA HÀNG
(Ký, ghi rõ họ, tên)

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, đóng dấu)

Signature Valid
Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI CHÍNH,L=Hà Nội,C
Ký ngày: 08/11/2022

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ KHAI THÁC KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC
Ký ngày: 08/11/2022

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

***Tra cứu hóa đơn tại:** https://0700260130-tt78.vnpt-invoice.com.vn; **Mã tra cứu:** FC000000000000067554*

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

Số: 03287/2021/PKQ.21.1293

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- (d) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (e) TCVSLĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và thông số vệ sinh lao động;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- (*): Thông số đã được công nhận VILAS;
- (**) Thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ Vimcert 251.

Bắc Giang, ngày 10 tháng 06 năm 2021

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	KIỂM TRA	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Thị Hương	Lê Thị Khánh	Phan Thị Oanh

VIMCERTS

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC
Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07414/2021/PKQ.21.3022

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công Ty TNHH DMR Vina
Địa chỉ	Đường D1, khu E, KCN Hoà Mạc, xã Trác Văn, phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên , tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KLV.01: Tại vị trí khu vực đúc sản phẩm KLV.02: Tại vị trí khu vực nghiền trộn
Ngày quan trắc	24/08/2021
Ngày phân tích	25/08/2021 đến 10/09/2021
Ngày trả kết quả	10/09/2021

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KLV.01	KLV.02	
1	Nhiệt độ*	^{0}C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,3	29,7	16 ÷ 34[a]
2	Tốc độ gió*	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,6	<0,6	0,1 ÷ 1,5[a]
3	Tiếng ồn*	dBA	TCVN 7878-2:2018	71,5	76,2	85[b]
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	mg/m^3	TCVN 5067: 1995	0,205	0,224	8[c]
5	CO	mg/m^3	TN/K.06	5,33 (LOQ=15)	5,26 (LOQ=15)	40
6	Độ rung	m/s^2	TCVN 6963:2001	0,41	0,53	1,4[d]
7	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971: 1995	0,155	0,153	10
8	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137: 2009	0,147	0,142	10
9	H_2S	mg/m^3	MASA Method 701	0,026	0,027	15
10	Toluen	mg/m^3	Method 8260D	0,004	0,004	300
11	Xylen	mg/m^3	Method 8260D	0,002 (LOQ=0,003)	0,001 (LOQ=0,003)	300
12	Styren**	mg/m^3	NIOSH Method 1501	KPH	KPH	420[e]

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

Số: **07414/2021/PKQ.21.3022**

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- (d) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (e) TCVSLĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và thông số vệ sinh lao động;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- (*): Thông số đã được công nhận VILAS;
- (**): Thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ: Vimcert 251.

Bắc Giang, ngày 10 tháng 09 năm 2021

NGƯỜI LẬP	TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Trâm	Lê Thị Khánh	Phan Thị Oanh

VIMCERTS

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC
Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12777/2021/PKQ.21.4585

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công Ty TNHH DMR Vina
Địa chỉ	Đường D1, khu E, KCN Hoà Mạc, xã Trác Văn, phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên , tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KLV.01: Tại vị trí khu vực đúc sản phẩm KLV.02: Tại vị trí khu vực nghiền trộn
Ngày quan trắc	15/11/2021
Ngày phân tích	16/11/2021 đến 13/12/2021
Ngày trả kết quả	13/12/2021

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KLV.01	KLV.02	
1	Nhiệt độ*	^{0}C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,8	29,5	16 ÷ 34[a]
2	Tốc độ gió*	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,6	<0,6	0,1 ÷ 1,5[a]
3	Tiếng ồn*	dBA	TCVN 7878-2:2018	71,0	77,4	85[b]
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	mg/m^3	TCVN 5067: 1995	0,192	0,217	8[c]
5	CO	mg/m^3	TN/K.06	5,121 (LOQ=15)	5,181 (LOQ=15)	40
6	Độ rung	m/s^2	TCVN 6963:2001	0,45	0,60	1,4[d]
7	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971: 1995	0,129	0,141	10
8	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137: 2009	0,119	0,133	10
9	H_2S	mg/m^3	MASA Method 701	0,024	0,028	15
10	Toluen	mg/m^3	Method 8260D	0,002 (LOQ=0,003)	0,002 (LOQ=0,003)	300
11	Xylen	mg/m^3	Method 8260D	0,003 (LOQ=0,003)	0,003 (LOQ=0,003)	300
12	Styren**	mg/m^3	NIOSH Method 1501	KPH	KPH	420[e]

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thí nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

Số: **12777/2021/PKQ.21.4585**

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- (d) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (e) TCVSLĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và thông số vệ sinh lao động;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- (*): Thông số đã được công nhận VILAS;
- (**) Thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ vimcert 251.

Bắc Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2021

NGƯỜI LẬP	TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Bắc	Lê Thị Khánh	Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC
Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03512/2022/PKQ.22.1048

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công Ty TNHH DMR Vina
Địa chỉ	Đường D1, khu E, KCN Hoà Mạc, xã Trác Văn, phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên , tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KLV.01: Tại vị trí khu vực đúc sản phẩm KLV.02: Tại vị trí khu vực nghiền trộn
Ngày quan trắc	18/03/2022
Ngày phân tích	19/03/2022 đến 06/04/2022
Ngày trả kết quả	06/04/2022

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KLV.01	KLV.02	
1	Nhiệt độ(*)	^{0}C	QCVN 46:2012/BTNMT	28,5	28,3	16 ÷ 34[a]
2	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,6	<0,6	0,1 ÷ 1,5[a]
3	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,6	70,2	85[b]
4	Độ rung	m/s^2	TCVN 6963:2001	0,45	0,50	1,4[c]
5	CO	mg/m^3	TN/K.06	5,247	5,220	40
6	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137: 2009	0,138	0,134	10
7	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971: 1995	0,148	0,142	10
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	mg/m^3	TCVN 5067: 1995	0,235	0,246	8[d]
9	H_2S	mg/m^3	MASA Method 701	0,026	0,024	15
10	Toluen	mg/m^3	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	300
11	Xylen	mg/m^3	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	300
12	Styren(**)	mg/m^3	Anytical method 369	KPH	KPH	420[e]

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC
Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

Số: 03512/2022/PKQ.22.1048

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (d) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- (e) TCVSLĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và thông số vệ sinh lao động;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas;
- (**): Thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ Vimcert 251.

Bắc Giang, ngày 06 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP	P. TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH	CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Ngọc Trâm	Phạm Thị Thắm	Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC
Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07140/2022/PKQ.22.2367

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công Ty TNHH DMR Vina
Địa chỉ	Đường D1, khu E, KCN Hoà Mạc, xã Trác Văn, phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên , tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KLV.01: Tại vị trí khu vực đúc sản phẩm KLV.02: Tại vị trí khu vực nghiền trộn
Ngày quan trắc	31/05/2022
Ngày phân tích	31/05/2022 đến 14/06/2022
Ngày trả kết quả	14/06/2022

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KLV.01	KLV.02	
1	Nhiệt độ(*)	^{0}C	QCVN 46:2012/BTNMT	27,7	27,8	16 ÷ 34[a]
2	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,6	<0,6	0,1 ÷ 1,5[a]
3	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,2	66,0	85[b]
4	Độ rung	m/s^2	TCVN 6963:2001	0,50	0,50	1,4[c]
5	CO	mg/m^3	TN/K.06	5,256	5,241	40
6	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137: 2009	0,141	0,131	10
7	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971: 1995	0,148	0,140	10
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	mg/m^3	TCVN 5067: 1995	0,230	0,243	8[d]
9	H_2S	mg/m^3	MASA Method 701	0,024	0,022	15
10	Toluen	mg/m^3	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	300
11	Xylen	mg/m^3	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	300
12	Styren(**)	mg/m^3	NIOSH Method 1501	<0,045	<0,045	420[e]

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

Số: **07140/2022/PKQ.22.2367**

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (d) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- (e) TCVSLĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và thông số vệ sinh lao động;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas;
- (**): Thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ Vimcert 240.

Bắc Giang, ngày 14 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI LẬP	P.TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Hoàng Ngọc Huyền	Phạm Thị Thắm	Phan Thị Oanh

M.S.D.N: 2400813620 - C.T.C.P CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN FEC TỈNH BẮC GIANG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC
Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, dường Lương Văn Nắm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11386/2022/PKQ.22.4340

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công Ty TNHH DMR Vina
Địa chỉ	Đường D1, khu E, KCN Hoà Mạc, xã Trác Văn, phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên , tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KLV.01: Tại vị trí khu vực đúc sản phẩm. Toạ độ: X=20.646086, Y=105.995823 KLV.02: Tại vị trí khu vực nghiền trộn. Toạ độ: X=20.646097, Y=105.995839
Ngày quan trắc	31/08/2022
Ngày phân tích	31/08/2022 đến 08/09/2022
Ngày trả kết quả	08/09/2022

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KLV.01	KLV.02	
1	Nhiệt độ(*)	^{0}C	QCVN 46:2012/BTNMT	27,4	27,6	16 ÷ 34[a]
2	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,6	<0,6	0,1 ÷ 1,5[a]
3	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,3	65,6	85[b]
4	Độ rung	m/s^2	TCVN 6963:2001	0,40	0,45	1,4[c]
5	CO	mg/m^3	TN/K.06	5,281	5,240	40
6	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137: 2009	0,137	0,142	10
7	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971: 1995	0,144	0,150	10
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	mg/m^3	TCVN 5067: 1995	0,226	0,238	8[d]
9	H_2S	mg/m^3	MASA Method 701	0,025	0,023	15
10	Toluen	mg/m^3	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	300
11	Xylen	mg/m^3	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	300
12	Styren(**)	mg/m^3	NIOSH Method 1501	KPH	KPH	420[e]

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

KHÁC BIỆT TẠO RIÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Nắm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

Số: **11386/2022/PKQ.22.4340**

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (d) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- (e) TCVSLĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và thông số vệ sinh lao động;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas;
- (**): Thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ Vimcert 251.

Bắc Giang, ngày 08 tháng 09 năm 2022

NGƯỜI LẬP	TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Trâm	Lê Thị Khánh	Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC
Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07415/2021/PKQ.21.3022

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công Ty TNHH DMR Vina
Địa chỉ	Đường D1, khu E, KCN Hoà Mạc, xã Trác Văn, phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên , tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
Vị trí quan trắc	NTSH.01: Nước thải sinh hoạt của nhà máy tại hố ga sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Hòa Mạc
Ngày quan trắc	24/08/2021
Ngày phân tích	25/08/2021 đến 10/09/2021
Ngày trả kết quả	10/09/2021

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NTSH.01	
1	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,1	5 ÷ 9
2	TDS	mg/L	SOP/HT/N.05	455	1.000
3	Lưu lượng	m^3/24h	ISO 748:2007	2,0	-
4	BOD_5*	mg/L	SMEWW 5210B:2017	28	50
5	COD*	mg/L	SMEWW 5220C:2017	67	-
6	TSS*	mg/L	TCVN 6625:2000	83	100
7	Amoni (NH_4^+)* (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	7,0	10
8	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638: 2000	15,8	-
9	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202: 2008	2,06	-
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,7 (LOQ=0,9)	-
11	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	4.300	5.000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận VILAS.

Bắc Giang, ngày 10 tháng 09 năm 2021

NGƯỜI LẬP	TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Trâm	Lê Thị Khánh	Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC
Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12778/2021/PKQ.21.4585

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công Ty TNHH DMR Vina
Địa chỉ	Đường D1, khu E, KCN Hoà Mạc, xã Trác Văn, phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên , tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
Vị trí quan trắc	NTSH.01: Nước thải sinh hoạt của nhà máy tại hố ga sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Hòa Mạc.
Ngày quan trắc	15/11/2021
Ngày phân tích	16/11/2021 đến 13/12/2021
Ngày trả kết quả	13/12/2021

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NTSH.01	
1	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,50	5 ÷ 9
2	TDS	mg/L	SOP/HT/N.05	460	1.000
3	Lưu lượng	m^3/24h	ISO 748:2007	3,5	-
4	BOD_5*	mg/L	SMEWW 5210B:2017	27	50
5	COD*	mg/L	SMEWW 5220C:2017	60,8	-
6	TSS*	mg/L	TCVN 6625:2000	75	100
7	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)*	mg/L	TCVN 5988:1995	6,7	10
8	Coliform	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	3.600	5.000
9	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638: 2000	15,4	-
10	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202: 2008	2,30	-
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,7 (LOQ=0,9)	-

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- (-): Không quy định; - (*): Thông số đã được công nhận VILAS.

Bắc Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2021

NGƯỜI LẬP	TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Bắc	Lê Thị Khánh	Phạm Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC
Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03513/2022/PKQ.22.1048

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công Ty TNHH DMR Vina
Địa chỉ	Đường D1, khu E, KCN Hoà Mạc, xã Trác Văn, phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên , tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
Vị trí quan trắc	NTSH.01: Nước thải sinh hoạt của nhà máy tại hố ga sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Hòa Mạc
Ngày quan trắc	18/03/2022
Ngày phân tích	19/03/2022 đến 06/04/2022
Ngày trả kết quả	06/04/2022

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NTSH.01	
1	pH(*)	-	TCVN 6492:2011	6,7	5 ÷ 9
2	TDS	mg/L	SOP/HT/N.05	485	1.000
3	TSS(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	36	100
4	COD(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	63,5	-
5	BOD_5(*)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	28,5	50
6	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)(*)	mg/L	TCVN 5988:1995	5,5	10
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202: 2008	2,13	-
8	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638: 2000	9,2	-
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,2	-
10	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	4.600	5.000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas..

Bắc Giang, ngày 06 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP	P. TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH	CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Ngọc Trâm	Phạm Thị Thắm	Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC
Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07141/2022/PKQ.22.2367

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công Ty TNHH DMR Vina
Địa chỉ	Đường D1, khu E, KCN Hoà Mạc, xã Trác Văn, phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên , tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
Vị trí quan trắc	NTSH.01: Nước thải sinh hoạt của nhà máy tại hố ga sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Hòa Mạc
Ngày quan trắc	31/05/2022
Ngày phân tích	31/05/2022 đến 14/06/2022
Ngày trả kết quả	14/06/2022

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NTSH.01	
1	pH(*)	-	TCVN 6492:2011	6,74	5 ÷ 9
2	TDS	mg/L	SOP/HT/N.05	385	1.000
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	12 (LOQ=15)	100
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	27,4	-
5	BOD_5(*)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	18,5	50
6	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	0,6 (LOQ=0,6)	10
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202: 2008	0,260	-
8	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638: 2000	5,3 (LOQ=9)	-
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,1	-
10	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	4.300	5.000

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

Số: 07141/2022/PKQ.22.2367

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Bắc Giang, ngày 14 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI LẬP	P.TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Hoàng Ngọc Huyền	Phạm Thị Thắm	Phan Thị Oanh

VIMCERTS

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC
Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Nắm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: moitruong@fec.com.vn
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11387/2022/PKQ.22.4340

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công Ty TNHH DMR Vina
Địa chỉ	Đường D1, khu E, KCN Hoà Mạc, xã Trác Văn, phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên , tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
Vị trí quan trắc	NTSH.01: Nước thải sinh hoạt của nhà máy tại hố ga sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Hòa Mạc. Toạ độ: X=20.645858, Y=105.995504
Ngày quan trắc	31/08/2022
Ngày phân tích	31/08/2022 đến 08/09/2022
Ngày trả kết quả	08/09/2022

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NTSH.01	
1	pH(*)	-	TCVN 6492:2011	6,8	5 ÷ 9
2	TDS	mg/L	SOP/HT/N.05	350	1.000
3	TSS(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	33	100
4	COD(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	41,2	-
5	BOD_5(*)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	18,5	50
6	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)(*)	mg/L	TCVN 5988:1995	1,8	10
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202: 2008	0,358	-
8	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638: 2000	<9,0	-
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,2	-
10	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	4.600	5.000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định; - (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Bắc Giang, ngày 08 tháng 09 năm 2022

NGƯỜI LẬP	TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Trâm	Lê Thị Khánh	Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00502/2021/PKQ.21.339

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công Ty TNHH DMR Vina
Địa chỉ	Đường D1, khu E, KCN Hoà Mạc, xã Trác Văn, phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KLV.01: Tại vị trí khu vực đúc sản phẩm KLV.02: Tại vị trí khu vực nghiền trộn
Ngày quan trắc	16/03/2021
Ngày phân tích	17/03/2021 đến 30/03/2021
Ngày trả kết quả	30/03/2021

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KLV.01	KLV.02	
1	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	72,1	73,1	40 ÷ 80[a]
2	Nhiệt độ	^{0}C	QCVN 46:2012/BTNMT	24,6	23,4	16 ÷ 34[a]
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,6	<0,6	0,1 ÷ 1,5[a]
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	72,7	75,8	85[b]
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m^3	TCVN 5067: 1995	0,374	0,438	8[a]
6	CO	mg/m^3	TN/K.06	5,29 (LOQ=15)	5,535 (LOQ=15)	40
7	Độ rung	m/s^2	TCVN 6963:2001	0,43	0,56	1,4[d]
8	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971: 1995	0,188	0,198	10
9	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137: 2009	0,157	0,164	10
10	H_2S	mg/m^3	MASA Method 701	0,016	0,020	15
11	Toluen	mg/m^3	Method 8260D	0,004	0,004	300
12	Xylen	mg/m^3	Method 8260D	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	300

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Số: **00502/2021/PKQ.21.339**

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- (d) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử.

Bắc Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	KIỂM TRA	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Việt Nga	Lê Thị Khánh	Phan Thị Oanh

VIMCERTS

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: **01080/2021/PKQ.21.940**

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công Ty TNHH DMR Vina
Địa chỉ	Đường D1, khu E, KCN Hoà Mạc, xã Trác Văn, phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên , tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KLV.01: Tại vị trí khu vực đúc sản phẩm KLV.02: Tại vị trí khu vực nghiền trộn
Ngày quan trắc	16/03/2021
Ngày phân tích	17/03/2021 đến 10/04/2021
Ngày trả kết quả	10/04/2021

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KLV.01	KLV.02	
1	Styren**	mg/m^3	NIOSH Method 1501	KPH	KPH	-

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- KPH: Không phát hiện;
- (-): Không quy định;
- (**) Thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ Vimcert 251.

Bắc Giang, ngày 10 tháng 04 năm 2021

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	KIỂM TRA	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Việt Nga	Lê Thị Khánh	Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

NGUYEN GIA
VIMCERTS_251

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47-LK5, Khu D KĐT mới Lê Trọng Tấn, P.Dương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
https://nguyengiaentech.com/ *Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com*
Hotline: 0338572255 - 0338172255

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.FEC.BG/20210331/TN7-925

I. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP – Information supplied by the client

Khách hàng - Client :	**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC**
Địa chỉ - Address :	Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	**Mẫu do khách hàng gửi đến** Công Ty TNHH DMR Vina – Đường D1, khu E, KCN Hoà Mạc, xã Trác Văn, phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên , tỉnh Hà Nam
Loại mẫu/Kí hiệu mẫu: Type/Sign of Sample:	Không khí môi trường lao động – Work place air KLV.01: Tại vị trí khu vực đúc sản phẩm KLV.02: Tại Tại vị trí khu vực nghiền trộn
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	20/03/2021

II.KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 20/03/2021

Ngày trả kết quả - Results day: 31/03/2021

TT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Kết quả Result		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL) Standard
				KLV.01	KLV.02	
1	Styren	NIOSH Method 1501	mg/m^3	KPH	KPH	-

Ghi chú – Remark:
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hoá học tại nơi làm việc;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến;
- Quá thời hạn lưu mẫu PQT&PTMT không giải quyết việc khiếu nại

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Trưởng phòng thí nghiệm Supervised by	Cán bộ chất lượng QA/QC	Giám đốc Director
Vũ Thị Thanh Nga	Phạm Thị Vi	GIÁM ĐỐC Nguyễn Ngọc Hưng

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA – M.S.D.N: 0106099563 – Q. NAM TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC
Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03287/2021/PKQ.21.1293

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công Ty TNHH DMR Vina
Địa chỉ	Đường D1, khu E, KCN Hoà Mạc, xã Trác Văn, phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên , tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KLV.01: Tại vị trí khu vực đúc sản phẩm KLV.02: Tại vị trí khu vực nghiền trộn
Ngày quan trắc	26/05/2021
Ngày phân tích	26/05/2021 đến 10/06/2021
Ngày trả kết quả	10/06/2021

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KLV.01	KLV.02	
1	Nhiệt độ*	^{0}C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,8	30,1	16 ÷ 34[a]
2	Tốc độ gió*	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,6	<0,6	0,1 ÷ 1,5[a]
3	Tiếng ồn*	dBA	TCVN 7878-2:2018	70,2	75,4	85[b]
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	mg/m^3	TCVN 5067: 1995	0,348	0,363	8[c]
5	CO	mg/m^3	TN/K.06	5,095 (LOQ=15)	5,21 (LOQ=15)	40
6	Độ rung	m/s^2	TCVN 6963:2001	0,40	0,51	1,4[d]
7	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971: 1995	0,127	0,131	10
8	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137: 2009	0,115	0,119	10
9	H_2S	mg/m^3	MASA Method 701	0,017	0,018	15
10	Toluen	mg/m^3	Method 8260D	0,005	0,005	300
11	Xylen	mg/m^3	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	300
12	Styren**	mg/m^3	NIOSH Method 1501	KPH	KPH	420[e]

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)
Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường (VILAS 772 – VIMCERTS 121)
Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTSL2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn

Số: 04372/2022/PKQ (NT2209.0084)

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị quan trắc : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Đơn vị được quan trắc : Công ty TNHH Quản lý khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc

Địa chỉ : KCN Hòa Mạc, Phường Hòa Mạc, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Địa điểm quan trắc : KCN Hòa Mạc, Phường Hòa Mạc, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Loại mẫu : Nước thải

Tên mẫu/vị trí quan trắc : **172...NT001/Nước thải tại hố gom trước khi vào HTXL**

- Ngày nhận mẫu: **19/09/2022**
- Tọa độ quan trắc: **X = 2284882**
Y = 0603530

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
					Cột A	Cột B
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	29,6	40	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,31	6 ÷ 9	5,5 ÷ 9
3	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185C:2015	81	50	150
4	BOD_5 (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	**52,7**	30	50
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	96,3	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	TCVN 6225:2000	9,7	50	100
7	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	**13,8**	5	10
8	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	**49,5**	20	40
9	Tổng Phốt pho	mg/L	TCVN 6202:2008	2,71	4	6
10	Sunfua (S^{2-})	mg/L	TCVN 6637:2000	0,06	0,2	0,5
11	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	75,72	500	1.000
12	Florua (F^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,61	5	10
13	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	TCVN 6658:2000 + SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,012)	0,2	1
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0003)	0,005	0,01
15	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	TCVN 6658:2000	KPH (LOD=0,015)	0,05	0,1
16	Chì (Pb)	mg/L	TCVN 6665: 2011	KPH (LOD=0,002)	0,1	0,5
17	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (LOD=0,0005)	0,05	0,1
18	Cadimi (Cd)	mg/L	TCVN 6665: 2011	KPH (LOD=0,002)	0,05	0,1

1. *Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);*
2. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;*
3. *Thời gian lưu mẫu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, phòng ER&D không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
4. *Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.*

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)
Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường (VILAS 772 – VIMCERTS 121)
Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTSL2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn

19	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,04	2	2
20	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,05	3	3
21	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,34	0,5	1
22	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,01)	0,2	0,5
23	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,04	1	5
24	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	SMEWW 4500-CN^- C&E:2017	KPH (LOD=0,003)	0,07	0,1
25	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,48	5	10
26	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,001)	0,1	0,5
27	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,2)	1	2
28	Coliform	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	4.900	3.000	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2022

NGƯỜI LẬP PHIẾU | **TRƯỞNG PHÒNG** | **GIÁM ĐỐC**

Trần Thị Phương Hòa | Nguyễn Thị Thanh Thúy | Bùi Ngọc Khoa

1. *Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);*
2. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;*
3. *Thời gian lưu mẫu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, phòng ER&D không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
4. *Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.*

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)
Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường (VILAS 772 – VIMCERTS 121)
Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTSL2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn

Số: 04373/2022/PKQ (NT2209.0085)

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị quan trắc : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Đơn vị được quan trắc : Công ty TNHH Quản lý khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc

Địa chỉ : KCN Hòa Mạc, Phường Hòa Mạc, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Địa điểm quan trắc : KCN Hòa Mạc, Phường Hòa Mạc, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Loại mẫu : Nước thải - Ngày nhận mẫu: 19/09/2022

Tên mẫu/vị trí quan trắc : **172...NT002/Nước thải tại cống xả nước thải sau hệ thống xử lý ra hồ điều hòa** - Tọa độ quan trắc: **X = 2284880**

Y = 0604371

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
					Cột A	Cột B
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	29,9	40	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,97	6 ÷ 9	5,5 ÷ 9
3	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185C:2015	20	50	150
4	BOD_5 (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	3,3	30	50
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	8,9	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	TCVN 6225:2000	KPH (LOD=4)	50	100
7	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	3,6	5	10
8	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	19,2	20	40
9	Tổng Phốt pho	mg/L	TCVN 6202:2008	1,58	4	6
10	Sunfua (S^{2-})	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (LOD=0,05)	0,2	0,5
11	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	36,74	500	1.000
12	Florua (F^-).	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,32	5	10
13	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	TCVN 6658:2000 + SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,012)	0,2	1
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0003)	0,005	0,01
15	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	TCVN 6658:2000	KPH (LOD=0,015)	0,05	0,1
16	Chì (Pb)	mg/L	TCVN 6665: 2011	KPH (LOD=0,002)	0,1	0,5
17	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (LOD=0,0005)	0,05	0,1
18	Cadimi (Cd)	mg/L	TCVN 6665: 2011	KPH (LOD=0,002)	0,05	0,1

1. *Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);*
2. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;*
3. *Thời gian lưu mẫu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, phòng ER&D không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
4. *Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.*

19	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,19	2	2
20	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,03	3	3
21	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,02	0,5	1
22	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,01)	0,2	0,5
23	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,03	1	5
24	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	SMEWW 4500-CN^- C&E:2017	KPH (LOD=0,003)	0,07	0,1
25	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,34	5	10
26	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,001)	0,1	0,5
27	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,36	1	2
28	Coliform	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	23	3.000	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2022

NGƯỜI LẬP PHIẾU	TRƯỞNG PHÒNG	GIÁM ĐỐC
Trần Thị Phương Hoa	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Bùi Công Khoa

PHÒNG THỬ NGHIỆM NC & PT KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ★ ER&D ★ ENVIRONMENTAL ENGINEERING R&D LAB.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

1. *Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);*
2. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;*
3. *Thời gian lưu mẫu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, phòng ER&D không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
4. *Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.*

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)
Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường (VILAS 772 – VIMCERTS 121)
Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTSL2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn

Số: 04374/2022/PKQ (NT2209.0086)

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị quan trắc : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Đơn vị được quan trắc : Công ty TNHH Quản lý khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc

Địa chỉ : KCN Hòa Mạc, Phường Hòa Mạc, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Địa điểm quan trắc : KCN Hòa Mạc, Phường Hòa Mạc, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Loại mẫu : Nước thải - Ngày nhận mẫu: 19/09/2022

Tên mẫu/vị trí quan trắc : **172...NT003/Điểm xả nước thải của KCN ra sông Cầu Giát** - Tọa độ quan trắc: X = 2284873

Y = 0604356

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
					Cột A	Cột B
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	29,4	40	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,28	6 ÷ 9	5,5 ÷ 9
3	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185C:2015	26	50	150
4	BOD_5 (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	17,6	30	50
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	39	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	TCVN 6225:2000	12	50	100
7	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,76	5	10
8	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	13,8	20	40
9	Tổng Phốt pho	mg/L	TCVN 6202:2008	1,44	4	6
10	Sunfua (S^{2-})	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (LOD=0,05)	0,2	0,5
11	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	43,92	500	1.000
12	Florua (F^-).	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,33	5	10
13	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	TCVN 6658:2000 + SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,012)	0,2	1
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0003)	0,005	0,01
15	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	TCVN 6658:2000	KPH (LOD=0,015)	0,05	0,1
16	Chì (Pb)	mg/L	TCVN 6665: 2011	KPH (LOD=0,002)	0,1	0,5
17	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (LOD=0,0005)	0,05	0,1
18	Cadimi (Cd)	mg/L	TCVN 6665: 2011	KPH (LOD=0,002)	0,05	0,1

1. *Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D):*
2. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;*
3. *Thời gian lưu mẫu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, phòng ER&D không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
4. *Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.*

19	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,02	2	2
20	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,04	3	3
21	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,01)	0,5	1
22	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,01)	0,2	0,5
23	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,02)	1	5
24	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	SMEWW 4500-CN^- C&E:2017	KPH (LOD=0,003)	0,07	0,1
25	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)	5	10
26	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,001)	0,1	0,5
27	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,34	1	2
28	Coliform	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	130	3.000	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2022

NGƯỜI LẬP PHIẾU	TRƯỞNG PHÒNG	GIÁM ĐỐC
Trần Thị Phương Hoa	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Bùi Ngọc Khôi

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, phòng ER&D không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC
Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00503/2021/PKQ.21.339

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công Ty TNHH DMR Vina
Địa chỉ	Đường D1, khu E, KCN Hoà Mạc, xã Trác Văn, phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
Vị trí quan trắc	NTSH.01: Nước thải sinh hoạt của nhà máy tại hố ga sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Hòa Mạc
Ngày quan trắc	16/03/2021
Ngày phân tích	17/03/2021 đến 30/03/2021
Ngày trả kết quả	30/03/2021

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	TC KCN Hoà Mạc
				NTSH.01	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5,65	5,5 ÷ 9
2	TDS	mg/L	SOP/HT/N.05	575	-
3	Lưu lượng	m^3/24h	ISO 748:2007	1,5	-
4	BOD_5	mg/L	SMEWW 5210B:2017	33,0	50
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	71,0	150
6	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	87,0	100
7	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	**7,10**	5
8	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	**7.200**	3.000
9	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638: 2000	18,1	20
10	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202: 2008	3,65	4
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	2,5	5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Số: 00503/2021/PKQ.21.339

Ghi chú:

- TC KCN Hoà Mạc: Quy định về thông số và nồng độ cho phép các chất trong thành phần nước thải sinh hoạt của các doanh nghiệp trong KCN Hoà Mạc;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	KIỂM TRA	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Việt Nga	Lê Thị Khánh	Phan Thị Oanh

VIMCERTS

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC
Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03288/2021/PKQ.21.1293

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công Ty TNHH DMR Vina
Địa chỉ	Đường D1, khu E, KCN Hoà Mạc, xã Trác Văn, phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên , tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
Vị trí quan trắc	NTSH.01: Nước thải sinh hoạt của nhà máy tại hố ga sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Hòa Mạc
Ngày quan trắc	26/05/2021
Ngày phân tích	26/05/2021 đến 10/06/2021
Ngày trả kết quả	10/06/2021

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NTSH.01	
1	pH*	-	TCVN 6492:2011	5,70	5 ÷ 9
2	TDS	mg/L	SOP/HT/N.05	450	1.000
3	Lưu lượng	m^3/24h	ISO 748:2007	2,3	-
4	BOD_5*	mg/L	SMEWW 5210B:2017	57	50
5	COD*	mg/L	SMEWW 5220C:2017	107,8	-
6	TSS*	mg/L	TCVN 6625:2000	89	100
7	Amoni (NH_4^+)* (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	**25,9**	10
8	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	**7.400**	5.000
9	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638: 2000	33,5	-
10	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202: 2008	2,31	-
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,7 (LOQ=0,9)	-

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận VILAS.

Bắc Giang, ngày 10 tháng 06 năm 2021

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	KIỂM TRA	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Thị Hương	Lê Thị Khánh	Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

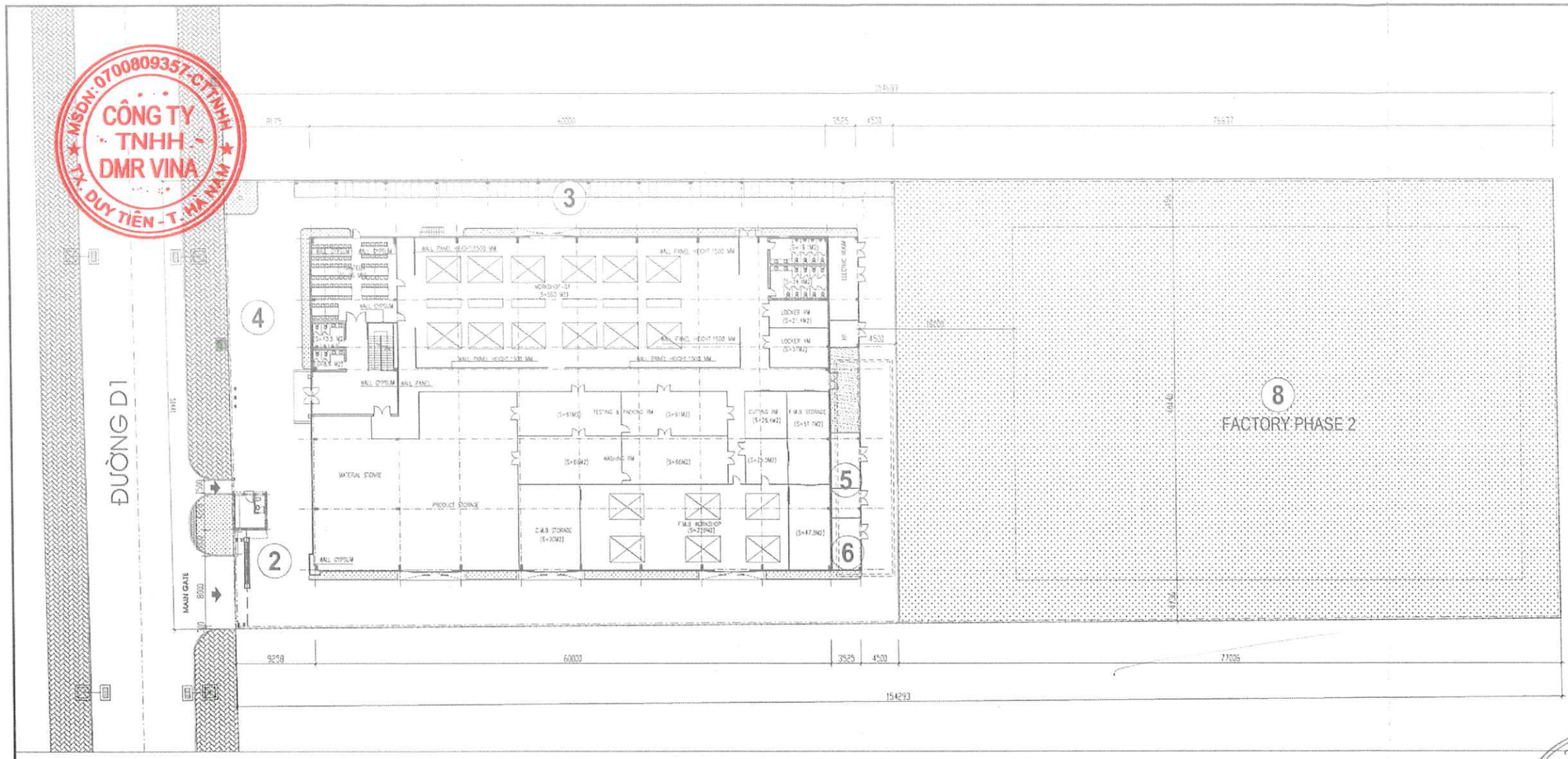

MẶT BẰNG TỔNG THỂ
MASTER PLAN

STT NO	HẠNG MỤC ITEM	CHỈ SỐ INDEX
1	DIỆN TÍCH KHU ĐẤT /LAND AREA	10,000
2	TỔNG DT XÂY DỰNG / TOTAL CONSTRUCTION AREA	2,662.0
3	TỔNG DT SÀN / TOTAL FLOOR AREA	2,951.6
4	MẬT ĐỘ XD / CONSTRUCTION RATIO	27%
5	HỆ SỐ SD ĐẤT/ LAND USE RATIO	0.30

STT NO	HẠNG MỤC ITEM	TẦNG FLOOR	DT XÂY DỰNG CONSTRUCTION AREA (ROOF AREA :M2)	DT SÀN FLOOR AREA (M2)
01	NHÀ XƯỞNG /WORKSHOP	2 FL	2,396.0	2,735.0
	TẦNG 1: CỐT +0.00 / LEVEL + 0.00			2,327.0
	TẦNG 2: CỐT + 4,500 / LEVEL + 4,500			408.0
02	NHÀ BẢO VỆ / GUARD HOUSE	1 FL	21.0	16.8
03	NHÀ XE / BIKE PARKING	1 FL	190.0	144.8
04	BÃI XE OTO / CAR PARKING			
05	KHO RÁC /WASTE STORE	1 FL	36.0	36.0
06	NHÀ BƠM / PUMP RM	1 FL	19.0	19.0
07	PHỤ TRỢ(P.ĐIỆN...)/UTILITY (ELECTRIC RM,...)	1 FL	45.0	45.0
TỔNG CỘNG / TOTAL (M2)			2,662.0	2,951.6

FG

+ ĐÁNH BÓNG HOÀN THIỆN BỀ MẶT
POLISHING SURFACE
+ BÊ TÔNG MÁC 300# DÀY 200, LƯỚI THÉP D6@200
KHE CO GIÃN KHOẢNG CÁCH (5M X 5M)
CONCRETE ROAD GRADE 300 #,200THK,RE-BAR D6@200
EXPANSION JOINT DISTANCE (5M X 5M)
+ ĐÁ BASE DÀY 200 ĐẦM CHẶT K98
SUBBASE , THK 200 MM, K>=98
+ CÁT SAN NỀN ĐẦM CHẶT K98
SAND COMPACTED K>=98

CÔNG TY TNHH AS C&T
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày ... tháng ... năm 20 ...

Người lập	Đơn vị thi công	Đơn vị tư vấn giám sát
+ TRỒNG CỎ/ GRASS		
+ LỚP ĐẤT MÀU/ PLANTATION SOIL		

GIÁM ĐỐC
KIM JOON CHUL

MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1

GIÁM ĐỐC
KIM JUNHO

NOTE: GHI CHÚ

CLIENT/ CHỦ ĐẦU TƯ:
DMR
CÔNG TY TNHH DMR VIỆT NAM
DMR VINA CO., LTD
ĐỊA ĐƯỜNG D1, KHU E, KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

PROJECT/ DỰ ÁN
NHÀ MÁY SẢN XUẤT DMR VINA

LOCATION: ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
ADD: ROAD D1, PARK E, HOA MAC INDUSTRIAL PARK, DUY TIEN DISTRICT, HA NAM PROVINCE
TEL: FAX:
ĐƯỜNG D1, KHU E, KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

ITEM: GENERAL
HẠNG MỤC: TỔNG THỂ

GENERAL CONTRACTOR:
AS C&T
AS C&T CO., LTD
KINH BAC WARD, BAC NINH CITY, VIET NAM
FAX:

PREPARED BY:
NGƯỜI LẬP:

STATUS: AS BUILT
HỒ SƠ: HOÀN CÔNG

DRAWING NAME: MASTER PLAN
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG TỔNG THỂ

STATUS/ GIAI ĐOẠN	TỶ LỆ - SCALE	NGÀY - DATE
AS BUILT DRAWINGS / BẢN VẼ HOÀN CÔNG		01/2019

DATE
SCALE: NONE
DRAWING NO/ SỐ BẢN VẼ: A00.02

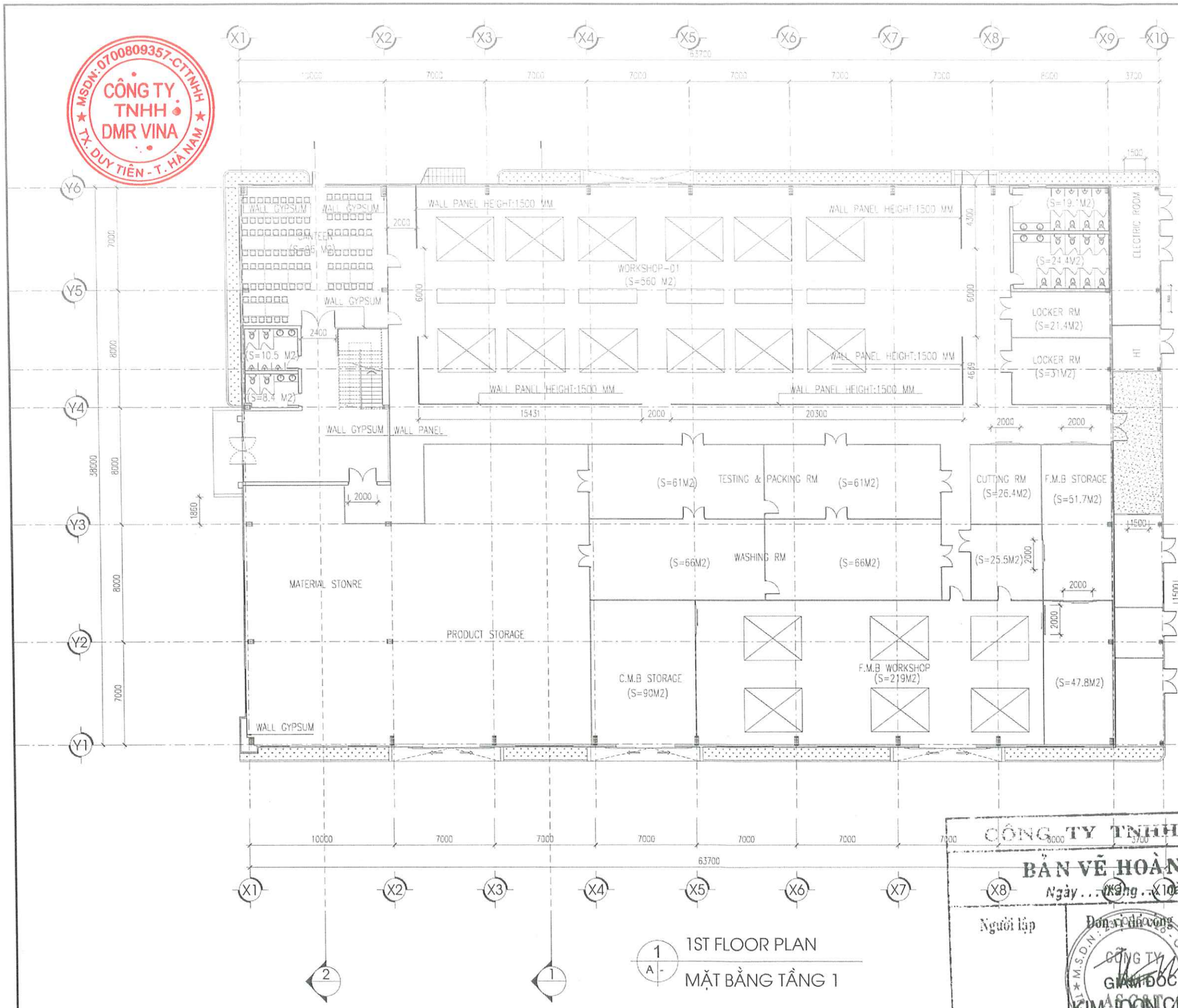

1 / A- 1ST FLOOR PLAN

MẶT BẰNG TẦNG 1

CÔNG TY TNHH AS C&T

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ... tháng ... năm 20 ...

Người lập	Đơn vị thi công	Đơn vị tư vấn giám sát
	GIÁM ĐỐC KIM JOON CHUL	GIÁM ĐỐC KIM JUNHO

NOTE/GHI CHÚ

CLIENT/ CHỦ ĐẦU TƯ

DMR

CÔNG TY TNHH DMR VIỆT NAM

DMR VINA CO., LTD

ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG D1, KHU E, K-TỤ CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC, HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

PROJECT/ DỰ ÁN:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT DMR VINA

LOCATION/ ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

100 ROAD D1, PARK E, HOA MAC INDUSTRIAL PARK, DUY TIEN DISTRICT, HA NAM PROVINCE

TEL: FAX:

ĐƯỜNG D1, KHU E, CỤM CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

ITEM:

FACTORY+ UTILITY

HẠNG MỤC:

NHÀ MÁY + PHỤ TRỢ

GENERAL CONTRACTOR:

AS C&T

AS C&T CO., LTD

ADD: FLOOR 1-4,5, AS BUILDING TOWER, 189 TA QUANG BUU STR, KINH BAC WARD, BAC NINH CITY, VIET NAM

TEL: FAX:

REPRESENTATIVE/ ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

PREPARED BY/ NGƯỜI LẬP:

STATUS:

AS BUILT

HỒ SƠ

HOÀN CÔNG

DRAWING NAME:

1ST FLOOR PLAN

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TẦNG 1

STATUS-GIAI ĐOẠN	TỶ LỆ - SCALE	NGÀY - DATE
AS BUILT DRAWINGS BẢN VẼ HOÀN CÔNG		01/2019

DATE:

SCALE: NONE

DRAWING NO-SỐ BẢN VẼ

A01-01

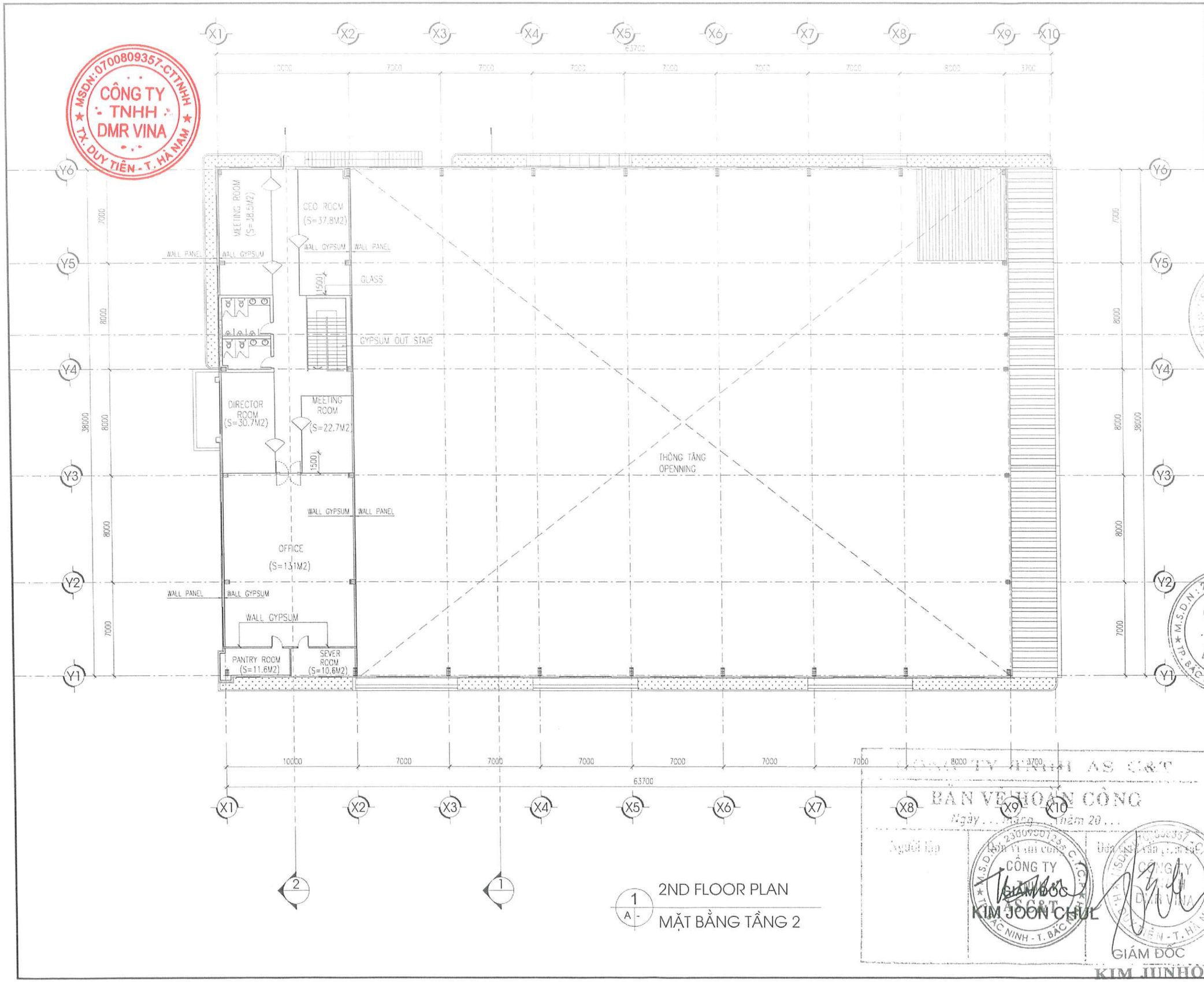

1 / A - 2ND FLOOR PLAN

MẶT BẰNG TẦNG 2

CÔNG TY TNHH DMR VINA — MSDN: 0700809357-CTTNHH — TX. DUY TIÊN - T. HÀ NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ... tháng ... năm 20...

Người lập | Đơn vị thi công | Đơn vị tư vấn giám sát

GIÁM ĐỐC
KIM JOON CHUL

GIÁM ĐỐC
KIM JUNHO

NOTE/ GHI CHÚ:

CLIENT/ CHỦ ĐẦU TƯ:
DMR
CÔNG TY TNHH DMR VIỆT NAM
DMR VINA CO., LTD
ĐC: ĐƯỜNG D1, KHU E, KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC, HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

PROJECT/ DỰ ÁN:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT DMR VINA

LOCATION/ ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
ADD: ROAD D1, E ZONE, HOA MAC INDUSTRIAL PARK, DUY TIEN DISTRICT, HA NAM PROVINCE
TEL: FAX:
ĐƯỜNG D1, KHU E, KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC, HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

ITEM:
FACTORY+ UTILITY

HẠNG MỤC:
NHÀ MÁY + PHỤ TRỢ

GENERAL CONTRACTOR:
AS C&T
AS C&T CO., LTD
ADD: FLOOR 6&8, AS BUILDING, BLOCK 189, TA QUANG BUU STR, BAC MAC WARD, BAC NINH CITY, VIET NAM
TEL: FAX:
REPRESENTATIVE/ ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU:

PREPARED BY:
NGƯỜI LẬP:

STATUS:
AS BUILT

HỒ SƠ:
HOÀN CÔNG

DRAWING NAME:
2ND FLOOR PLAN

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG TẦNG 2

STATUS-GIAI DOAN	TỶ LỆ - SCALE	NGÀY - DATE
AS BUILT DRAWINGS BẢN VẼ HOÀN CÔNG		01/2019
DATE:	DRAWING NO-SỐ BẢN VẼ:	
SCALE: NONE	A01-02	

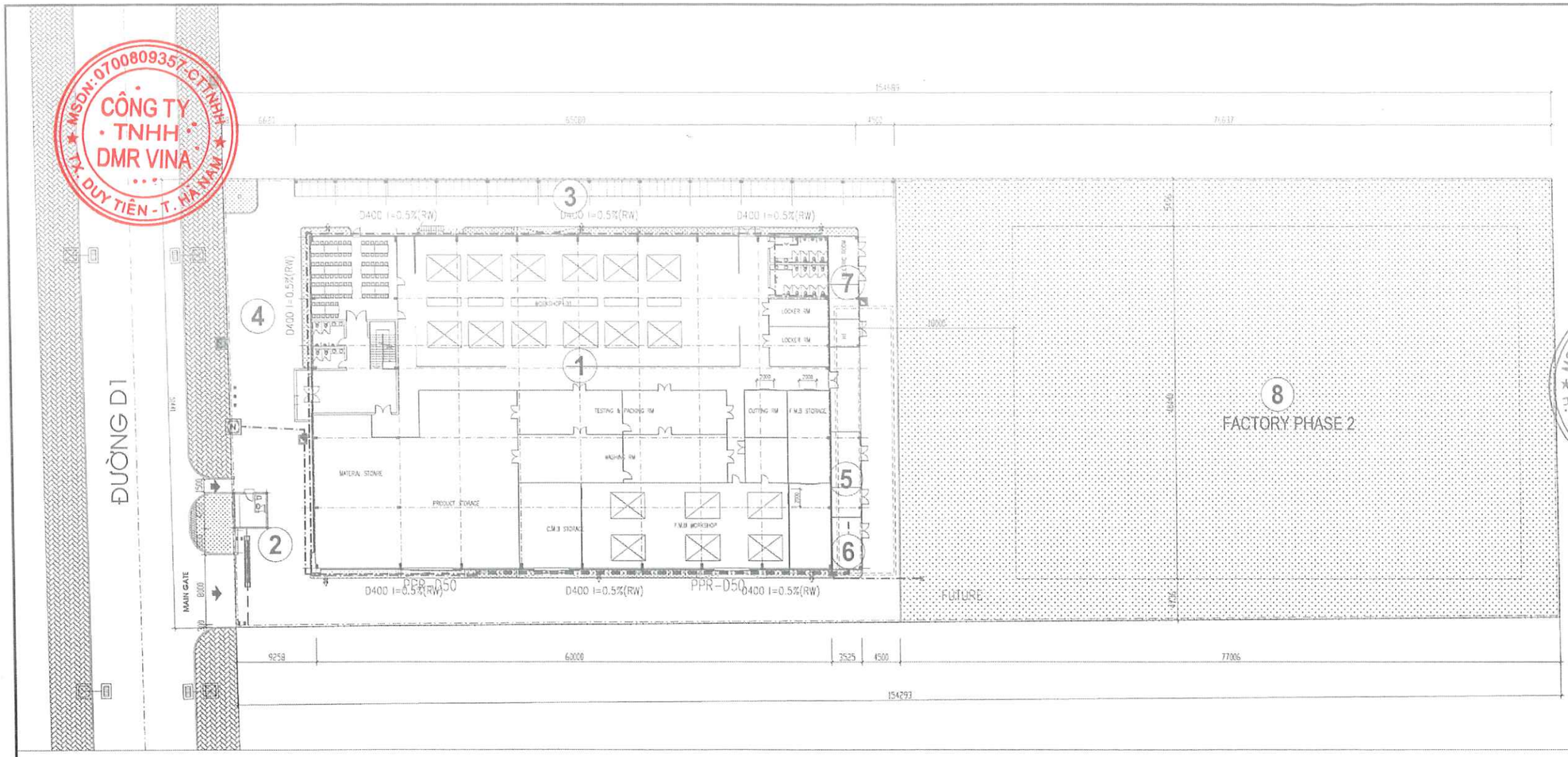

STT NO	HẠNG MỤC ITEM	CHỈ SỐ INDEX
1	DIỆN TÍCH KHU ĐẤT /LAND AREA	10,000
2	TỔNG DT XÂY DỰNG / TOTAL CONSTRUCTION AREA	2,662.0
3	TỔNG DT SÀN / TOTAL FLOOR AREA	2,951.6
4	MẬT ĐỘ XD / CONSTRUCTION RATIO	27%
5	HỆ SỐ SD ĐẤT/ LAND USE RATIO	0.30

STT NO	HẠNG MỤC ITEM	TẦNG FLOOR	DT XÂY DỰNG CONSTRUCTION AREA (ROOF AREA :M2)	DT SÀN FLOOR AREA (M2)
01	NHÀ XƯỞNG /WORKSHOP	2 FL	2,396.0	2,735.0
	TẦNG 1: CỐT +0.00 / LEVEL + 0.00			2,327.0
	TẦNG 2: CỐT + 4,500 / LEVEL + 4,500			408.0
02	NHÀ BẢO VỆ / GUARD HOUSE	1 FL	21.0	16.8
03	NHÀ XE / BIKE PARKING	1 FL	190.0	144.8
04	BÃI XE OTO / CAR PARKING			
05	KHO RÁC /WASTE STORE	1 FL	36.0	36.0
06	NHÀ BƠM / PUMP RM	1 FL	19.0	19.0
07	PHỤ TRỢ(P.ĐIỆN...)/UTILITY (ELECTRIC RM,...)	1 FL	45.0	45.0
TỔNG CỘNG / TOTAL (M2)			2,662.0	2,951.6

TỔNG MẶT BẰNG CẤP NƯỚC
MASTER PLAN WATER SUPPLY

FG

+ ĐÁNH BÓNG HOÀN THIỆN BỀ MẶT
POLISHING SURFACE
+ BÊ TÔNG MÁC 300# DÀY 200, LƯỚI THÉP D6@200
KHE CO GIÃN KHOẢNG CÁCH (5M X 5M)
CONCRETE ROAD GRADE 300 #,200THK,RE-BAR D6@200
EXPANSION JOINT DISTANCE (5M X 5M)
+ ĐÁ BASE DÀY 200 ĐẦM CHẶT K98
SUBBASE , THK 200 MM, K>=98
+ CÁT SAN NỀN ĐẦM CHẶT K98
SAND COMPACTED K>=98

CÔNG TY TNHH AS C&T
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày . . . tháng . . . năm 20 . . .

Người lập	Đơn vị thi công	Đơn vị tư vấn giám sát
	GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
	KIM JOON CHI	KIM JUNHO

MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1

NOTE: GHI CHÚ

CLIENT/ CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH DMR VIỆT NAM
DMR VINA CO.,LTD
ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG D1, KHU C.N HÒA MẠC, H. DUY TIÊN, T. HÀ NAM
PROJECT/ DỰ ÁN:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT DMR VINA

LOCATION/ ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
ADD: ROAD D1, PARK E.HOA MAC INDUSTRIAL PARK, DUY TIEN DISTRICT, HA NAM PROVINCE
TEL: ..... FAX: .....
ĐƯỜNG D1, KHU E KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

ITEM:
HẠNG MỤC:

GENERAL CONTRACTOR:
AS C&T
AS C&T CO., LTD
ADD: FLOOR 4&5, AS BUILDING, D.TOC, PHO D. QUANG BUU STR, VAN MAO WARD, BAC NINH CITY, VIET NAM
TEL: ..... FAX: .....
PRESENTATIVE:
AS C&T

PREPARED BY:
NGƯỜI LẬP:

STATUS:
AS BUILT
HỒ SƠ:
HOÀN CÔNG

DRAWING NAME:
TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG CẤP NƯỚC

STATUS-GIAI ĐOẠN	TỶ LỆ - SCALE	NGÀY - DATE
AS BUILT DRAWINGS BẢN VẼ HOÀN CÔNG		01/2019
DATE:	DRAWING NO-SỐ BẢN VẼ:	
SCALE: NONE	W01.01	

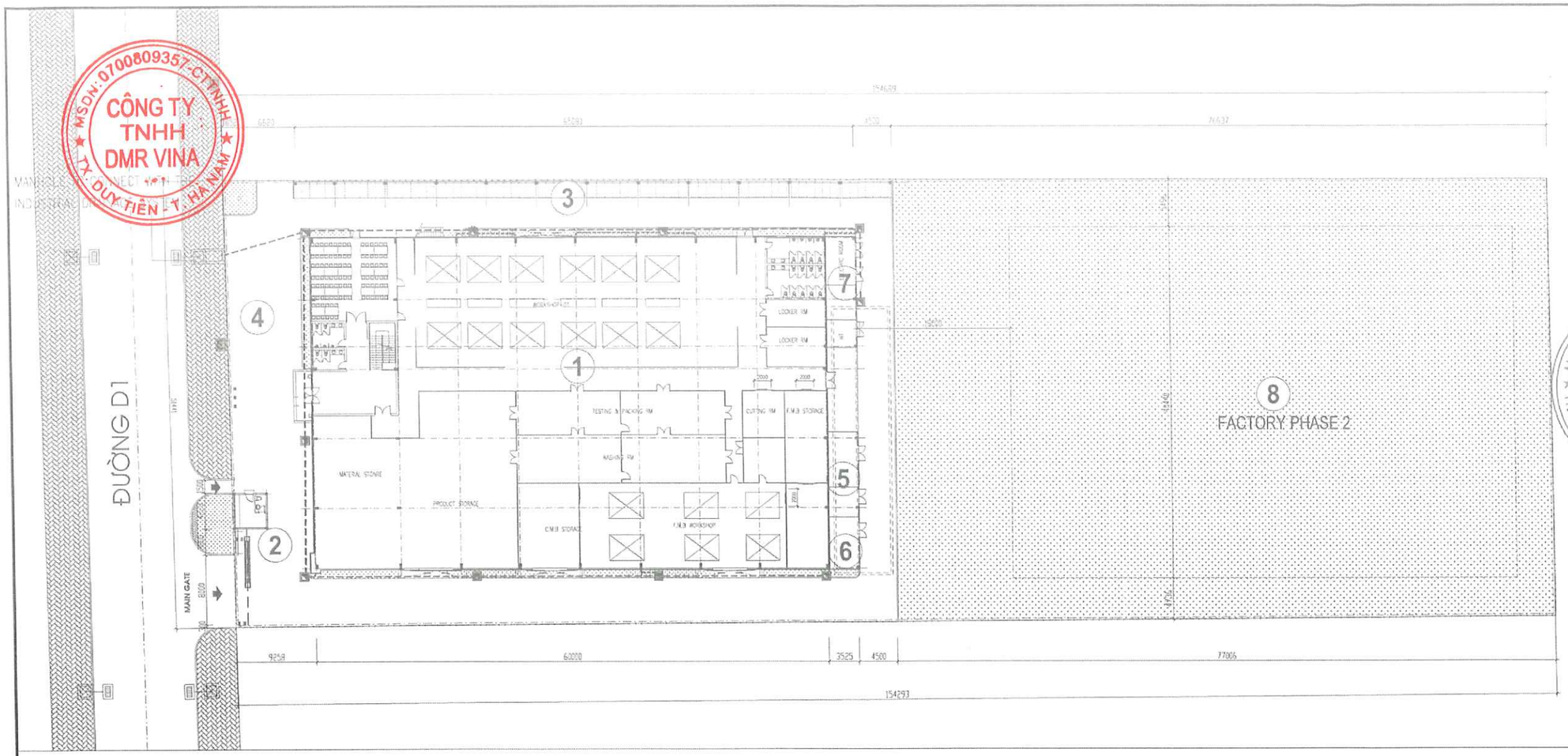

STT NO	HẠNG MỤC ITEM	CHỈ SỐ INDEX
1	DIỆN TÍCH KHU ĐẤT /LAND AREA	10,000
2	TỔNG DT XÂY DỰNG / TOTAL CONSTRUCTION AREA	2,662.0
3	TỔNG DT SÀN / TOTAL FLOOR AREA	2,951.6
4	MẬT ĐỘ XD / CONSTRUCTION RATIO	27%
5	HỆ SỐ SD ĐẤT/ LAND USE RATIO	0.30

STT NO	HẠNG MỤC ITEM	TẦNG FLOOR	DT XÂY DỰNG CONSTRUCTION AREA (ROOF AREA :M2)	DT SÀN FLOOR AREA (M2)
01	NHÀ XƯỞNG /WORKSHOP	2 FL	2,396.0	2,735.0
	TẦNG 1: CỐT +0.00 / LEVEL + 0.00			2,327.0
	TẦNG 2: CỐT + 4,500 / LEVEL + 4,500			408.0
02	NHÀ BẢO VỆ / GUARD HOUSE	1 FL	21.0	16.8
03	NHÀ XE / BIKE PARKING	1 FL	190.0	144.8
04	BÃI XE OTO / CAR PARKING			
05	KHO RÁC /WASTE STORE	1 FL	36.0	36.0
06	NHÀ BƠM / PUMP RM	1 FL	19.0	19.0
07	PHỤ TRỢ(P.ĐIỆN...)/UTILITY (ELECTRIC RM,...)	1 FL	45.0	45.0
TỔNG CỘNG / TOTAL (M2)			2,662.0	2,951.6

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA
PLAN STORMWATER DRAINAGE

FG

+ ĐÁNH BÓNG HOÀN THIỆN BỀ MẶT
POLISHING SURFACE
+ BÊ TÔNG MÁC 300# DÀY 200, LƯỚI THÉP D6@200
KHE CO GIÃN KHOẢNG CÁCH (5M X 5M)
CONCRETE ROAD GRADE 300 #,200THK,RE-BAR D6@200
EXPANSION JOINT DISTANCE (5M X 5M)
+ ĐÁ BASE DÀY 200 ĐẦM CHẶT K98
SUBBASE , THK 200 MM, K>=98
+ CÁT SAN NỀN ĐẦM CHẶT K98
SAND COMPACTED K>=98
CONCRETE CURB 180X220X1000
BÓ VỈA BÊ TÔNG 180X220X1000
+ LỚP ĐẤT MẦU / PLANTATION SOIL

CÔNG TY TNHH AS C&T
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày ... tháng ... năm 20 ...

Người lập	Đơn vị thi công	Đơn vị tư vấn giám sát
	GIÁM ĐỐC	MẶT CẮT 1-1
	KIM JOON CHUI	SECTION 1-1
		KIM JUNHO

NOTE: GHI CHÚ

CLIENT/ CHỦ ĐẦU TƯ
DMR
CÔNG TY TNHH DMR VIỆT NAM
DMR VINA CO., LTD
ĐC: ĐƯỜNG D1, KHU E, KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC
HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

PROJECT/ DỰ ÁN
NHÀ MÁY SẢN XUẤT DMR VINA

LOCATION/ ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG :
ADD: ROAD D1, PARK E, HOA MAC INDUSTRIAL PARK, DUY TIEN DISTRICT, HA NAM PROVINCE
TEL: FAX:
ĐƯỜNG D1, KHU E, KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC
HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

ITEM:
HẠNG MỤC:

GENERAL CONTRACTOR:
AS C&T
AS C&T CO., LTD
ADD: FLOOR 485, AS BUILDING, BLOCK 189, TA QUANG BUU STR
KINH BAC WARD, BAC NINH CITY, VIET NAM
TEL: FAX:

PRESENTATIVE:
ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

PREPARED BY:
NGƯỜI LẬP:

STATUS:
AS BUILT
HỒ SƠ:
HOÀN CÔNG

DRAWING NAME:
MASTER PLAN
TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

STATUS-GIAI ĐOẠN	TỶ LỆ - SCALE	NGÀY - DATE
AS BUILT DRAWINGS BẢN VẼ HOÀN CÔNG		31/20'9

DATE:
SCALE: NONE
DRAWING NO-SỐ BẢN VẼ: W02.01

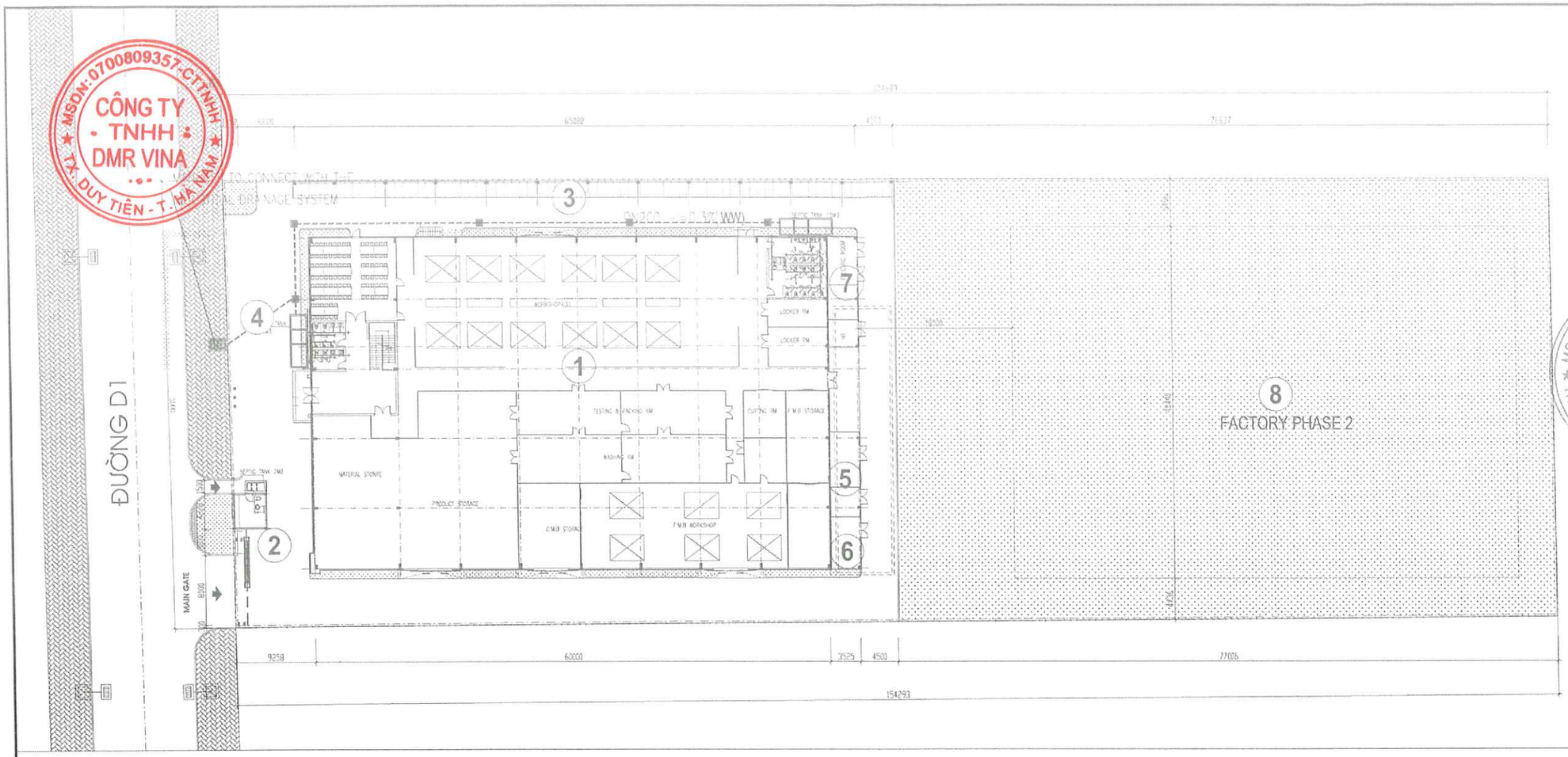

TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI
SURFACE WATER DRAIN MASTERPLAN

STT NO	HẠNG MỤC ITEM	CHỈ SỐ INDEX
1	DIỆN TÍCH KHU ĐẤT /LAND AREA	10,000
2	TỔNG DT XÂY DỰNG / TOTAL CONSTRUCTION AREA	2,662.0
3	TỔNG DT SÀN / TOTAL FLOOR AREA	2,951.6
4	MẬT ĐỘ XD / CONSTRUCTION RATIO	27%
5	HỆ SỐ SD ĐẤT/ LAND USE RATIO	0.30

STT NO	HẠNG MỤC ITEM	TẦNG FLOOR	DT XÂY DỰNG CONSTRUCTION AREA (ROOF AREA :M2)	DT SÀN FLOOR AREA (M2)
01	NHÀ XƯỞNG /WORKSHOP	2 FL	2,396.0	2,735.0
	TẦNG 1: CỐT +0.00 / LEVEL + 0.00			2,327.0
	TẦNG 2: CỐT + 4,500 / LEVEL + 4,500			408.0
02	NHÀ BẢO VỆ / GUARD HOUSE	1 FL	21.0	16.8
03	NHÀ XE / BIKE PARKING	1 FL	190.0	144.8
04	BÃI XE OTO / CAR PARKING			
05	KHO RÁC /WASTE STORE	1 FL	36.0	36.0
06	NHÀ BƠM / PUMP RM	1 FL	19.0	19.0
07	PHỤ TRỢ(P.ĐIỆN...)/UTILITY (ELECTRIC RM,...)	1 FL	45.0	45.0
TỔNG CỘNG / TOTAL (M2)			2,662.0	2,951.6

FG

+ ĐÁNH BÓNG HOÀN THIỆN BỀ MẶT
POLISHING SURFACE
+ BÊ TÔNG MÁC 300# DÀY 200, LƯỚI THÉP D6@200
KHE CO GIÃN KHOẢNG CÁCH (5M X 5M)
CONCRETE ROAD GRADE 300 #,200THK,RE-BAR D6@200
EXPANSION JOINT DISTANCE (5M X 5M)
+ ĐÁ BASE DÀY 200 ĐẦM CHẶT K98
SUBBASE THK 200 MM, K>=98
+ CÁT SAN NỀN ĐẦM CHẶT K98
SAND COMPACTED K>=98
+ CONCRETE KHE 180X220X1000
BỐ VỈA BÊ TÔNG 180X220X1000

CÔNG TY TNHH AS C&T
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày ... tháng ... năm 20...

Người lập	Đơn vị thi công	Đơn vị tư vấn giám sát
	GIÁM ĐỐC KIM JOON CHU	GIÁM ĐỐC KIM JUNHO

MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1

CÔNG TY TNHH DMR VIỆT NAM
DMR VINA CO., LTD
ĐỊA ĐƯỜNG D1, KHU E, KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

PROJECT/ DỰ ÁN:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT DMR VINA

LOCATION/ ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
ADD: ROAD D1, PARK E, HOA MAC INDUSTRIAL PARK, DUY TIEN DISTRICT, HA NAM PROVINCE
TEL: FAX:
ĐƯỜNG D1, KHU E, KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

ITEM:
HẠNG MỤC:

GENERAL CONTRACTOR
AS C&T
AS C&T CO., LTD
ADD: FLOOR 465, AS BUILDING, BLOCK 189, TA QUANG BUU STR, KIM BAC WARD, BAC NINH CITY, VIET NAM
TEL: FAX:

PRESENTATIVE:
PREPARED BY
NGƯỜI LẬP:

STATUS
AS BUILT
HỒ SƠ
HOÀN CÔNG

DRAWING NAME
MASTER PLAN
TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

STATUS-GIAI ĐOẠN	TỶ LỆ - SCALE	NGÀY - DATE
AS BUILT DRAWINGS BẢN VẼ HOÀN CÔNG		01/2019

DATE:
SCALE: NONE
DRAWING NO-SỐ BẢN VẼ: W03.01

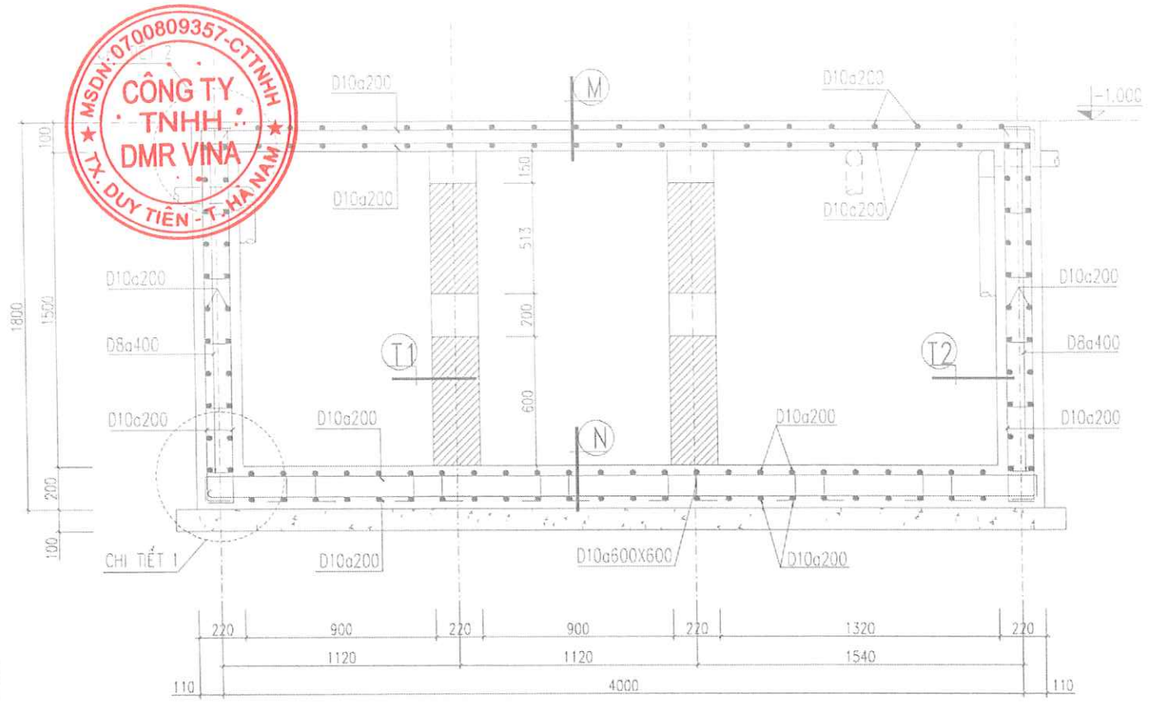

SECTION 1-1
MẶT CẮT 1-1

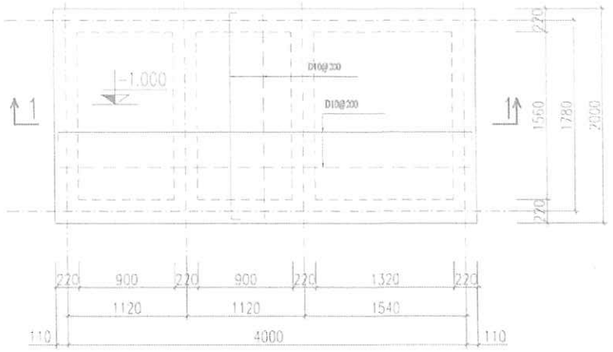

REBAR SEPTIC TANK ROOF PLAN
MẶT BẰNG THÉP NẮP BỂ PHỐT

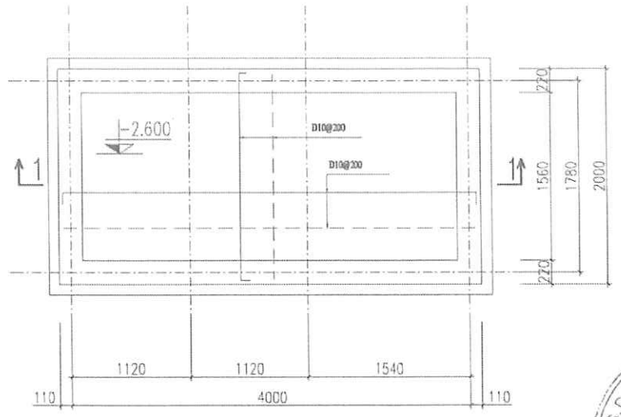

REBAR SEPTIC TANK BOTTOM PLAN
MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ PHỐT

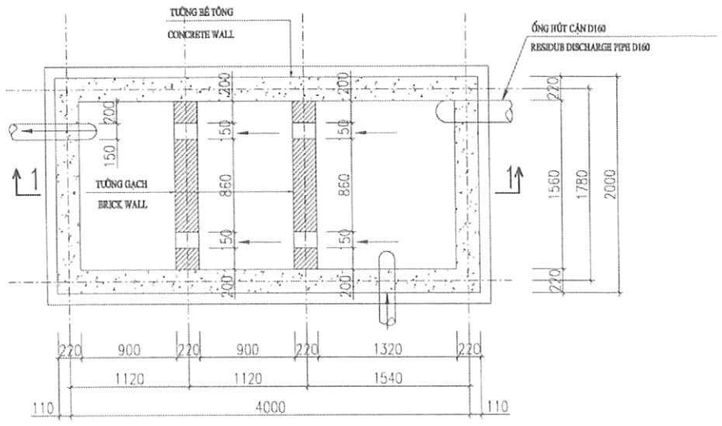

SEPTIC TANK PLAN
MẶT BẰNG BỂ PHỐT (SL:01)

M
- REINFORCED CONCRETE GRADE B20,150MM THK
BÊ TÔNG CỐT THÉP CẤP BỀN B20 DÀY 150MM
- CEMENT MOTAR GRADE 75 #, 20MM THK
VỮA XI MĂNG MÁC 75 #,DÀY 20MM

N
- WATER PROOFING LAYER BY SIKA
LỚP CHỐNG THẤM BẰNG SIKA
- REINFORCED CONCRETE GRADE B20,150MM THK
BÊ TÔNG CỐT THÉP CẤP BỀN B20 DÀY 150MM
- LEAN CONCRETE GRADE 100 # THK,100MM
BÊ TÔNG LÓT MÁC 100 # DÀY 100MM
- COMPACTED SAND
CÁT NỀN ĐẦM CHẶT

T1
- CEMENT MOTAR GRADE 75 #, 15MM THK
VỮA XI MĂNG MÁC 75 #,DÀY 15MM
- BRICK WALL 220MM THK,CEMENT MOTAR GRADE 75 #
TƯỜNG GẠCH BẬC 220 DÀY 220MM, VỮA XI MĂNG MÁC 75
- CEMENT MOTAR GRADE 75, 15MM THK
VỮA XI MĂNG MÁC 75,DÀY 15MM

T2
- CEMENT MOTAR GRADE 75 #, 15MM THK
VỮA XI MĂNG MÁC 75 #,DÀY 15MM
- REINFORCED CONCRETE GRADE B20,220MM THK
BÊ TÔNG CỐT THÉP CẤP BỀN B20 DÀY 220MM
- CEMENT MOTAR GRADE 100 #, 20MM THK
VỮA XI MĂNG MÁC 100 #,DÀY 20MM

CÔNG TY TNHH AS C&T
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày . . . tháng . . . năm 20 . . .

Người lập	Đơn vị thi công	Đơn vị tư vấn giám sát
	GIÁM ĐỐC KIM JOON CHUL	GIÁM ĐỐC KIM JUNHO

NOTE/ SHI CHÚ

CLIENT/ CHỦ ĐẦU TƯ
DMR
CÔNG TY TNHH DMR VIỆT NAM
DMR VINA CO., LTD
ĐỊC: ĐƯỜNG D1, KHU E, KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

PROJECT/ DỰ ÁN
NHÀ MÁY SẢN XUẤT
DMR VINA

LOCATION/ ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
ADD: ROAD D1, PARK E, HÒA MẠC INDUSTRIAL PARK, DUY TIÊN DISTRICT, HÀ NAM PROVINCE
TEL: FAX:
ĐƯỜNG D1, KHU E, KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

ITEM:
HẠNG MỤC:

GENERAL CONTRACTOR:
AS C&T
AS C&T CO., LTD
ADD: FLOOR 4&5, AS BUILDING, BLOCK 1&8, TA QUANG BUU STR KINH BAC WARD, BAC NINH CITY, VIET NAM
TEL: FAX:

PRESENTATIVE:
KIM JOON CHUL

PREPARED BY
NGƯỜI LẬP:

STATUS
AS BUILT
HỒ SƠ
HOÀN CÔNG

DRAWING NAME:
CHI TIẾT BỂ PHỐT 10M3
TÊN BẢN VẼ:
SEPTICTANK 10M3

STATUS-GIAI ĐOẠN	TỶ LỆ - SCALE	NGÀY - DATE
AS BUILT DRAWINGS BẢN VẼ HOÀN CÔNG		01/2019

DATE:
SCALE: NONE
DRAWING NO-SỐ BẢN VẼ
S09-01

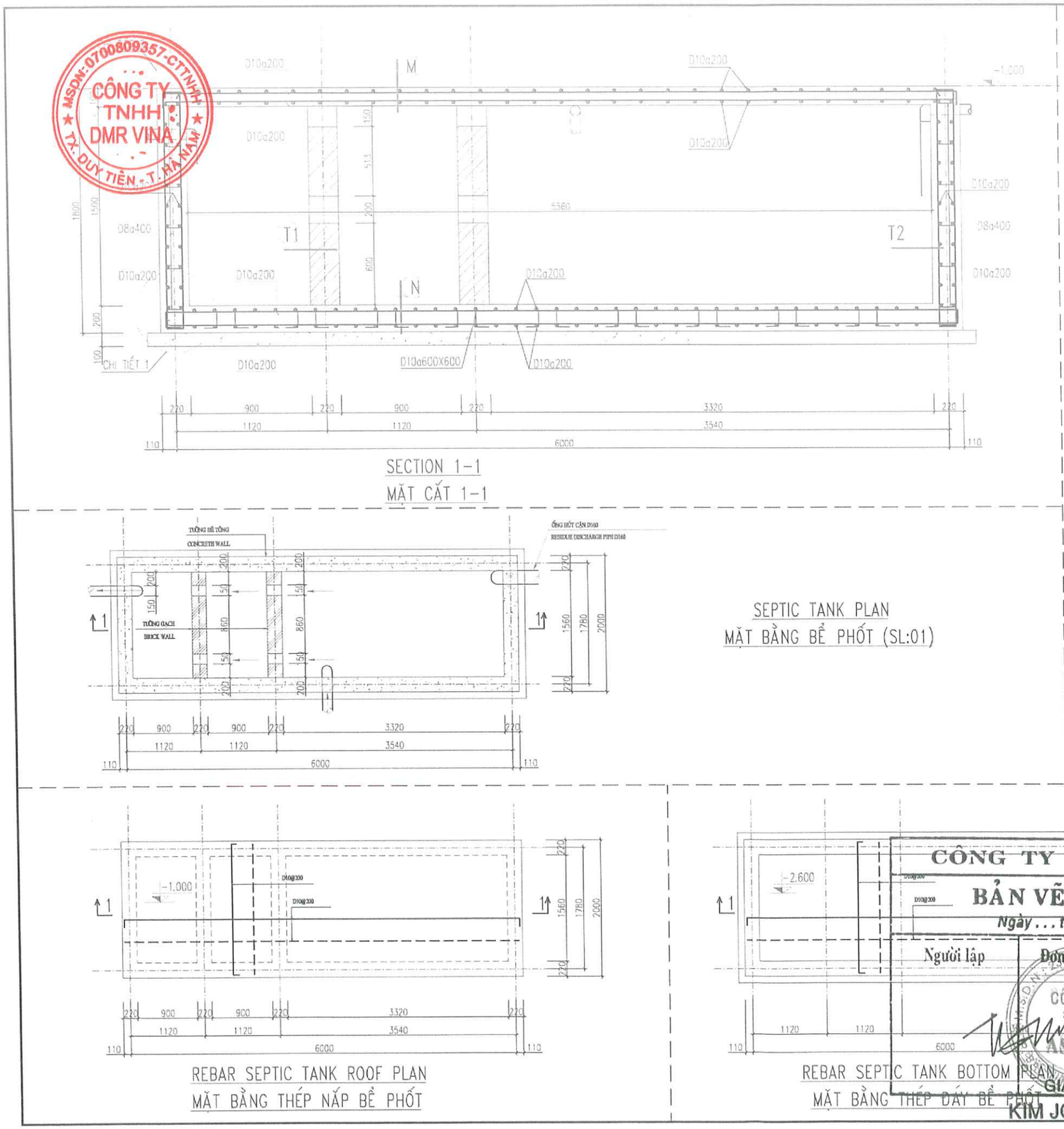

SECTION 1-1
MẶT CẮT 1-1

SEPTIC TANK PLAN
MẶT BẰNG BỂ PHỐT (SL:01)

REBAR SEPTIC TANK ROOF PLAN
MẶT BẰNG THÉP NẮP BỂ PHỐT

REBAR SEPTIC TANK BOTTOM PLAN
MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ PHỐT

M - REINFORCED CONCRETE GRADE B20,150MM THK
BÊ TÔNG CỐT THÉP CẤP BỀN B20 DÀY 150MM
- CEMENT MOTAR GRADE 75 #, 20MM THK
VỮA XI MĂNG MÁC 75 # DÀY 20MM

N - WATER PROOFING LAYER BY SIKA
LỚP CHỐNG THẤM BẰNG SIKA
- REINFORCED CONCRETE GRADE B20,150MM THK
BÊ TÔNG CỐT THÉP CẤP BỀN B20 DÀY 150MM
- LEAN CONCRETE GRADE 100 # THK,100MM
BÊ TÔNG LÓT MÁC 100 # DÀY 100MM
- COMPACTED SAND
CÁT NỀN ĐẦM CHẶT

T1 - CEMENT MOTAR GRADE 75 #, 15MM THK
VỮA XI MĂNG MÁC 75 # DÀY 15MM
- BRICK WALL 220MM THK,CEMENT MOTAR GRADE 75 #
TƯỜNG XÂY GẠCH ĐẶC DÀY 220MM,VỮA XI MĂNG MÁC 75
- CEMENT MOTAR GRADE 75, 15MM THK
VỮA XI MĂNG MÁC 75,DÀY 15MM

T2 - WATER PROOF CEMENT MOTAR GRADE 100 #, 20MM THK
VỮA XI MĂNG CHỐNG THẤM MÁC 100 # DÀY 20MM,
ĐÁNH MÀU BẰNG XI MĂNG
- REINFORCED CONCRETE GRADE B20,220MM THK
BÊ TÔNG CỐT THÉP CẤP BỀN B20 DÀY 220MM
- CEMENT MOTAR GRADE 100 #, 20MM THK
VỮA XI MĂNG MÁC 100 # DÀY 20MM

CÔNG TY TNHH AS C&T
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày . . . tháng . . . năm 20 . . .

Người lập	Đơn vị thi công	Đơn vị tư vấn giám sát
	GIÁM ĐỐC KIM JOON CHUL	GIÁM ĐỐC KIM JUNHO

NOTE: GHI CHÚ

CLIENT/ CHỦ ĐẦU TƯ
DMR
CÔNG TY TNHH DMR VIỆT NAM
DMR VINA CO., LTD
ĐỘ: ĐƯỜNG 01, KHU E KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC
HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

PROJECT/ DỰ ÁN
NHÀ MÁY SẢN XUẤT
DMR VINA

LOCATION/ ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG :
ADD: ROAD 01, PARK E HOA MAC INDUSTRIAL PARK,
DUY TIEN DISTRICT, HA NAM PROVINCE
TEL: FAX:

ĐƯỜNG 01, KHU E KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC
HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

ITEM:

HẠNG MỤC:

GENERAL CONTRACTOR
AS C&T
AS C&T CO., LTD
ADD: FLOOR 455, KHU E DUNG, BUILDING 189, TA QUANG BUU STR
KINH BAC WARD, BAC NINH CITY, VIET NAM
TEL: FAX:

PRESENTATIVE:
ĐẠI DIỆN LÀ NÀU:

PREPARED BY:
NGƯỜI LẬP:

STATUS
AS BUILT
HỒ SƠ
HOÀN CÔNG

DRAWING NAME:
CHI TIẾT BỂ PHỐT 15M3
TÊN BẢN VẼ:
SEPTICTANK 15M3

STATUS-GIAI ĐOẠN	TỶ LỆ - SCALE	NGÀY - DATE
AS BUILT DRAWINGS BẢN VẼ HOÀN CÔNG		01/20'9

DATE:
SCALE: NONE
DRAWING NO-SỐ BẢN VẼ
S09-02

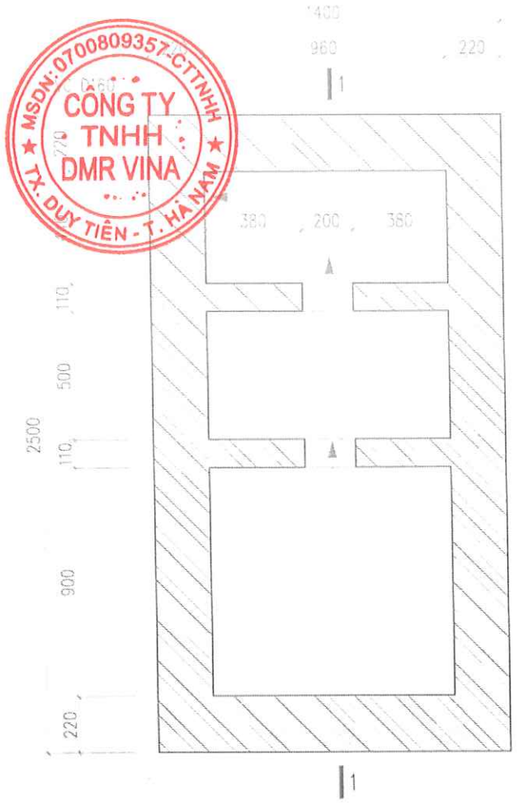

MẶT BẰNG BỂ PHỐT (SL:02)
SEPTICTANK PLAN (QTY:02)

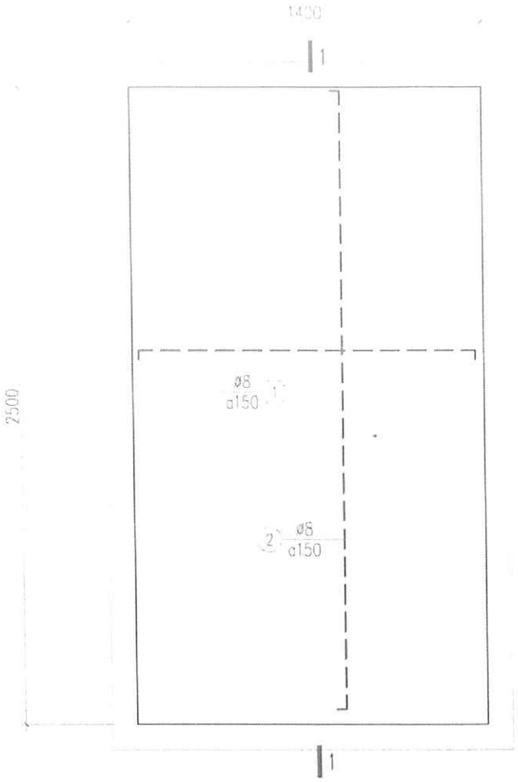

MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ PHỐT
CONCRETE REINFORCED BOTTOM PLAN

MẶT BẰNG NẮP BỂ PHỐT
CONCRETE SLAB PLAN

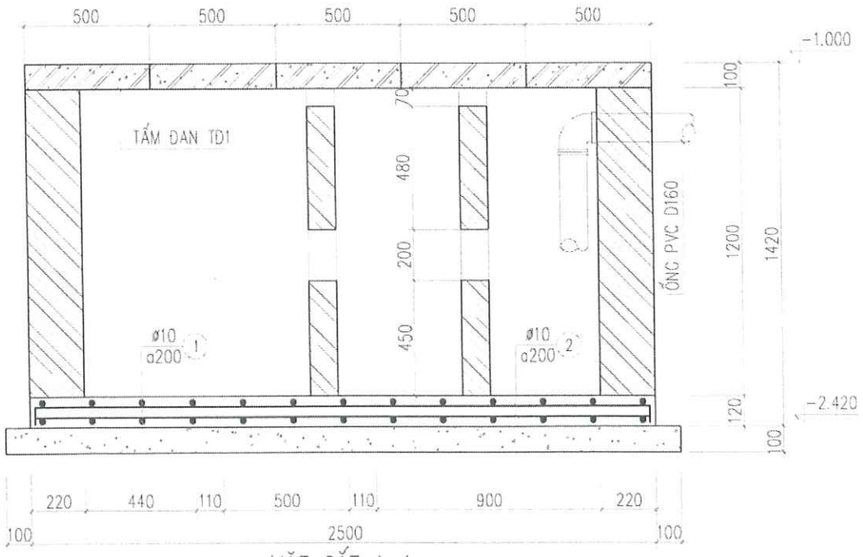

MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1

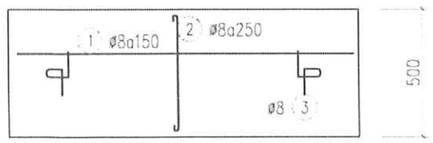

CHI TIẾT TẤM ĐAN
CONCRETE SLAB DETAIL

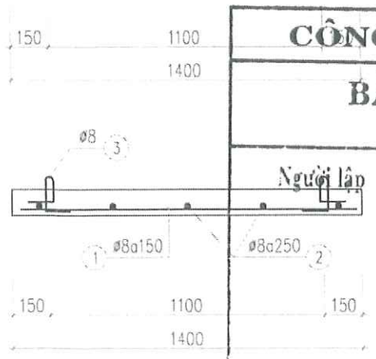

CÔNG TY TNHH AS C&T

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày . . . tháng . . . năm 20 . . .

Người lập	Đơn vị thi công	Đơn vị tư vấn giám sát

CHI CHÚ:
+ BÊ TÔNG B15 (M200) CO Rb = 8.5 MPa (85 KG/CM2)
+ BÊ TÔNG LÓT B7.5 (M100)
+ THÉP AI, KÝ HIỆU 10<Ø<10 CO Rs = 280 MPa (2800 KG/CM2)
+ THÉP AI, KÝ HIỆU ø<10 CO Rs = 225 MPa (2250 KG/CM2)
+ THÀNH BỂ XÂY GẠCH ĐẶC VXM MÁC 75# TRÁT TRONG BỂ XÂY 25 BẰNG VXM MÁC 75# CÓM 2 LỚP ĐÁNH MÀU BẰNG XM NGUYÊN CHẤT

GIÁM ĐỐC
KIM JOON CHUL

GIÁM ĐỐC
KIM JUNHO

NOTE: GHI CHÚ

CLIENT/ CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH DMR VIỆT NAM
DMR VINA CO., LTD
ĐỊC: ĐƯỜNG 01, KHU E, KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

PROJECT/ DỰ ÁN
NHÀ MÁY SẢN XUẤT
DMR VINA

LOCATION/ ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
ADD: ROAD 01, PARK E, HOA MAC INDUSTRIAL PARK, DUY TIEN DISTRICT, HA NAM PROVINCE
TEL: FAX:
ĐƯỜNG 01, KHU E, KHU CÔNG NGHIỆP HÒA MẠC HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

ITEM:

HẠNG MỤC:

GENERAL CONTRACTOR
AS C&T
AS C&T CO., LTD
ADD: FLOOR 4&5, AS BUILDING, BLOCK 7&8, TA QUANG BUU STR KINH BAC WARD, BAC NINH CITY, VIET NAM
FAX:

PRESENTATIVE/ ĐẠI DIỆN LÀ TÀI:

PREPARED BY
NGƯỜI LẬP:

STATUS
AS BUILT

HỒ SƠ
HOÀN CÔNG

DRAWING NAME:
CHI TIẾT BỂ PHỐT 2M3

TÊN BẢN VẼ
SEPTICTANK 2M3

STATUS-GIAI ĐOẠN	TỶ LỆ - SCALE	NGÀY - DATE
AS BUILT DRAWINGS BẢN VẼ HOÀN CÔNG		01/20'9

DATE:
SCALE: NONE
DRAWING NO-SỐ BẢN VẼ
S09-03

ĐƠN VỊ THI CÔNG : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NAM PHƯƠNG 1
TRỤ SỞ : DUYÊN GIANG - CHÂU GIANG - DUY TIÊN - HÀ NAM TEL :02263.552.662
EMAIL : PHC.NAMPHUONG1@GMAIL .COM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH : CÔNG TY TNHH DMR VINA
HẠNG MỤC : KHO RÁC
ĐỊA ĐIỂM XD : ĐƯỜNG D1 ,KHU E, KCN HÒA MẠC - XÃ TRÁC VĂN - HUYỆN DUY TIÊN - TỈNH HÀ NAM
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH DMR VINA
ĐƠN VỊ THI CÔNG : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NAM PHƯƠNG 1

HÀ NAM , NĂM 2019

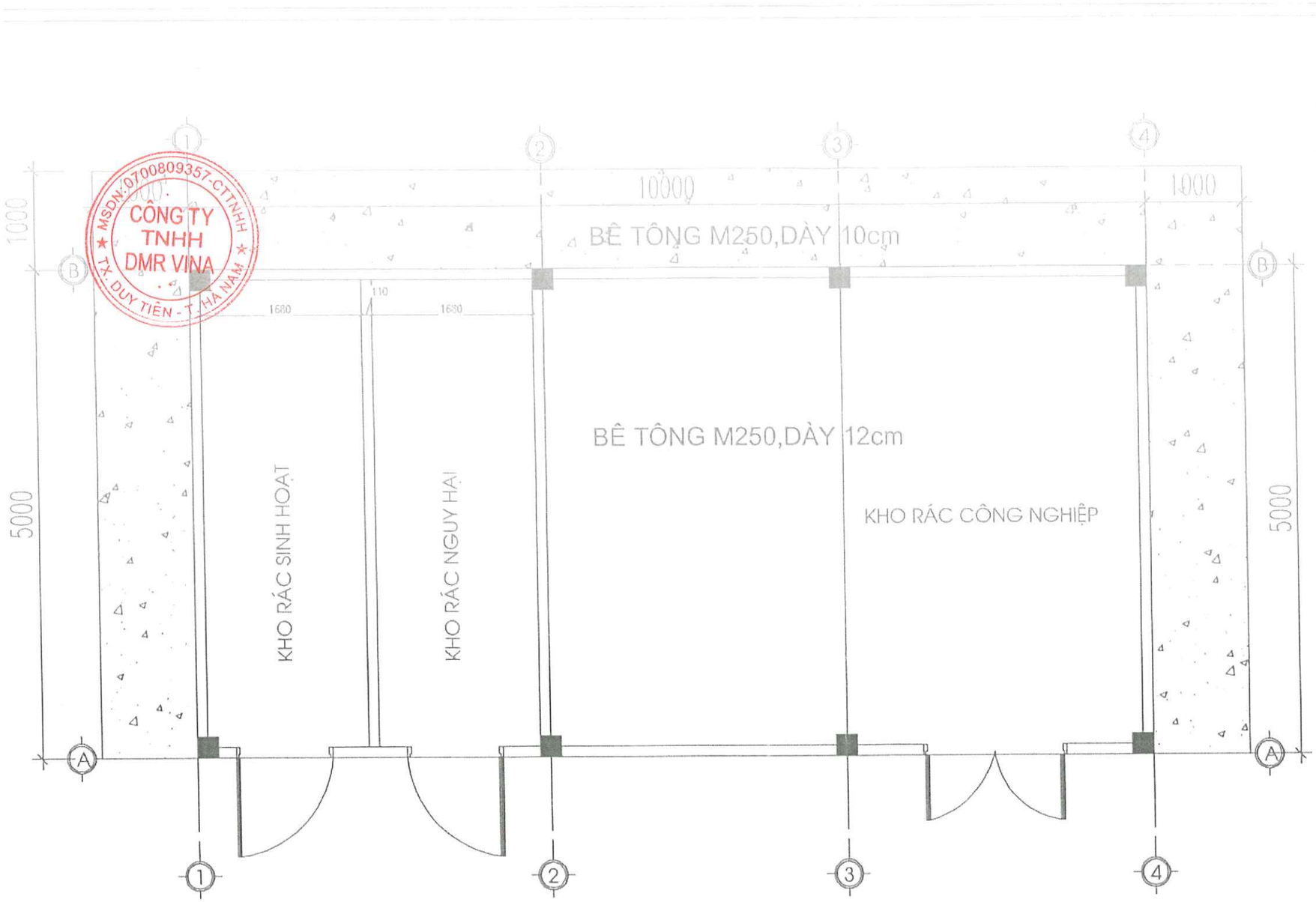

MẶT BẰNG

CÔNG TY TNHH DMR VINA

GIÁM ĐỐC
KIM JUNG O

ĐƠN VỊ THI CÔNG / CONSTRUCTION UNIT
CÔNG TY CP ĐT XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NAM PHƯƠNG

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

TRỊNH XUÂN NAM

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN :
PROJECT MANAGER

PHẠM VĂN CƯỜNG

CÔNG TRÌNH / PROJECT

CÔNG TY TNHH DMR VINA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / LOCACION :
ĐƯỜNG D1 - KHU E KCN HÒA MẠC - XÃ TRẠC VĂN
HUYỆN DUY TIÊN - TỈNH HÀ NAM
ROAD D1 - SECTION E HOA MAC INDUSTRIAL - TRAC VAN
COMMUNE - DUY TIEN DISTRIST - HA NAM PROVINCE

HẠNG MỤC / ITEM :

KHO RÁC / WASTE STORE

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME :

MẶT BẰNG

BẢN VẼ KTTC TECHNICAL DRAWINGS NĂM 2019 / YEAR 2019	BV: 01

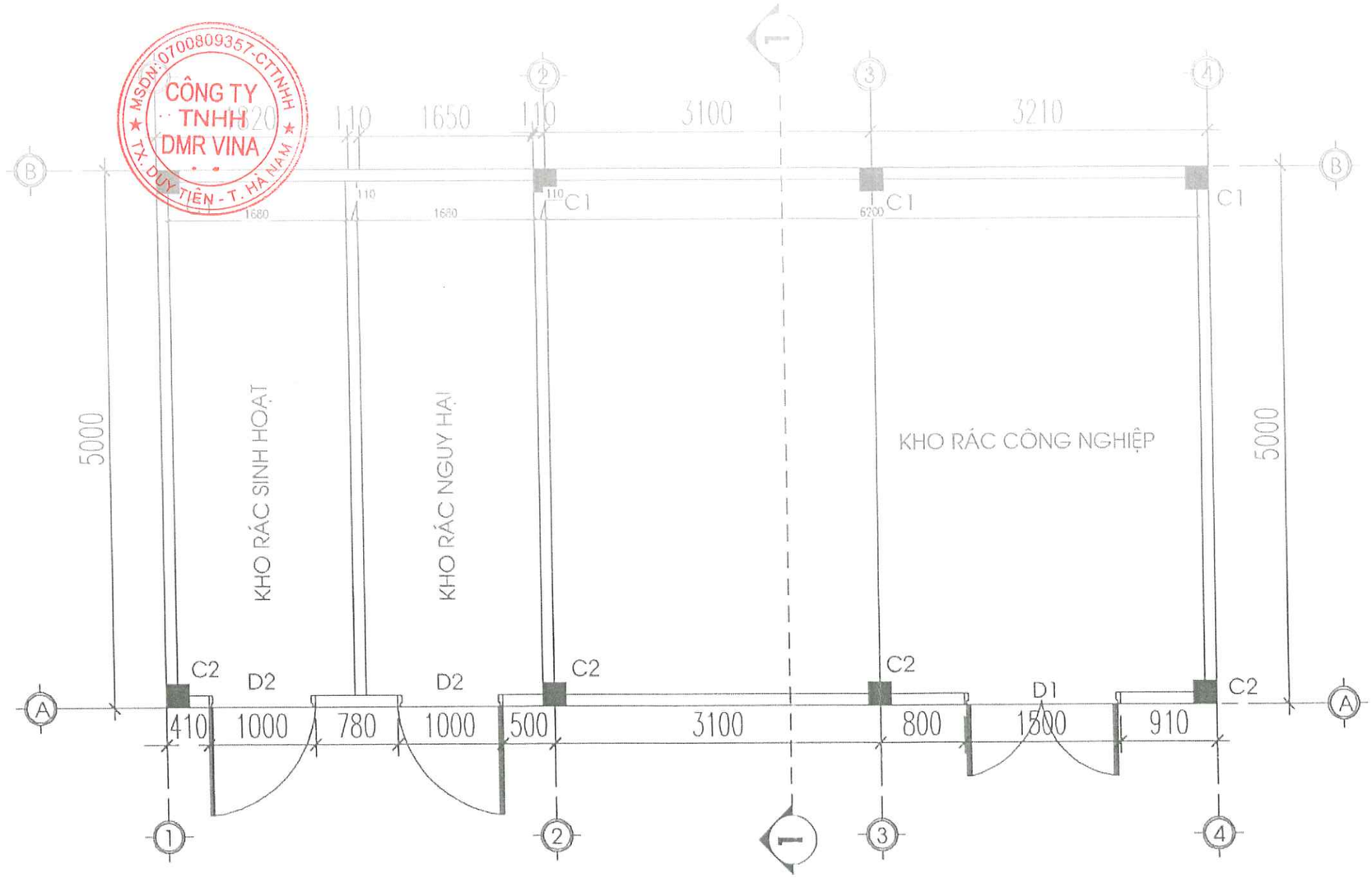

MẶT BẰNG XÂY TƯỜNG

Ghi chú cửa D1, SL = 1 bộ :

- Cửa thép KT 1.5 x 2.2m,thép hộp 3x6cm dày 1.5mm bưng tôn huỳnh, sơn màu ghi
- Cửa mở hướng ra ngoài,

Ghi chú cửa D2 , SL = 2 bộ :

- Cửa thép KT 1 x2.2m,thép hộp 3x6cm dày 1.5mm bưng tôn huỳnh, sơn màu ghi
- Cửa mở hướng ra ngoài,

- Tường 10cm xây gạch bê tông 10x17x27cm,vữa M75
  Wall 10cm built bricks concrete,10x17x27cm, mortar M75
- Tường trong trát vữa mác 75,dày 1.5cm / Walls in plaster mortar 75, 1.5cm thick
  Sơn 1 lớp lót,2 lớp phủ màu chỉ định / Paint 1 primer, 2 color coatings specified
- Tường ngoài trát vữa mác 75,dày 1.5cm / External wall plastered 75, 1.5cm thick
  Sơn 1 lớp lót,2 lớp phủ màu chỉ định / Paint 1 primer, 2 color coatings specified

CÔNG TY TNHH DMR VINA

GIÁM ĐỐC
KIM JUN HO

ĐƠN VỊ THI CÔNG CONSTRUCTION UNIT
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NAM PHƯƠNG

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

TRỊNH XUÂN NAM

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN
PROJECT MANAGER

PHẠM VĂN CƯỜNG

CÔNG TRÌNH / PROJECT:
CÔNG TY TNHH DMR VINA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / LOCACION :
ĐƯỜNG D1 - KHU E KCN HÒA MẠC - XÃ TRẠC VĂN
HUYỆN DUY TIÊN - TỈNH HÀ NAM
ROAD D1 - SECTION E HOA MAC INDUSTRIAL - TRAC VAN
COMMUNE - DUY TIEN DISTRIST - HA NAM PROVINCE

HẠNG MỤC / ITEM :
KHO RÁC / WASTE STORE

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME :
MẶT BẰNG XÂY TƯỜNG

BẢN VẼ KTTC TECHNICAL DRAWINGS NĂM 2019 / YEAR 2019	BV 02

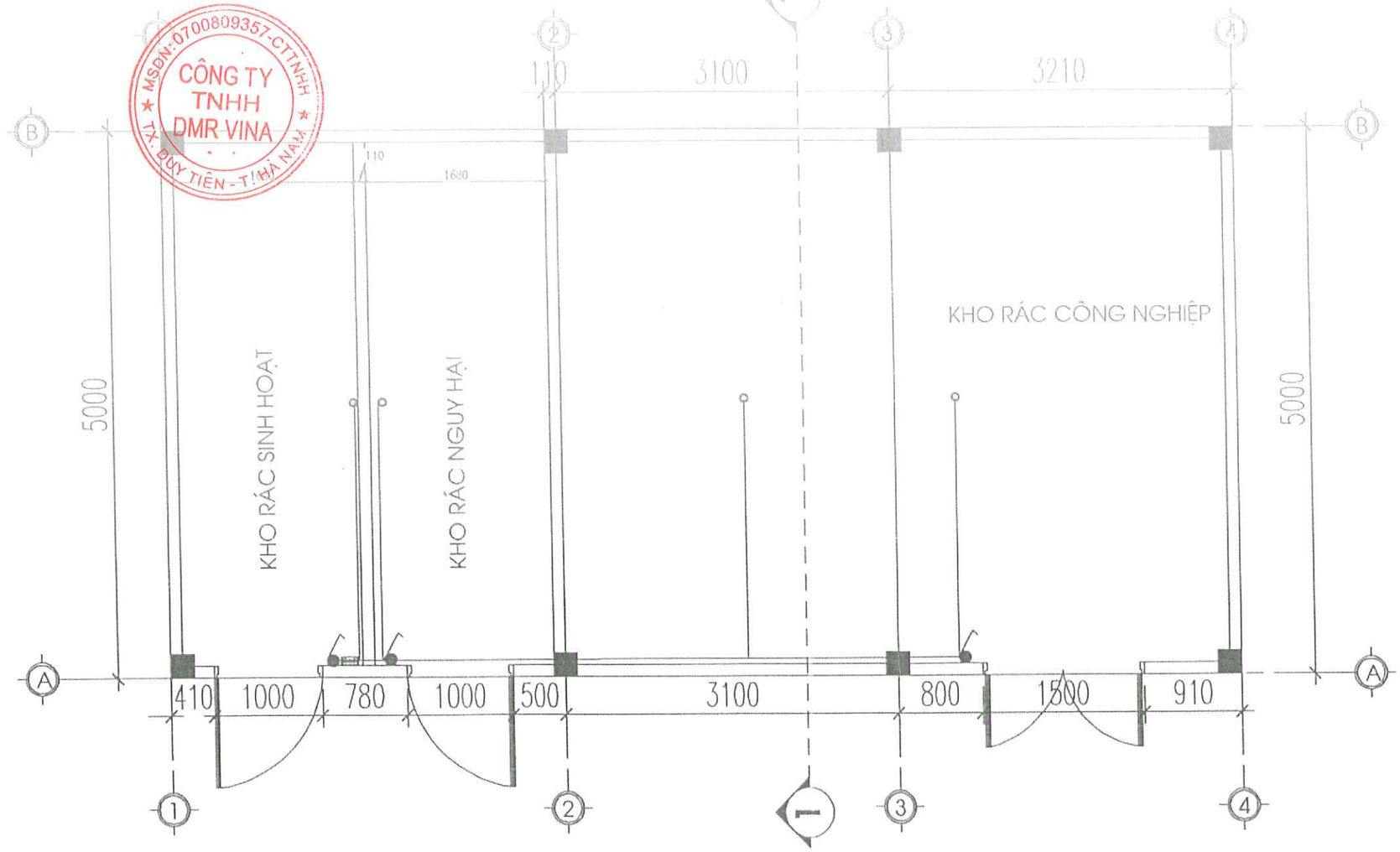

MẶT BẰNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG + CÔNG TẮC

Ghi chú :

- Công tắc đơn , SL = 3bộ
- Bóng Compak 18w Rạng Đông, SL = 4 bộ
- Dây điện PVC CU PVC 1.5mm,bảo bộ trong ống nhựa D20, SL = 40m
- Aptomat 10A, SL = 1 bộ

CÔNG TY TNHH DMR VINA

GIÁM ĐỐC
KIM JUNG IO

ĐƠN VỊ THI CÔNG / CONSTRUCTION UNIT
CÔNG TY CP ĐT XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NAM PHƯƠNG

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

TRỊNH XUÂN NAM

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN
PROJECT MANAGER

PHẠM VĂN CƯỜNG

CÔNG TRÌNH / PROJECT:
CÔNG TY TNHH DMR VINA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / LOCACION :
ĐƯỜNG D1 - KHU E KCN HÒA MẠC - XÃ TRẠC VĂN
HUYỆN DUY TIÊN - TỈNH HÀ NAM
ROAD D1 - SECTION E HOA MAC INDUSTRIAL - TRAC VAN
COMMUNE - DUY TIEN DISTRIST - HA NAM PROVINCE

HẠNG MỤC / ITEM :
KHO RÁC / WASTE STORE

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME :
MẶT BẰNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG + CÔNG TẮC

BẢN VẼ KTTC TECHNICAL DRAWINGS NĂM 2019 / YEAR 2019	BV: 03

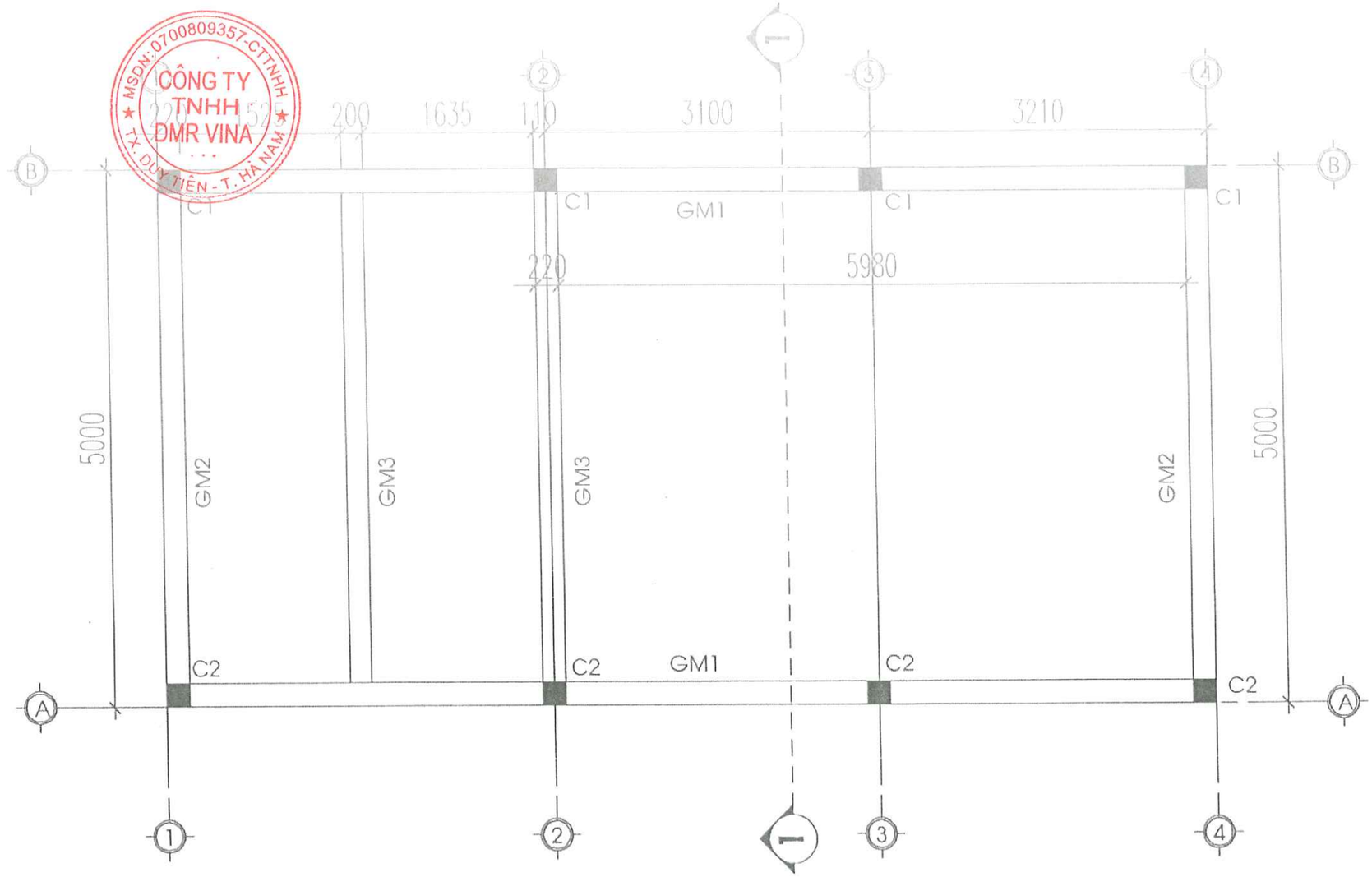

MẶT BẰNG MÓNG

Ghi chú :

- Nền hoàn thiện cao hơn nền đường nội bộ 18cm

- Tường 10cm xây gạch bê tông 10x17x27cm,vữa M75
  Wall 10cm built bricks concrete,10x17x27cm, mortar M75
- Tường trong trát vữa mác 75,dày 1.5cm / Walls in plaster mortar 75, 1.5cm thick
  Sơn 1 lớp lót,2 lớp phủ màu chỉ định / Paint 1 primer, 2 color coatings specified
- Tường ngoài trát vữa mác 75,dày 1.5cm / External wall plastered 75, 1.5cm thick
  Sơn 1 lớp lót,2 lớp phủ màu chỉ định / Paint 1 primer, 2 color coatings specified

CHỦ ĐẦU TƯ : INVESTOR
CÔNG TY TNHH DMR VINA

CÔNG TY TNHH DMR VINA

GIÁM ĐỐC
KIM JUNBO

ĐƠN VỊ THI CÔNG : CONSTRUCTION UNIT
CÔNG TY CP ĐT XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
NAM PHƯƠNG

NCC

Địa chỉ : Thôn Quán Giang, Xã Châu Giang, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Mobile : 0243 852 002 - Email : pnc.vietnam.vn@gmail.com

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

TRỊNH XUÂN NAM

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN :
PROJECT MANAGER

PHẠM VĂN CƯỜNG

CÔNG TRÌNH / PROJECT :

CÔNG TY TNHH DMR VINA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / LOCACION :
ĐƯỜNG D1 - KHU E KCN HÒA MẠC - XÃ TRẮC VĂN
HUYỆN DUY TIÊN - TỈNH HÀ NAM
ROAD D1 - SECTION E HOA MAC INDUSTRIAL - TRAC VAN
COMMUNE - DUY TIEN DISTRIST - HA NAM PROVINCE

HẠNG MỤC / ITEM :

KHO RÁC / WASTE STORE

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME :

MẶT BẰNG MÓNG

BẢN VẼ KTTC TECHNICAL DRAWINGS NĂM 2019 / YEAR 2019	BV: 04

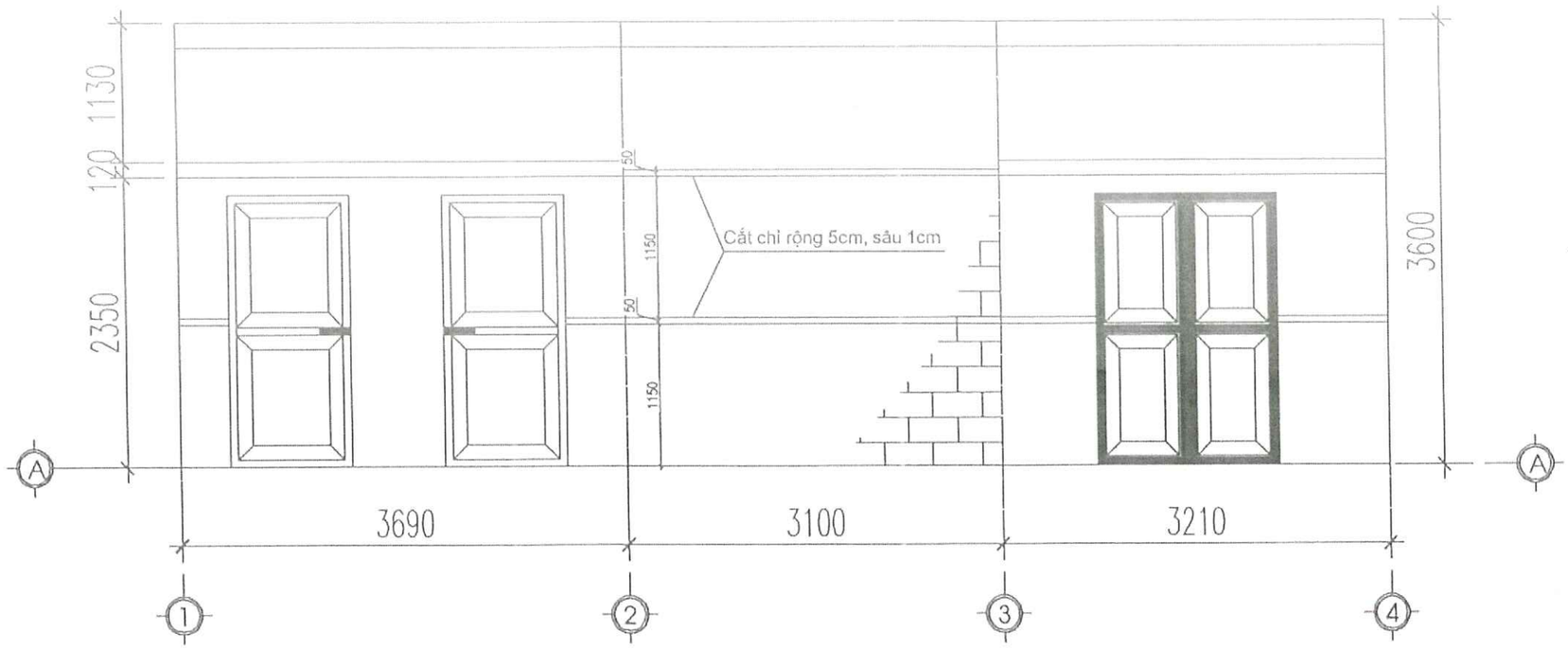

MẶT ĐỨNG TỪ 1 - 4

CÔNG TY TNHH DMR VINA

GIÁM ĐỐC
KIM JUNHO

ĐƠN VỊ THI CÔNG / CONSTRUCTION UNIT:
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NAM PHƯƠNG

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

TRỊNH XUÂN NAM

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN :
PROJECT MANAGER

PHẠM VĂN CƯỜNG

CÔNG TRÌNH / PROJECT:
CÔNG TY TNHH DMR VINA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / LOCACION :
ĐƯỜNG D1 - KHU E KCN HÒA MẠC - XÃ TRẠC VĂN
HUYỆN DUY TIÊN - TỈNH HÀ NAM
ROAD D1 - SECTION E HOA MAC INDUSTRIAL - TRAC VAN
COMMUNE - DUY TIEN DISTRUST - HA NAM PROVINCE

HẠNG MỤC / ITEM :
KHO RÁC / WASTE STORE

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME :
MẶT ĐỨNG 1 - 4

BẢN VẼ KỸ THUẬT
TECHNICAL DRAWINGS
NĂM 2019 / YEAR 2019

BV: 05

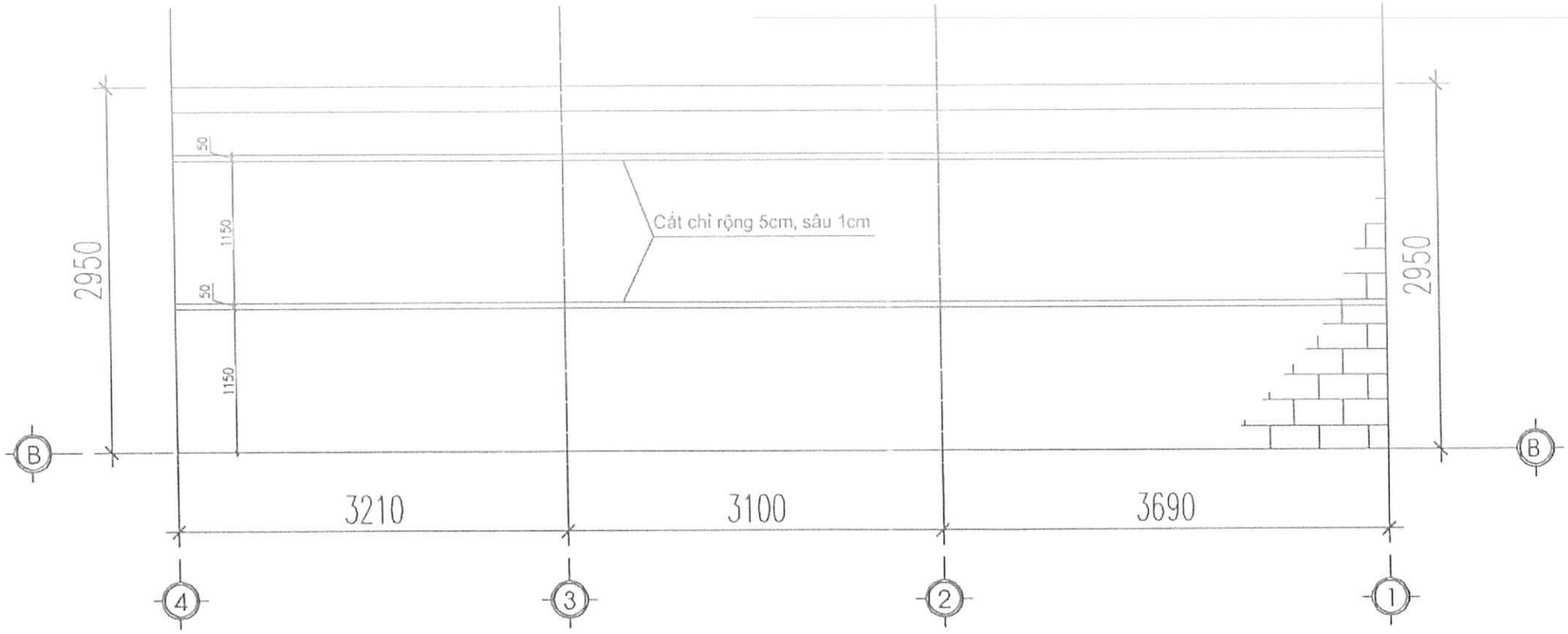

MẶT ĐỨNG TỪ 4 - 1

CÔNG TY TNHH DMR VINA

GIÁM ĐỐC
KIM SƯƠNG HO

ĐƠN VỊ THI CÔNG / CONSTRUCTION UNIT
CÔNG TY CP ĐT XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NAM PHƯƠNG

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

TRỊNH XUÂN NAM

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN
PROJECT MANAGER

PHẠM VĂN CƯỜNG

CÔNG TRÌNH / PROJECT
CÔNG TY TNHH DMR VINA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / LOCACION :
ĐƯỜNG D1 - KHU E KCN HÒA MẠC - XÃ TRẠC VĂN
HUYỆN DUY TIÊN - TỈNH HÀ NAM
ROAD D1 - SECTION E HOA MAC INDUSTRIAL - TRAC VAN
COMMUNE - DUY TIEN DISTRIST - HA NAM PROVINCE

HẠNG MỤC / ITEM :
KHO RÁC / WASTE STORE

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME :
MẶT ĐỨNG 4 - 1

BẢN VẼ KTTC TECHNICAL DRAWINGS NĂM 2019 / YEAR 2019	BV 06

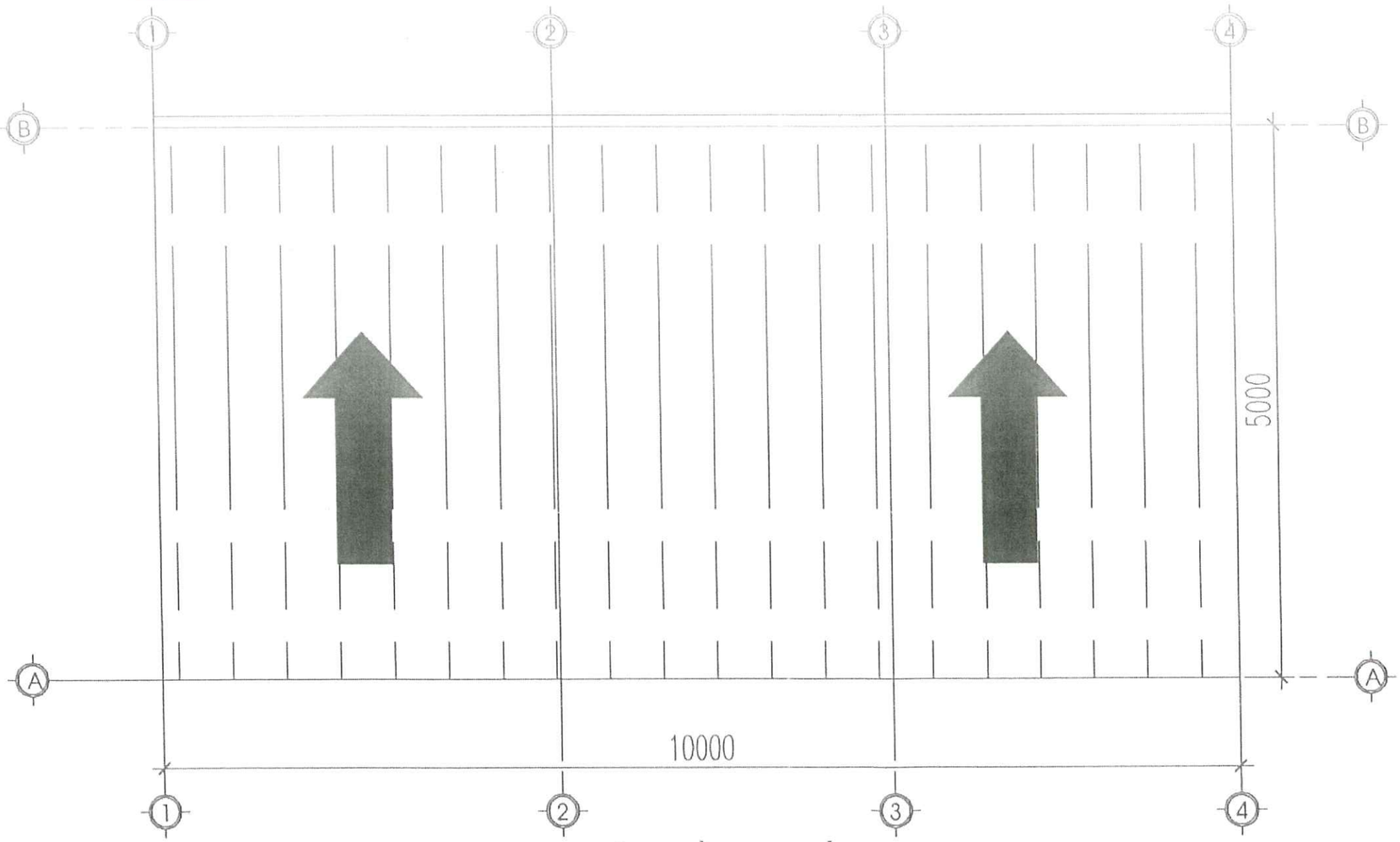

MẶT BẰNG MÁI

CÔNG TY TNHH DMR VINA

ĐƠN VỊ THI CÔNG / CONSTRUCTION UNIT:
CÔNG TY CP ĐT XÂY DỰNG TRƯỜNG HẢI NAM PHƯƠNG

TRỊNH XUÂN NAM

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN / PROJECT MANAGER:

PHẠM VĂN CƯỜNG

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

CÔNG TY TNHH DMR VINA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / LOCACION:

ĐƯỜNG D1 - KHU E KCN HÒA MẠC - XÃ TRẠC VĂN
HUYỆN DUY TIÊN - TỈNH HÀ NAM

ROAD D1 - SECTION E HOA MAC INDUSTRIAL - TRAC VAN
COMMUNE - DUY TIEN DISTRIST - HA NAM PROVINCE

HẠNG MỤC / ITEM:

KHO RÁC / WASTE STORE

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME:

MẶT BẰNG MÁI

BẢN VẼ KTTC TECHNICAL DRAWINGS NĂM 2019 / YEAR 2019	BV: 07

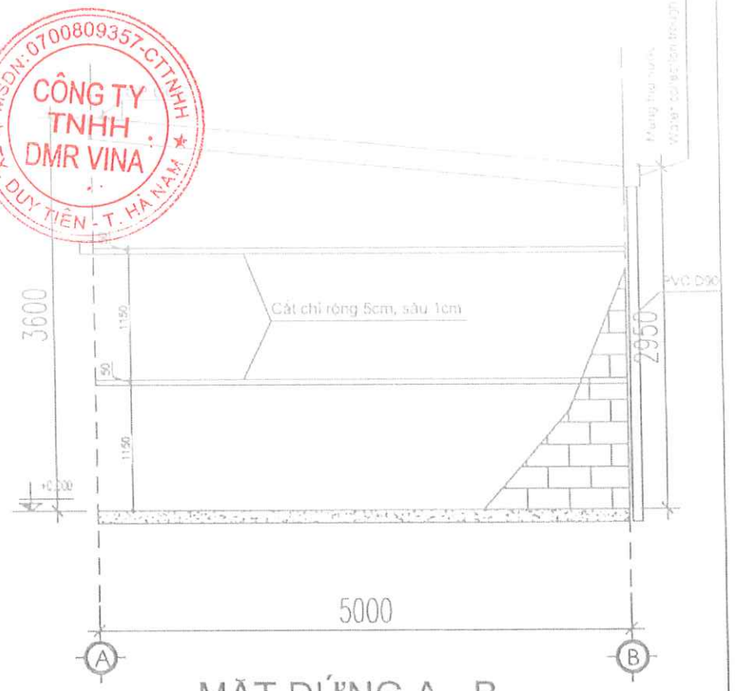

MẶT ĐỨNG A - B

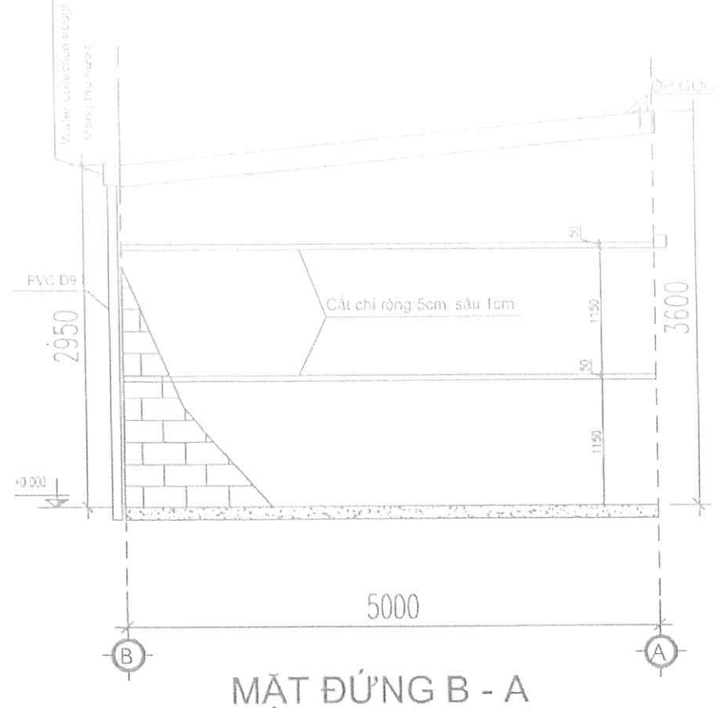

MẶT ĐỨNG B - A

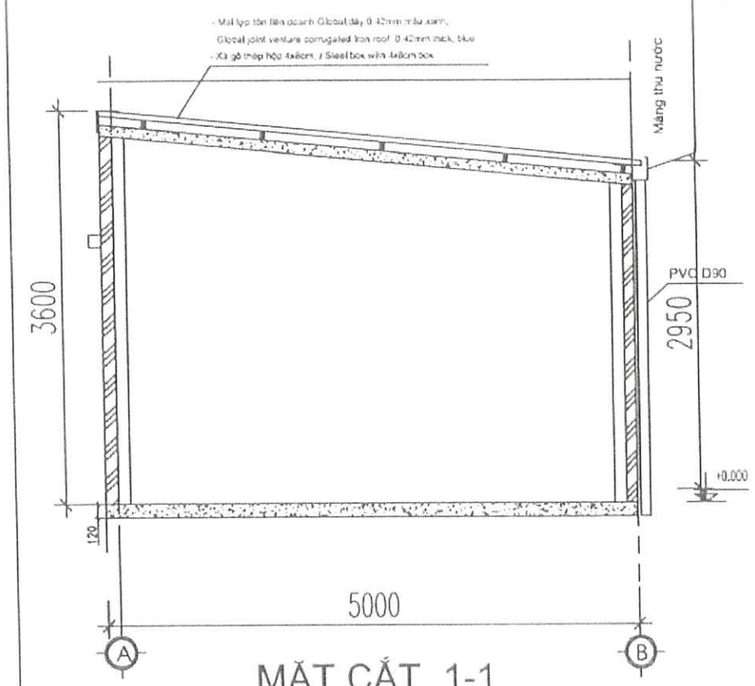

MẶT CẮT 1-1

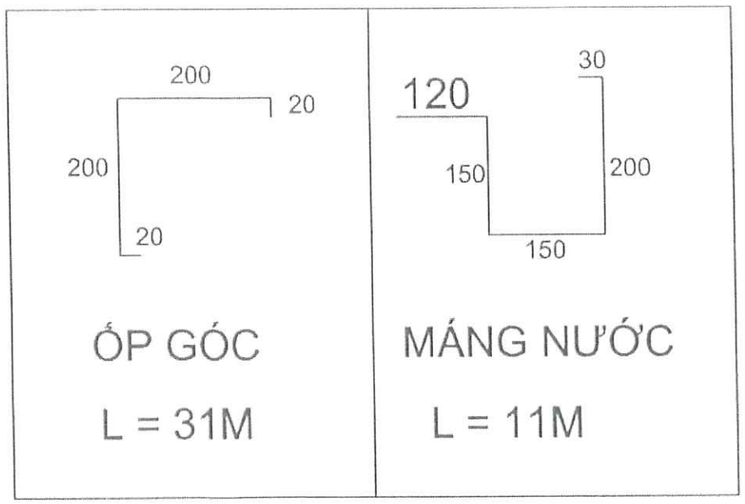

CHỦ ĐẦU TƯ : NETSTAR

CÔNG TY TNHH DMR VINA

GIÁM ĐỐC

KIM [illegible]

ĐƠN VỊ THI CÔNG / CONSTRUCTION UNIT

CÔNG TY CP ĐT XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NAM PHƯƠNG

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

TRỊNH XUÂN NAM

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN :
PROJECT MANAGER

PHẠM VĂN CƯỜNG

CÔNG TRÌNH / PROJECT :

CÔNG TY TNHH DMR VINA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / LOCACION :

ĐƯỜNG D1 - KHU E KCN HÒA MẠC - XÃ TRẮC VĂN
HUYỆN DUY TIÊN - TỈNH HÀ NAM

ROAD D1 - SECTION E HOA MAC INDUSTRIAL - TRAC VAN
COMMUNE - DUY TIEN DISTRIST - HA NAM PROVINCE

HẠNG MỤC / ITEM :

KHO RÁC / WASTE STORE

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME

MẶT CẮT 1 - 1, CHI TIẾT MÁNG NƯỚC
MẶT ĐỨNG A - B , B - A

BẢN VẼ KTTC TECHNICAL DRAWINGS NĂM 2019 / YEAR 2019	BV: 08

Ghi chú / Note:

Bê tông M250 áp dụng cho tất cả các cấu kiện trong hạng mục
Concrete M250 applies to all components in the category

- Nền bê tông M250 ,dày 12cm
  Concrete substrate M250 , 12cm thick
- Tường 11cm xây gạch bê tông 10x17x27cm,vữa M75
  Wall 11cm built bricks concrete,10x17x27cm, mortar M75
- Tường trong trát vữa mác 75,dày 1.5cm / Walls in plaster mortar 75, 1.5cm thick
  Sơn 1 lớp lót,2 lớp phủ màu chỉ định / Paint 1 primer, 2 color coatings specified
- Tường ngoài trát vữa mác 75,dày 1.5cm / External wall plastered 75, 1.5cm thick
  Sơn 1 lớp lót,2 lớp phủ màu chỉ định / Paint 1 primer, 2 color coatings specified
- Cửa D1+ D2 khung thép 3x6x1.5
  Door D1+ D2 steel frame 3x6x1.5,Paint color
- Cột,nền sàn,bê tông M250./ Column, floor, concrete M250
- Xà gồ thép hộp 4x8cm, / Steel box with 4x8cm box
- Mái lợp tôn liên doanh Global,dày 0.42mm,màu xanh,
  Global joint venture corrugated iron roof, 0.42mm thick, blue

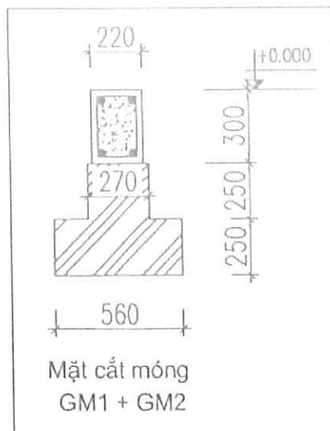

Mặt cắt móng
GM1 + GM2

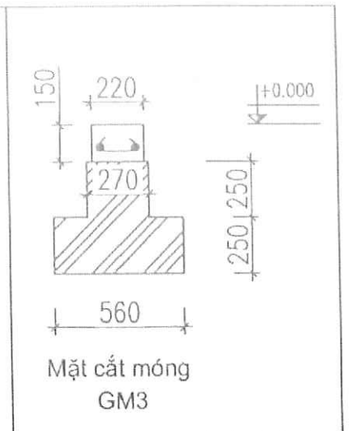

Mặt cắt móng
GM3

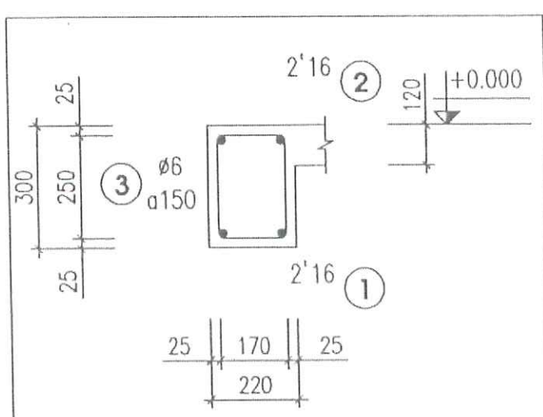

MẶT CẮT GM1+ GM2

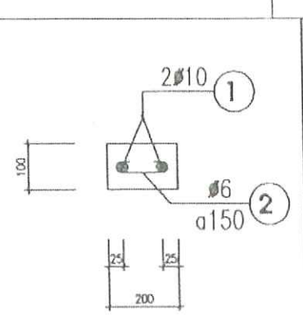

Giằng tường
Bracing the wall

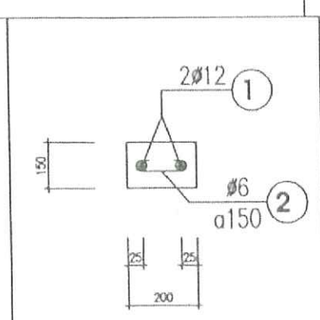

MẶT CẮT GM3
LT D1 + LT D2

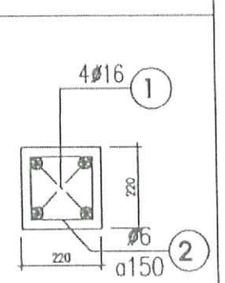

MẶT CẮT CỘT
CỘT C1 + C2

CÔNG TY TNHH DMR VINA

GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ THI CÔNG / CONSTRUCTION UNIT :
CÔNG TY CP ĐT XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NAM PHƯƠNG

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

TRỊNH XUÂN NAM

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN :
PROJECT MANAGER

PHẠM VĂN CƯỜNG

CÔNG TRÌNH / PROJECT :
CÔNG TY TNHH DMR VINA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / LOCACION :
ĐƯỜNG D1 - KHU E KCN HÒA MẠC - XÃ TRẮC VĂN HUYỆN DUY TIÊN - TỈNH HÀ NAM
ROAD D1 - SECTION E HOA MAC INDUSTRIAL - TRAC VAN COMMUNE - DUY TIEN DISTRIST - HA NAM PROVINCE

HẠNG MỤC / ITEM :
KHO RÁC / WASTE STORE

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME :
CHI TIẾT MÓNG, CỘT, LANH TÔ, GIẰNG TƯỜNG

BẢN VẼ KTTC / TECHNICAL DRAWINGS	BV 09
NĂM 2019 / YEAR 2019	

CỬA / DOOR : D1

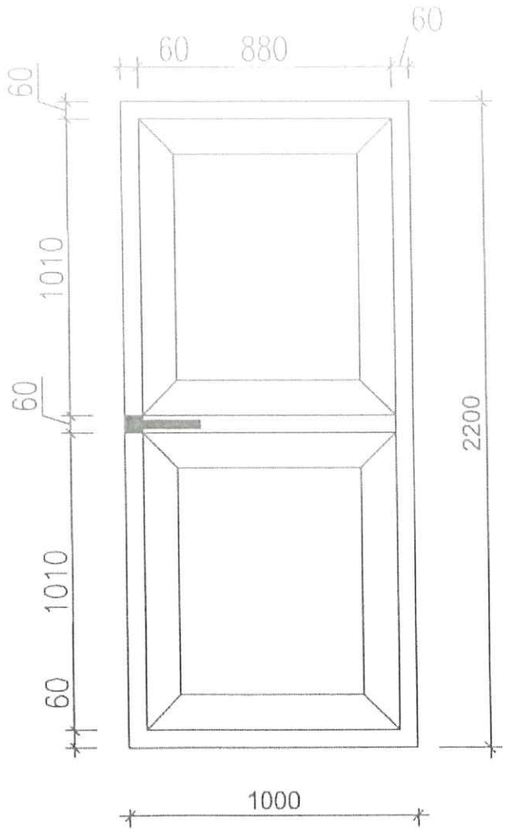

CỬA / DOOR : D2

CÔNG TY TNHH DMR VINA

CÔNG TY TNHH DMR VINA

GIÁM ĐỐC

KIM SUNHO

ĐƠN VỊ THI CÔNG / CONSTRUCTION UNIT

CÔNG TY CP ĐT XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NAM PHƯƠNG

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

TRỊNH XUÂN NAM

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN :
PROJECT MANAGER

PHẠM VĂN CƯỜNG

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

CÔNG TY TNHH DMR VINA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / LOCACION :

ĐƯỜNG D1 - KHU E KCN HÒA MẠC - XÃ TRẠC VĂN
HUYỆN DUY TIÊN - TỈNH HÀ NAM

ROAD D1 - SECTION E HOA MAC INDUSTRIAL - TRAC VAN
COMMUNE - DUY TIEN DISTRUST - HA NAM PROVINCE

HẠNG MỤC / ITEM :

KHO RÁC / WASTE STORE

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME :

CHI TIẾT CỬA
DOOR DETAILS

BẢN VẼ KTTC TECHNICAL DRAWINGS NĂM 2019 / YEAR 2019	BV: 10

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP CỘT + LANH TÔ

TÊN CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
CỘT C2 / SL: 4	1	180 | 3720	16	3900	4	16	62.4	98.49
	2	170 | 170 | 50	6	780	25	100	78	17.31
CỘT C1 / SL: 4	1	200 | 3200	16	3400	4	16	54.4	85.86
	1	170 | 170 | 50	6	780	21	84	65.52	14.54
GT / SL: 1	1	200 | 40000 | 200	10	41300	2	2	82.6	50.93
	2	50 | 130 | 50	6	230	280	280	64.4	14.29
LT D1 / SL: 1	1	3000	12	3000	2	2	6	5.33
	2	50 | 130 | 50	6	230	22	22	5.06	1.12
LT D2 / SL: 2	1	1500	12	1500	2	4	6	5.33
	2	50 | 130 | 50	6	230	11	22	5.06	1.12
THÉP NEO		100 | 300	6	400	220	220	88	19.53

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 67.91 kg; Chiều dài = 306.04 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 50.93 kg; Chiều dài = 82.6 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ12 = 10.66 kg; Chiều dài = 12 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ16 = 184.35 kg; Chiều dài = 116.8 mét

CÔNG TY TNHH DMR VINA

GIÁM ĐỐC
KIM JINHO

ĐƠN VỊ THI CÔNG / CONSTRUCTION UNIT
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
SAM PHƯƠNG

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

TRỊNH XUÂN NAM

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN / PROJECT MANAGER

PHẠM VĂN CƯỜNG

CÔNG TRÌNH / PROJECT
CÔNG TY TNHH DMR VINA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / LOCACION :
ĐƯỜNG D1 - KHU E KCN HÒA MẠC - XÃ TRẠC VĂN
HUYỆN DUY TIÊN - TỈNH HÀ NAM
ROAD D1 - SECTION E HOA MAC INDUSTRIAL - TRAC VAN
COMMUNE - DUY TIEN DISTRIST - HA NAM PROVINCE

HẠNG MỤC / ITEM :
KHO RÁC / WASTE STORE

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME :
THỐNG KÊ THEP

BẢN VẼ KTTC
TECHNICAL DRAWINGS
NĂM 2019 / YEAR 2019

BV: 11

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP MÓNG

C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
GM1 Số lượng: 2	1	9950	16	9950	2	4	39.8	62.82
	2	200 | 9950 | 200	16	10350	2	4	41.4	65.34
	3	170 | 250 | 50	6	940	70	140	131.6	29.21
GM2 Số lượng: 2	1	4950	16	4950	2	4	19.8	31.25
	2	200 | 4950 | 200	16	5350	2	4	21.4	33.78
	3	170 | 250 | 50	6	940	35	70	65.8	14.60
GM3 Số lượng: 2	1	150 | 4950 | 150	12	5250	2	4	21	18.64
	2	50 | 170 | 50	6	270	35	70	18.9	4.19

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 48 kg; Chiều dài = 216.3 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ12 = 18.64 kg; Chiều dài = 21 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ16 = 193.19 kg; Chiều dài = 122.4 mét

CÔNG TY TNHH DMR VINA

GIÁM ĐỐC

KIM LUNG HO

ĐƠN VỊ THI CÔNG - CONSTRUCTION UNIT

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NAM PHƯƠNG 1

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

TRỊNH XUÂN NAM

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN :
PROJECT MANAGER

PHẠM VĂN CƯỜNG

CÔNG TRÌNH / PROJECT :

CÔNG TY TNHH DMR VINA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / LOCACION :

ĐƯỜNG D1 - KHU E KCN HÒA MẠC - XÃ TRẮC VĂN HUYỆN DUY TIÊN - TỈNH HÀ NAM

ROAD D1 - SECTION E HOA MAC INDUSTRIAL - TRAC VAN COMMUNE - DUY TIEN DISTRIST - HA NAM PROVINCE

HẠNG MỤC / ITEM :

KHO RÁC / WASTE STORE

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME :

THỐNG KÊ THEP

BẢN VẼ KTTC TECHNICAL DRAWINGS	BV: 12
NĂM 2019 / YEAR 2019	